

SANGTAO

THÁNG TƯ 1958

KHẢO LUẬN :

NGUYỄN SỸ TẾ Chủ thuyết Siêu thực
NGUYỄN SA Con người trong triết học hiện đại
THÁI BẠCH. Một nữ sĩ miền Nam
NGUYỄN PHỤNG Hệ thống âm nhạc Nhật Bản

SÁNG TÁC :

MAI THẢO Chiếc xe đẹp cũ
LÊ VĂN SIÊU. Hà ô Lôi, tiếng hát giết người
LÔI TAM. Phía mặt trời mọc
DOÃN QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh

THƠ CỦA :

QUÁCH THOẠI — TÔ THUY YÊN — TẠ TỶ
TUẤN GIANG—SAO BĂNG—THẠCH TRẦN
ĐOÀN ĐÌNH QUỲNH — VƯƠNG TÂN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN ĐĂNG : XÓM NGHÈO tập truyện ngắn của NGUYỄN THỊ VINH — BỐN TRUYỆN NGẮN ANH VĂN CHỌN LỌC bản dịch của VÕ HÀ LANG — MAI THẢO : LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA PHONG TRÀO QUỐC GIA VIỆT NAM của NGHIÊM XUÂN HỒNG — NGUYỄN TRUNG : MỘT Ý KIẾN VỀ CUỘC TRIỀN LÂM DUY THANH

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 133B, KÝ CON - SAIGON

MỤC LỤC

	Trang
NGUYỄN SỸ TẾ	CHỦ THUYẾT SIÊU THỰC 1
LÊ VĂN SIÊU	HÀ Ó LỜI, TIẾNG HÁT GIẾT NGƯỜI . 12
QUÁCH THOẠI	NHỮNG TIẾNG GIÀY 29
TUẤN GIANG	ÁNH MẮT 29
THẠCH TRẦN	NGẬM NGÙI 30
ĐOÀN ĐÌNH QUỲNH	CẦU NGUYỄN 31
SAO BĂNG	YÊU 31
TỔ THÙY YÊN	DỪ SAO 32
LÔI TAM	PHÍA MẶT TRỜI MỘC 33
THÁI BẠCH	MỘT NỖ SĨ MIỀN NAM 38
ĐOÃN QUỐC SỸ	DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH 44
NGUYỄN PHỤNG	HỆ THỐNG ÂM NHẠC NHẬT BẢN . . 60
TẠ TỶ	BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI 65
MAI THẢO	CHIẾC XE ĐẠP CŨ 67
NGUYỄN SA	CƠN NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC . . .
	HIỆN ĐẠI 72

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN DẰNG : XÓM NGHÈO TẬP TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN THỊ VINH — BỐN TRUYỆN NGẮN ANH VĂN CHỌN LỌC BẢN DỊCH CỦA VÕ HÀ LANG (trang 78) — NGUYỄN TRUNG : MỘT Ý KIẾN VỀ THIỀN LÂM DUY THANH (trang 79) — MAI THẢO : LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA PHONG TRÀO QUỐC GIA VIỆT NAM CỦA NGHIÊM XUÂN HỒNG (trang 80).

W 114526

THƯ TỪ BÀI VỞ GỬI CHO : MAI THẢO
 TIỀN BẠC VÀ NGÂN PHIẾU : ĐẶNG LÊ KIM
 TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO
 133 B, đường Kỳ Con — SAIGON

CHỦ THUYẾT SIÊU THỰC

NGUYỄN SỸ TẾ

KHOẢNG mười năm nay, danh từ Siêu thực đã vượt trạng thái một « danh từ đã man » mà du nhập ngôn ngữ nước nhà. Cũng có người nhìn nhận ở chủ thuyết đó một lối thoát cho tư tưởng và nghệ thuật hiện lâm ngõ bí và đưa ra đề chống đối lại chủ trương « hiện thực xã hội » sai lầm và lỗi thời của Cộng sản. Cũng có người la ó ở nó một lý thuyết điên rồ, quái đản, một « bệnh dịch hạch đen » chỉ đưa tới đồ vớ, hỗn loạn. Và cũng có người dè dặt hơn lợi dụng một số khám phá của nó trong công cuộc suy tư hay trước tác. Dầu sao Siêu thực cũng đã là một thực tại văn học, một sự kiện đã hai lần phát động vào hai thời hậu chiến trước và sau trong thế kỷ chúng ta, trước ở Pháp sau lan rộng ra Âu châu và vượt sang cả Mỹ châu. Như vậy, chúng ta không thể không tự hỏi : Siêu thực là gì ?

Trong bài biên khảo nhỏ này, chỉ xin trình bày đại cương của chủ thuyết siêu thực dựa vào những tài liệu phổ thông trong văn học Pháp (1). Lại xin nói ngay rằng : Đề bạn đọc quán xuyên mau lẹ vấn đề, xin bớt phần biện luận. Vả lại, xét cho cùng thì chủ thuyết siêu thực cho đến nay vẫn còn rời rạc, có những mâu thuẫn và những bước đi dò dẫm quanh co, chưa kết chặt thành hệ thống vẹn toàn ; các lý thuyết gia của nó nhiều lúc cũng chỉ thuận tình giảng dạy không biện luận. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa bảo siêu thực chưa đặt được những điểm chủ yếu của một môn phái, mà trái lại.

Lại nữa, trước khi trình bày lý thuyết, hãy xin nói về *nguyên nhân tác thành* của phong trào văn học này — Có thể nói rằng phong trào siêu thực có nguồn gốc xa vời ở phong trào Tượng trưng vào hồi cuối thế kỷ XIX vốn là một phản ứng chống lại đầu óc quá thiên về khoa học và vật chất, tìm một lối thoát sang văn minh Đông phương. Nhấn mạnh vào một vài khía cạnh nào đó, một số bình luận gia lại nhận rằng Siêu thực chính là « Tượng trưng triệt để » — Về nguyên nhân gần, người ta kể đến hoàn cảnh xã hội Tây phương sau kỳ Đại chiến thế giới lần thứ nhất 1914-18. Đó là một xã hội ngơ ngác, bàng hoàng, sống trong đồ vớ, tiêu hủy, xáo động, đã chứng kiến bao phản

(1) Văn học sử của G. Lanson ; Luận về André Breton của Cl. Mauriac ; Tugén ngôn siêu thực I và II ; một số tác phẩm của Apollinaire, André Breton, Eluard.

bội, sảo trá, tội lỗi. Trong khi lớp nhà văn cũ thối rữa không còn hơi sức đề ca ngợi hòa bình nên đành tìm sự yên hàn trong nhà cầm thì một lớp nhà văn mới xuất hiện với một lớp công chúng mới, cả hai đều được hun đúc trong bạo lực của chiến tranh. Văn học siêu thực chính là nền văn học thời hậu chiến phát sinh phần nào trong tình thần chủ bại vì chiến tranh. Cho nên người ta không lấy làm lạ rằng phong trào đó độ lên một thời mười năm, rồi suy yếu lần lần sau 1930, để rồi lại tái sinh vào thời hậu chiến thứ hai — Cũng trong khuôn khổ của nguyên nhân gần, có một khuynh hướng văn học tuy không được sâu rộng, song cũng là một động lực thúc đẩy phong trào siêu thực: khuynh hướng đa đa (có người dịch là môn phái Nhi đồng) với chủ trương hủy bỏ hết thảy, nghi ngờ tất cả, lật đổ hệ thống luân lý và thẩm mỹ cũ, phá phách lung tung, đề cao phi lý, hỗn loạn... Phong trào siêu thực bao gồm ý muốn chấm dứt cái phi lý và hỗn loạn vô chủ đích trên, kiến tạo lại xã hội và con người trên một phương cách khéo khôn, sâu sắc và bền bỉ hơn (mặc dầu vẫn còn cái phi lý và hỗn loạn riêng của nó). Phê bình phong trào đa đa, người ta bảo: ít nhất nó cũng đã chứng minh được một cách thành khẩn sự *trỗi dậy của những sức lực thâm kín hoang dại dồn ép trong con người từ thuở ban đầu và vẫn bị nhân loại lãng khinh cho là thấp kém*. Khai thác, hướng dẫn, lợi dụng những sức lực thâm kín này cũng là một trong những mục tiêu của chủ trương siêu thực.

Thoát thai trong hoàn cảnh trên, chủ thuyết siêu thực nuôi một tham vọng lớn lao là vừa cách mạng tư tưởng, vừa cách mạng nghệ thuật. Chủ thuyết siêu thực đã mang lại cho tư tưởng giới và nghệ thuật giới những gì, đó là hai điểm mà chúng ta sẽ phân tích dưới đây, biết rằng đó cũng chỉ là hai khía cạnh tương thông của một thực thể.

I.— LÃNH VỰC TƯ TƯỞNG

Về phương diện tư tưởng, thật khó tìm được một danh từ để định tính gọn gàng, mau lẹ chủ thuyết siêu thực, mà không phản bội nó. Trên kia chúng ta đã nhắc nhở tới tính chất phức tạp, biến động, rời rạc và đôi lúc mâu thuẫn của chủ thuyết.

Trước hết trên một bình diện rất tổng quát, có thể coi đó là một *quan niệm triết học có cái tham vọng vượt khỏi cái hố sâu đào giữa Duy tâm tuyệt đối và Duy vật biện chứng*. Thuyết siêu thực đi chung một đoạn đường với Duy vật nhất là về xã hội và kinh tế. Nói cho đúng ra thì xã hội và kinh tế là hai lãnh vực họ ít đề cập tới, họ còn thiếu sót, họ phải dựa dẫm. Mặt khác, triết học siêu thực lại

tin tưởng vào những sức lực thần bí (nhiều lúc tới quá khích) của vũ trụ, của con người, tin tưởng ở sự bất diệt của linh hồn hay sự « bất tử không thời ». Một số bình luận gia còn nhìn nhận ở siêu thực một tôn giáo đa thần nữa. Chẳng có lúc người siêu thực nói : « Huyền bí học một khoa học cơ bản của siêu thực » sao ? Ngoài ra, người siêu thực lại còn nhằm giải quyết những mâu thuẫn, những cực đoan khác. Bản *Tuyên ngôn siêu thực thứ hai* nói : « Rất có thể tin được rằng có một điểm nào đó của trí óc từ đó người ta sẽ nhận thức mà không thấy mâu thuẫn nữa sự sống với sự chết, sự thật với sự mơ, quá khứ với tương lai, điều cảm thông và điều bất khả cảm thông. »

Cũng có thể coi chủ thuyết siêu thực là sự cố gắng phá vỡ một nền nhận bản mới chú trọng vào hai điều : cách mạng tư tưởng và cách mạng con người — Thật thế người siêu thực chủ trương thay thế tư tưởng của con người bằng những thực thể tâm lý cơ bản, bằng vô thức, tiềm thức, trực giác. Cũng trong bản tuyên ngôn siêu thực thứ hai : « Tư tưởng của chủ thuyết siêu thực nhằm lấy lại đầy đủ sức lực tâm lý của ta bằng một phương diện không chỉ khác lạ hơn là sự tự xuống một cách quay cuồng trong ta, sự chiếu sáng trọn vẹn những nơi tối tăm, và làm tối tăm lần lần các nơi khác, sự đi ngao du trăng kỳ trong những lãnh vực cấm đoán ». Như vậy siêu thực cũng là một quan niệm nhận thức, một phương cách nhận thức. Eluard đi xa hơn : một khi cụ nhận thức và cũng là một khi cụ đề chính phục và bảo vệ — Cách mạng thân phận con người, phái siêu thực chủ trương giải thoát con người khỏi mọi trở lực, giải cứu động lực cơ bản của đời sống là ước muốn. Trong cuộc sống, con người phải cố gắng tự thể hiện, và mạnh dạn đặt đề trọn vẹn nhân cách của mình. Đây cũng chính là sự trỗi dậy của những sức lực thầm kín hoang dại dồn ép trong con người nói trên kia. Người siêu thực không ngại ngần đưa lương tri « trần trụi » của con người ra trước ánh sáng. Đây là cả một vấn đề khủng hoảng lương tâm trước những biến động lớn lao của lịch sử nhân loại, mà duy vật biện chứng là một. Người siêu thực cố gắng chứng minh rằng tư tưởng là chung cho mọi người, cố gắng rút bớt sự cách biệt giữa người với người và vì lẽ đó từ chối không phụng sự một « trật tự phi lý nào dựa trên sự bất bình đẳng, lừa dối, hèn nhát ». Eluard làm thơ ca ngợi tự do và André Breton khấn thiết gọi cầu trong 20 năm trời : « Danh từ tự do là tất cả những gì làm tôi phẫn khởi. Bây giờ nó vẫn còn làm tôi phẫn khởi. Tự do : đầu người ta có thể xử dụng người lạm lợi tới bậc nào, người vẫn không hề suy xuyến ». Trở lại danh từ « ước muốn », người siêu thực công nhận có những giá trị không thể chối cãi được, giá trị mà họ gọi là

giá trị ban đầu dựa vào một giá trị tuyệt đối và độc nhất là ước muốn. Ước muốn lại được coi là « mẫu số chung » cho mọi biểu lộ phần tạp cao đẹp hay tồi tàn trong cuộc sống. Và bên trên ước muốn đó, điều mà chúng ta gọi là sự *linh cơ* chỉ là biểu lộ của một sự cần thiết bên ngoài tìm một con đường đi vào vô thức của con người. Và đây cũng là cái khía cạnh mới của siêu thực: sự ngờ vực căn bản phải công hãm nguyên lý thực thể sao cho những hình thức của cuộc sống mất đi cái tính cách độc đoán thông thường của nó, sao cho đời người phải được nhận thức trong cái tiến thành miên tục của nó. Nhưng một nền nhân bản mới, theo người siêu thực, chỉ được « xây dựng vào cái ngày mà lịch sử viết lại sau khi được hòa đồng giữa các dân tộc và rút về một lối kể độc nhất, chấp thuận việc lấy con người, tất cả con người, làm đề tài với tất cả tài liệu có thể kiếm ra được từ xưa, chấp thuận việc kể lẽ một cách khách quan mọi sự việc, mọi cử chỉ quá vãng mà không có quan tâm riêng biệt về nơi chốn con người ở, về ngôn ngữ con người nói ». Khi ấy tất phải tiến tới một bản tuyên ngôn nhân quyền mới.

Nói tới siêu thực tất phải nói tới thực thể và vũ trụ — Đây là đại cương quan niệm về *thực thể* và *siêu thực thể*. Người siêu thực không phủ nhận thực thể: *Nguyên lý về thực thể chỉ có thể được bỏ đi là nhân danh một thực thể thứ hai mà nhiều khi người tìm kiếm đã chỉ lượm được một ảo ảnh*. André Breton nói: « Tất cả những gì tôi mến yêu, tất cả những gì tôi nghĩ và tôi cảm điu tôi đến một triết lý đặc biệt về thực tại theo đó thì siêu-thực-thể lại chứa đựng chính ngay trong thực thể, không ở trên mà cũng không ở ngoài ». Eluard kể lại Rousseau cũng nói: « Tôi biết rằng sự thật ở bên trong những sự vật chứ không ở trong đầu óc tôi phê phán chúng ». Theo lập luận đó, người siêu thực cho rằng có những nguy biến vô cùng ý nghĩa và nặng tâm quan trọng hơn là những chân lý vững vàng. Hoặc: điều thần tình trong cái kỳ ảo là không có cái kỳ ảo mà chỉ có sự thực. Cũng như ta thường nói: trong cái mộng có cái thực và trong cái thực có cái mộng — Để trình bày rõ hơn nữa tư tưởng siêu thực, xin nói về vũ trụ. Trong tập *Tình điên* (Amour Fou) A. Breton viết: « Người ta bảo vũ trụ không còn điều gì mới mẻ đáng nói về phía đứng của chúng ta... Tôi muốn vũ trụ thay đổi không phải là tôi mong mỗi hảo huyền người ta trở về thời các truyền kỳ, mà tiến tới cái thời truyền kỳ sẽ không còn là truyền kỳ nữa... Những biến chuyển bất ngờ cần phải được tìm đến vô điều kiện ». Nhưng làm sao tiến tới được một vũ trụ mới? — Người tượng trưng chủ trương « loạn hành cảm giác ». Người siêu thực tin vào năng lực vô biên của động lực tâm lý, hoặc họ mượn

Freud : Không những trở lại làm trẻ thơ (đa đa) mà còn trở lại làm người thái cổ, con người đó vốn gán cho tiếng nói một ma lực ghê gớm và khi ấy vũ trụ rất có thể đổi dạng bằng cái mà Freud gọi là « vạn năng của ý tưởng » (la toute puissance des idées).

Với quan niệm triết học về nhận thức, về con người và về vũ trụ phức lược trên, con người siêu thực còn là một *con người hành động*. Đây là nơi có những hòa đồng hay những chống đối ác liệt hơn nữa giữa người siêu thực và người mắc xít, hai bên chẳng chịu nhau, bên nào cũng muốn nắm quyền chi phối. Tôi muốn nói tới *quan niệm về cách mạng* của họ.

Quan niệm về cách mạng của chủ thuyết siêu thực có thể rút về những điểm sau đây : — *Chỉ có cách mạng mới phong phú* — *Mọi nguyên cớ nổi loạn đều tốt* — *Sự phiến nghịch tự biện minh cho nó* — *Chỉ có sự nổi loạn mới tạo nên ánh sáng* — *Nổi loạn trước hết ! Nổi loạn luôn luôn ! Nổi loạn tuyệt đối !* — *Bất phục từng hoàn toàn và phá hoại triệt để !* — Như vậy, người siêu thực tin tưởng vô biên ở « vạn năng thiên thần » của cách mạng : « Cuộc sống sẽ không còn là một mối thất vọng cho một số người nếu chúng ta luôn luôn cảm thấy có thể làm những điều vượt sức lực của ta ; có thể phép lạ nhiệm màu không xa tầm tay với của ta ». Và trong một bài diễn thuyết năm 1922, André Breton hô hào : « Chỉ có một điều có thể làm ta ra khỏi, ít nhất cũng trong một thời gian nào đó, cái lồng khủng khiếp trong đó ta giẫy dụa, cái điều đó là cách mạng, một cuộc cách mạng nào đó, càng đỏ máu càng hay, một cuộc cách mạng mà hiện nay tôi đem hết cả sức lực ra mà cầu khẩn ! » Cũng vẫn theo nhà lý thuyết cốt cán của chủ thuyết là André Breton, và đây là một thí dụ, thì « hành động siêu thực đơn giản nhất là, súng lục nơi lòng tay, ta đi xuống phố mà thả sức bắn bừa vào đám đông nhằm những kẻ nào sao lại không thấy sự cần thiết phải giẫy dụa khỏi cái thân phận nhục hèn kia của họ ». Nói khác đi thế giới cũng như đời sống cần phải đổi thay, và để đổi thay chỉ có một con đường là cách mạng, cách mạng bạo tàn, cách mạng triệt để, cách mạng không ngừng. Ở đây chúng ta thấy người siêu thực đã chia sẻ quan niệm cách mạng của cộng sản và nhất là của L. Trotsky. Nhưng nếu như họ giống nhau phần nào về *tinh chất của cách mạng*, trái lại họ đã xung khắc nhau kịch liệt về *đối tượng của cách mạng* (xem trên), cũng như về *phương cách và đạo đức cách mạng*. Thật thế năm 1946, André Breton đã phải lớn tiếng đả kích « cái giáo điều tráo tràng kia của cộng sản là: cứu cánh biện minh cho phương tiện ». Lại nữa, người siêu thực dành một địa vị xứng đáng cho cá nhân, — và đặc biệt cho nghệ sĩ, — trong cách mạng, vì cho rằng : « năng lực của cá nhân có thể chiếu một luồng sáng cho cái ngu tối của tập thể » hoặc : « thì

ca tương thông với cách mạng ». Mặc dầu chấp nhận rằng người ta có thể xâm phạm luân lý hiện tại, song người siêu thực lại buộc có một điều kiện : trong hướng chiều của Tiến Bộ. Họ cảnh cáo cộng sản rằng có một « lãnh vực luân lý trong đó đồng loại không thể chữa khỏi cho đồng loại, trong đó đồng chủng liệu pháp (homéopathie) không có giá trị gì hết ». Như vậy chủ trương của siêu thực không phải là hoàn toàn trả đũa luân lý. Hỏi về điểm này André Breton minh xác : « Khởi đầu thì siêu thực là sự truyền đạo của tư tưởng. Đó là một sự thực cho chủ trương vô thức hay là làm như máy (automatisme), (1). nhưng vượt lên trên, thì những đòi hỏi luân lý, ít nhất cũng về phép cư xử của con người, vẫn có ». Ở chỗ khác, André Breton nhắc lại một lời bình luận của người đọc ông : « Lo toan về luân lý lúc là về ý nghĩa của cuộc đời chứ không phải về sự tuân theo luật lệ của con người. André Breton, do sự ham chuộng cuộc đời đúng đắn và thú phiêu lưu, đã trả lại cho danh từ tôn giáo cái ý nghĩa đích xác của nó ». Tuy nhiên có một nhược điểm trong lý thuyết về cách mạng của phái siêu thực cần phải nói tới để trở lại cái ý thức nổi loạn trên kia là : có một sự kiện thông thường là sự nổi loạn phát khởi rồi phải nhường chỗ cho cách mạng, sự hỗn loạn phải nhường bước cho Trật tự cao cả ; do đó lại có sự du nhập của một thứ « tùy thời » (conformisme) mới mà nền tảng của chủ thuyết siêu thực đã hết sức kết án. Đó chính là mối mâu thuẫn khởi thủy đầy vô người siêu thực trong nhiều năm, tuy có lợi trên phương diện chính trị, nhưng tai hại vô cùng trên phương diện tinh thần.

Theo mấy điều phác lược trên đây, ta có thể nhận định rằng : Trong lãnh vực tư tưởng, chủ thuyết siêu thực là một khuynh hướng triết học bao gồm duy tâm, duy vật và nhiều màu sắc triết học khác, một quan niệm nhận thức mới về sự vật, tin ở một siêu thực thể nấp sau thực thể, một nền nhân bản mới tin ở vạn năng của động lực tâm lý, một chủ trương cách mạng bạo tàn cho tư tưởng và cho thân phận con người.

II.— LÃNH VỰC NGHỆ THUẬT

Thực ra, như phần nguyên nhân tác thành đã cho thấy sơ qua điều này, lãnh vực nghệ thuật mới là lãnh vực khởi đầu của phong trào siêu thực : trước khi là một khuynh hướng tư tưởng, nó là một ý muốn chuyển hướng nghệ thuật, một trạng thái của nghệ thuật. Và ở trong lãnh vực nghệ thuật, nó lại khởi từ thì ca trước khi sang hội họa và các bộ môn nghệ thuật khác. Trong tập *Diệu huyền I*

(1) Với mong muốn ứng dụng cốt yếu trong lãnh vực nghệ thuật (xem dưới).

(Arcane 17), A. Breton viết: «Tinh yêu, thi ca, nghệ thuật, chỉ nhờ có sự thúc đẩy của chúng thôi mà lòng tin của con người sẽ trở lại, mà tư tưởng của con người sẽ có thể lại tung cánh ra khơi». Ấy như vậy cũng là một sự kiện khá chung trong cái thế kỷ tan rã của tư tưởng nhân loại này: sự chú mục vào lãnh vực nghệ thuật. Chúng ta không lấy làm lạ rằng người văn nghệ đòi hỏi cho họ một cách thành khẩn cái quyền cải tạo thế giới, cái chỗ đứng xứng đáng trong cách mạng.

Cũng như trong lãnh vực tư tưởng, khó có thể tìm lấy một công thức đơn thuần để tóm tắt chủ trương siêu thực về nghệ thuật. Trước hết mục đích của nghệ thuật, như vừa nói, là một mục đích rất cao xa. Tin tưởng ở khả năng vô biên của những thực thể tâm lý của con người,— nhất là của Vô thức, Tiềm thức, Trục giác,— nghệ thuật siêu thực tìm đạt tới những siêu thực thể ẩn náu sau thực thể: nghệ thuật phải vươn khỏi những khả năng của trí tuệ mà đạt tới Tuyệt đối. Người siêu thực ra công khai thác những lãnh vực hầy còn trinh bạch mà xưa kia người tượng trưng đã linh cảm thấy, tìm cách biến dạng vũ trụ và đồng thời cách mạng con người, đời sống, xã hội. Như vậy, chủ thuyết siêu thực không những muốn cách mạng nghệ thuật mà còn lấy nghệ thuật để làm cách mạng. Cho nên trong những tác phẩm siêu thực, chúng ta thấy chan chứa một khát vọng giải thoát, vươn lên, những vô xé đốn đau một nỗi niềm buồn nhớ những xa xôi, tôi xin phép, một nỗi niềm buồn nhớ những gì chưa được biết bao giờ (nostalgie de l'inconnu).

Mục đích của nghệ thuật cao xa như thế, phương tiện dùng lại chưa có gì là hứa hẹn, thậm chí người siêu thực chủ trương mượn chức năng của khoa học huyền bí mà đôi lúc họ không ngại ngần gọi là tinh lý của siêu thực, hoặc chủ trương sáng tác như máy (automatisme) và dùng mộng mị như A. Breton nói: «Do danh từ siêu thực chúng tôi muốn chỉ một trạng thức tác động vô thức của tâm lý (automatisme psychique) khá giống với trạng thái mộng mị (état de rêve)». Đến đây chúng ta có thể nói tới một công thức chủ yếu của siêu thực: «Siêu thực là sự truyền đạt của tư tưởng ngoài mọi kiểm soát của Tinh cảm, của Lý trí, ngoài mọi lo toan về Thiện, về Mỹ». Sự cách mạng nghệ thuật là tìm cho nghệ thuật con đường mới, định thức sáng tác mới đó.

Với một quan niệm đặc biệt về siêu thực thể, với những nhằm ngấm vượt thường, — và đây là một hệ luận của điểm trên, — người siêu thực chủ trương «Nghệ thuật nằm trong tinh lý của sự vật, diễn tả chứ không trong lối cách diễn tả sự vật». Một số nhà hội họa siêu thực cảnh cáo người xem tranh: «Không nên phê bình một tác phẩm siêu

thực về mặt nghệ thuật của nó. Chúng tôi không có mục đích đi tìm cái đẹp trong phạm vi thẩm mỹ của nghệ thuật. Đây chỉ là một khoa học mới đề diễn tả tư tưởng » (1). Như vậy, nói khác đi, đề bất chữc A. Breton luận về thực thể và siêu thực thể : Nghệ thuật và tư tưởng trùng nhau, không ở trên cũng không ở ngoài (xem trên).

Do lối diễn tả khác thường, bất chấp quy tắc và khó hiểu đó, nhiều người muốn kết luận rằng nghệ thuật siêu thực là nghệ thuật trừu tượng. Những người siêu thực cải chính : « Mọi tin đồn trung chính của cách mạng siêu thực phải nên nghĩ rằng *phong trào siêu thực không phải là một phong trào đi vào trừu tượng* và nhất là không phải một phong trào đi vào một thứ trừu tượng của thi ca nào đó, điều tối đang ghét — phong trào siêu thực thực sự có thể thay đổi được một cái gì trong đầu óc con người » — Một tài liệu nội bộ phong trào đó giải thích rõ hơn do chủ trương của họ về một « nghệ thuật độc lập trong đó những yếu tố mượn ở đời sống sẽ được tự do xếp đặt lại do trí óc ». Mặc dầu sao hết, chúng ta phải nhận rằng, một nghệ thuật với lối diễn đạt phá cách như trên vẫn là có họ hàng xa gần với Trừu tượng và cả Lập thể nữa, thêm vào đó một chút thần bí, Quái đản và Sống động. Ai bảo Salvador Dali là không siêu thực ?

Những đặc chất của nghệ thuật siêu thực xét trên tất nhiên là *chống đối với nghệ thuật của cộng sản*. Trước hết, người siêu thực phủ nhận « ý niệm nghệ thuật hữu ích » của Marx. Trong cuốn *Lập trường chính trị của Siêu thực (Position Politique du Surréalisme)*, A. Breton viết : « Tri tưởng tượng của người nghệ sĩ phải được tự do và tác phẩm nghệ thuật, nếu không muốn không còn là tác phẩm nghệ thuật phải được giải tỏa khỏi mọi mục đích thực tiễn ». Cũng trong khuôn khổ ấy, chống đối quan niệm đề cao hành động quá mức của cộng sản, ông viết trong một tập khác : « Thi sĩ tương lai phải khắc phục cái ý tưởng hèn yếu cho rằng cái hố sâu giữa Hành động và Mơ tưởng là không thể lấp được... Siêu thực hàng không mong mọi gì hơn là, nói cho gọn lại, tất cả cố gắng của nó nhằm giải quyết một cách biện chứng cái mối cung gọi là mâu thuẫn đó ». Chúng ta đã có dịp nhận xét rằng Siêu thực có tham vọng nối liền Duy tâm tuyệt đối với Duy vật biện chứng là thế. Chống lại chủ trương hiện thực xã hội người siêu thực tuyên bố : « Với tất cả sức lực của chúng tôi, dựa trên những thí dụ rõ ràng của Quá khứ, chúng tôi phủ nhận điều cho rằng nghệ thuật của một thời đại là ở sự cop nhặt đơn thuần những hình thái của thời đại đó. Chúng tôi cho là sai lạc cái quan niệm hiện thực xã hội bất người văn nghệ, và chỉ người văn nghệ thôi, phải mô tả những *lâm than* của vô sản và cuộc tranh đấu của vô sản để tự

(1) Do Thái Tuấn dẫn trong bài « Siêu thực và Ấn tượng » Sáng Tạo số 4—tháng giêng 1937.

thực về mặt nghệ thuật của nó. Chúng tôi không có mục đích đi tìm cái đẹp trong phạm vi thẩm mỹ của nghệ thuật. Đây chỉ là một khoa học mới đề diễn tả tư tưởng» (1). Như vậy, nói khác đi, đề bất chương A. Breton luận về thực thể và siêu thực thể: Nghệ thuật và tư tưởng trùng nhau, không ở trên cũng không ở ngoài (xem trên).

Do lối diễn tả khác thường, bất chấp quy tắc và khó hiểu đó, nhiều người muốn kết luận rằng nghệ thuật siêu thực là nghệ thuật trừu tượng. Những người siêu thực cải chính: « Mọi tín đồ trung chính của cách mạng siêu thực phải nên nghĩ rằng *phong trào siêu thực không phải là một phong trào đi vào một thứ trừu tượng của thi ca nào đó, điều tối đáng ghét — phong trào siêu thực thực sự có thể thay đổi được một cái gì trong đầu óc con người* » — Một tài liệu nội bộ phong trào đó giải thích rõ hơn do chủ trương của họ về một « *nghệ thuật độc lập trong đó những yếu tố mượn ở đời sống sẽ được tự do xếp đặt lại do trí óc* ». Mặc dầu sao hết, chúng ta phải nhận rằng, một nghệ thuật với lối diễn đạt phá cách như trên vẫn là có họ hàng xa gần với Trừu tượng và cả Lập thể nữa, thêm vào đó một chút thần bí, Quái đản và Sống động. Ai bảo Salvador Dali là không siêu thực?

Những đặc chất của nghệ thuật siêu thực xét trên tất nhiên là chống đối với nghệ thuật của cộng sản. Trước hết, người siêu thực phủ nhận « ý niệm nghệ thuật hữu ích » của Marx. Trong cuốn *Lập trường chính trị của Siêu thực (Position Politique du Surréalisme)*, A. Breton viết: « *Tri tưởng tượng của người nghệ sĩ phải được tự do và tác phẩm nghệ thuật, nếu không muốn không còn là tác phẩm nghệ thuật phải được giải tỏa khỏi mọi mục đích thực tiễn* ». Cũng trong khuôn khổ ấy, chống đối quan niệm đề cao hành động quá mức của cộng sản, ông viết trong một tập khác: « *Thi sĩ tương lai phải khắc phục cái ý tưởng hèn yếu cho rằng cái hố sâu giữa Hành động và Mơ tưởng là không thể lấp được... Siêu thực hàng không mong mỏi gì hơn là, nói cho gọn lại, tất cả cố gắng của nó nhằm giải quyết một cách biện chứng cái mối cung gọi là mâu thuẫn đó* ». Chúng ta đã có dịp nhận xét rằng Siêu thực có tham vọng nối liền Duy tâm tuyệt đối với Duy vật biện chứng là thế. Chống lại chủ trương hiện thực xã hội người siêu thực tuyên bố: « *Với tất cả sức lực của chúng tôi, dựa trên những thí dụ rõ ràng của Quá khứ, chúng tôi phủ nhận điều cho rằng nghệ thuật của một thời đại là ở sự cô lập đơn thuần những hình thái của thời đại đó. Chúng tôi cho là sai lạc cái quan niệm hiện thực xã hội bắt người văn nghệ, và chỉ người văn nghệ thôi, phải mô tả những lầm than của vô sản và cuộc tranh đấu của vô sản để tự*

giải phóng » (Trong *Giới hạn không biên cương của chủ thuyết siêu thực — Limites non frontières du Surréalisme*).

Từ những nhận định khái quát trình bày trên, chúng ta hãy đi vào một vài lãnh vực riêng, trước hết là hội họa. Tư tưởng sau đây là của Chirico được A. Breton trích ghi trong cuốn *Siêu thực và Hội họa (Surréalisme & Peinture)*: « *Muốn cho một tác phẩm nghệ thuật được thực sự bất tử, tác phẩm đó phải hoàn toàn vượt ra ngoài giới hạn của con người: lẽ phải và luân lý phải không được thấy ở trong đó. Có như vậy tác phẩm đó mới lại gần được mộng mị và tâm thần của tuổi ấu thơ* ». Người siêu thực ghét luân lý tới mức ghét cay ghét đắng mà rằng: *Luân lý cái ngục tù đáng ghét nhất. Bằng một con mắt siêu thực, khám phá những bí mật thực tại (mystères réels), dùng một bình phong đặc biệt, tự ví với máy thu hình của điện ảnh, người siêu thực bảo: « Ánh sáng đọc; ánh sáng viết. Ai kết tội ánh sáng là tiếm đoạt địa vị? »* Như thế siêu thực cũng hiện thực đấy, nhưng là một thứ hiện thực khác hẳn cái nhãn quan của chúng ta: « *Khi cụ lệ lung thay là cái gương kia nó vẫn chỉ là gương và chẳng phải là cái rây (cái giần, cái sàng) lọc ánh sáng* ». Trong cuốn *Lập trường chính trị của Siêu thực* đã dẫn, quan niệm về vị trí siêu thực của đồ vật (situation surréaliste de l'objet) có thể tóm tắt trong câu: « *Hội họa và kiến trúc siêu thực ngay từ nay đã cho phép người ta tổ chức những thụ giác có tính cách khách quan chung quanh những yếu tố chủ quan. Do xu hướng muốn được đặt để làm khách quan, những thụ giác đó có một tính chất quay cuồng, điên đảo, cách mạng ở chỗ chúng đòi hỏi khẩn thiết một cái gì trả lời cho chúng ở ngay trong thực thể bên ngoài* ». Tôi xin phép được tự vấn tất để khỏi phải đi sâu vào chi tiết của bộ môn mà tôi không quen thuộc bằng cách kể tên một vài họa sĩ được nói nhiều nhất trong những sách lý thuyết về Siêu thực: Salvador Dali, Victor Brauner, Chirico, Braque, và phần nào cả Picasso nữa...

Nói về thi ca, thì đây chính là lãnh vực khởi đầu và cũng là lãnh vực tin tưởng nhất của người siêu thực. Siêu thực tự cho bản thân phải nêu lên vấn đề diễn tả con người dưới mọi hình thức, vậy ta không nên lấy làm lạ rằng ban đầu « *nó được đặt trong phạm vi ngôn ngữ và hoành hành ở đó như hoành hành trên mảnh đất đai chính phục được* ». Nói khác đi, dẫu sắc góc cạnh, siêu thực khởi đầu là một hiện tượng ngôn ngữ cũng như môn phái tượng trưng vậy. Đó cũng chỉ là do người siêu thực, người tượng trưng cũng như người thái cổ tin tưởng ở « *thế lực huyền bí* » của tiếng nói. Cho nên người siêu thực đã đòi chỗ đứng xứng đáng cho nghệ sĩ trong tư tưởng và trong cách mạng, lại đòi địa vị ưu tiên cho nhà thơ, chủ quyền tối cao cho

(1) Do Thái Tuấn dẫn trong bài « *Siêu thực và Ấn tượng* » Sáng Tạo số 4—tháng giêng 1957.

thi ca : « Thi sĩ có quyền tự coi mình là trên tất cả các triết gia, vì trong nhà thơ có nhà tư tưởng ». Thái độ của người siêu thực là phải nghĩ rằng thi ca tương thông với cách mạng, cái ơn huệ của cách mạng có thể chiếm được do « thực hành thi ca », và như thế, siêu thực không phải chỉ riêng ứng dụng để giải quyết một vấn đề tâm lý. Tin tưởng ở khả năng làm cách mạng của thi ca, người siêu thực đứng vào phía thi sĩ Nga Maiakowsky mà « đòi hỏi quyền được sống làm một nhà văn của cách mạng và cho cách mạng ».

Đề trở lại những phương cách : viết như máy, viết phur trong mơ, viết trong trí tưởng hốt hoảng, vận dụng những thực thể tâm lý thầm kín, xin kể lời thi sĩ Paul Eluard : « Tôi không bịa đặt ra những tiếng, mà tôi bày đặt ra những đồ vật, những người, những sự việc và giác quan tôi có thể nhận thức được. Tôi tự tạo ra những tình cảm. Tôi đau khổ hoặc tôi sung sướng. Sau đó có thể tôi lạnh lùng. Tôi còn giữ lại kỷ niệm. Có lúc tôi tiên tri. Nếu tôi phải nghi ngờ thực thể này thì chẳng còn cái chi là chắc chắn đối với tôi nữa, cả sự sống, tình yêu, sự chết cũng thế. Tất cả sẽ xa lạ đối với tôi. Lý trí của tôi nhất định khước từ phủ nhận chứng tá của giác quan tôi. Đối tượng của những ước muốn của tôi là thực, là cảm giác được » (Trong tập *Cho nhìn* — Donner à voir). Người siêu thực đi xa hơn người Tượng trưng trong lãnh vực Vô thức là thế.

Cũng ở trong cái quan niệm nhận thức kỳ diệu đó, người siêu thực tin tưởng ở sự sống vĩnh cửu của tâm hồn, của con người. A. Breton nói : « Tôi không tin rằng một ngày kia tim tôi thôi đập ». Theo đà lập luận ấy thì hành động tự tử cũng là một hành động để sống. Hơn nữa, người siêu thực lại còn tin tưởng ở sự có thể thay đổi lẫn nhau của sự vật. Cho nên trong thơ siêu thực, người đọc thấy nhan nhản những lời tu luyện, sáng chế (alchimie du verbe) một cách rất vô thương : ruột gan của đá, chiếc súng lục có tóc trắng, những cánh nước, không khí là một rễ cây, đá là cây của những đám mây... Và tất nhiên thơ siêu thực là trạng thái thơ tự do, bỏ văn, với quan niệm âm điệu khác, với những hình ảnh hốt hoảng dị kỳ, với những ý tứ « đột kích » vào trong câu... Đề quán xuyên cả ý lẫn lời xin đọc mẫu thơ sau đây của thi sĩ A. Breton :

*Em nhớ chàng lúc đó em đứng dậy và bước từ xe lửa xuống
Không một cái nhìn dành cho đầu máy đang là nạn vật của những
cái rễ phong vũ biến vĩ đại*

*Nó than rằng trong rừng trinh nổi súp de nó chịu bao đau đớn
Những ống khói phì phèo những dạ hương và chuyển dịch theo
động lực của những con rắn xanh*

(Trong *Chiếc súng lục có tóc trắng*)

Một ý khác :

Em yêu điều ác chỉ vì nghe người ta đồn đại.

Đây một đoạn thơ tình của Robert Desnos :

Mùi của em và của tóc em và của nhiều

Thư khác còn sống mãi trong tôi

Trong tôi nó chẳng là Ronsard chẳng Baudelaire

Tôi nó là Robert Desnos và để được

Biết em và yêu em

Cũng giá trị như hai ông đó

Tôi nó là Robert Desnos để yêu em

Và tôi nó chẳng muốn để lại một cái danh gì

Về tôi trên địa cầu đáng bí.

Tóm lại một cách thô sơ lý thuyết lẽ tẻ trên : Nghệ thuật siêu thực là một nghệ thuật cách mạng lấy cách mạng làm mục đích, lấy tâm giới và ngoại giới nối liền làm đối tượng, lấy khả năng thần bí của những thực thể tâm lý làm phương cách để nhận thức, để khám phá, để diễn tả.



Trên đây là đại cương chủ thuyết siêu thực, một khuynh hướng triết học tìm nhân bản mới, vũ trụ quan mới, một phong trào nghệ thuật mới, tuy còn rời rạc, lẽ tẻ và chấp chững, song cũng đạt được những cứ điểm chủ yếu, một bản sắc rõ rệt. Người trình bày đã hết sức khách quan và đưa ra một số lượng dẫn văn quá nhiều mong khỏi phản lại tư tưởng của những lý thuyết gia trong phong trào. Ngay khi ấy bạn đọc cũng đã thấy những lỗi lầm lớn lao của chủ thuyết, những ưu điểm đáng lưu ý, những cố gắng đáng khen. Dư luận chung vẫn còn là một dư luận dè dặt, công nhận siêu thực có mang lại một cái gì kích động, xáo xuyến cho tư tưởng và nghệ thuật, nhưng vẫn còn chờ đợi ở siêu thực hơn nữa, cũng như chờ đợi ở những nơi khác. Thái độ của từng người còn tùy thuộc ở nhận định riêng về sự cần thiết phải sửa đổi, phải giải thoát, phải cách mạng hiện trạng và về sự hữu nghiệm của những phương tiện hiện hữu hay khả thi.

Ở đây, nhân đọc bài Về một hiện tượng trường thành của nghệ thuật của Mai Thảo trong Sáng Tạo số trước, chỉ xin nêu ra một điểm để, từ phía đứng của chúng ta, cùng đem ra suy ngẫm :

Phong trào siêu thực phát sinh trong hoàn cảnh xã hội Tây phương thời hậu chiến I, để lại tái sinh trong thời hậu chiến II. Phong trào đó đã lan tới ta chưa, và nếu chưa, có thể lan tới được không ? Chúng ta sống trong một thời hậu chiến (chiến tranh thực sự). Thời đó đã có thể gọi là qua chưa ?

HÀ Ó LÔI, TIẾNG HÁT GIẾT NGƯỜI

LÊ VĂN SIÊU

*Phỏng theo Lĩnh Nam Trích Quái
tác phẩm văn nghệ thế kỷ XIV của
Trần Thế Pháp. Truyện xảy ra vào
năm Thiệu Phong thứ ba đời vua
Trần Dụ Tông.*

TẠI TƯ DINH AN PHỦ SỨ

An Phủ Sứ Tướng công Đặng Sĩ Dinh đương thanh thân đại vườn với phu nhân là Vũ thị. Ngài còn trẻ tuổi, mới 26, 27 mà đã đồ cao và được làm quan to. Quả là tài học của ngài đã hơn đời nhiều lắm. Phu nhân cũng cỡ tuổi đó, vốn dòng thế phiệt, lại được ăn học đến nơi đến chốn, nên tiếng đồn về tài sắc đã lừng cả Kinh thành.

Tướng công cùng với phu nhân sánh đôi mà đi giữa trăm hoa thi nhau tỏa hương sắc. Thật không còn cảnh nào đẹp được hơn. Thêm những con bướm muôn màu bay liệng giữa những tiếng chim hót véo von như giục lòng khách thả những vần thơ trác tuyệt. Phu nhân đắm đuối nhìn chòng, bắt chước tiếng chim, ca lên một bài, khiến gió như ngừng bay, hoa ngừng rung, chim ngừng hót. Tướng công say mê bẻ một cành hoa đào gài lên mái tóc phu nhân rồi ứng tiếng khen: quả là « nhân diện đào hoa tương ánh hồng ». Phu nhân cười nhưng chợt im bặt, phụng phịu nói: Thiếp không muốn, lúc đương vui, chàng nhắc chi một lời thơ gở. Chúng ta muôn kiếp, lúc nào chẳng ở bên nhau? Nhưng bất thần chàng nghĩ đến cảnh chia ly, thiếp e rồi đây duyên ta chẳng khỏi gặp điều sóng gió.

Nói tới đó, một con chim lợn từ trong bụi cây bay ra, kêu lên một tiếng, khiến lạnh cả bầu trời. Phu nhân tái mặt, lão đảo suýt ngã. May tướng công đưa tay đỡ kịp mà dlu vào nhà trong. Khi đã ngồi yên trên ghế, Tướng công tỏ ý hối hận, rót một chén trà, hai tay bưng đưa mời phu nhân, rồi tươi cười nói:

— Phu nhân mới quả là tâm hồn thuần hậu. Vui buồn đều nghĩ đến tình ta. Cho đến một lời thơ không có hậu, dẫu hay cũng không buồn nhắc đến. Kiếp trước ta đã khéo tu, nên kiếp này mới được phu nhân chung sống.

Ta thật là si mê tâm tối, được phu nhân chỉ dạy một lời như bừng mắt thấy ánh thái dương. Xin phu nhân cạn chén này. Chúng ta muôn kiếp, lúc nào cũng ở bên nhau.

Phu nhân không nói, nhìn chồng mỉm cười đỡ chén nước uống cạn, rồi đưa mắt nhìn trộm ra ngoài vườn, như có ý sợ hãi tìm theo bóng con chim lợn. Tướng công biết ý nói:

— Con chim kêu chỉ là tình cờ mà kêu, phu nhân đừng nên e ngại.

Phu nhân vẫn mỉm cười, quay ra cửa, hát hàm hồ: Có gì đấy, lệ?

Tướng công cũng quay mặt ra. Anh lính lệ rón rén bước vào cúi đầu, chắp tay trước ngực, thưa: Có Sứ giả đem thánh chỉ lại.

Tướng công vội truyền dọn bàn hương án, trong khi ngài vào buồng thay áo, để ra quý trước hương án nghe tuyên đọc thánh chỉ. Thì ra đó là Sắc chỉ cử ngài làm Chánh\sứ đem các cống phẩm sang Tàu. Sáng mai phải khởi hành cùng với đoàn tùy tùng đã sẵn sàng cả. Nghe đọc xong Thánh chỉ, ngài tái mặt. Sứ giả còn ngồi lại uống cạn tuần trà, nói thêm về hành trình và về sự cư trú bên thượng quốc, rồi mới chia tay.

Tướng công tiễn Sứ ra cửa rồi quay lại tìm phu nhân: quả con chim lợn báo cho ta một điềm phải xa nàng để đi sứ. Chuyến đi này không có gì nguy hiểm, còn vui là khác nữa. Vì hai nước đương thông hiếu trong tình hữu nghị. Ta sẽ đem về cho nàng gương Tư mã, phấn Yên chi, và nếu có dịp viễn du, thì nàng sẽ có lụa Hàng châu, quạt trăm hương và lược cài trăm dất thuần vàng và ngọc.

Phu nhân nói giọng run run: Thiếp đều không dám ước mơ những món đó. Chỉ xin chàng được hai chữ bình yên. Đừng vì sắc đẹp của những nàng Tô mà quên đường về với người trong hoa đào bữa nay.

Tướng công nói:

—Chuyến đi sứ này chỉ trong sáu tháng đã về tới, chầy lắm là tám tháng mà thôi. Trung thu ta đã ở nhà để thưởng nguyệt với nàng trong Ngọc Lan đình. Nàng sẽ có một tập thơ của ta làm trên sứ lộ, tướng phở đến nàng, để ngâm lên trong dịp ấy.

— Chàng cũng sẽ có một tập thơ của thiếp, canh cánh mong chàng từng giờ ở nhà để họa lại.

Rồi phu nhân cầm tay Tướng công dặt vào bàn tiệc để cho người nhà riu rít thu dọn hành trang.



Sáng hôm sau, vừa mới rạng đông, nơi sân đình An phủ sứ đã lấp nập những người. Nào võng lọng cờ quạt, nào chiêng trống, nào những hũ nước lương thực để gánh đi đường, nào những bao đồ cống phẩm, người ta dàn hết ra sân để chờ các quan Chánh, Phó sứ kiểm lại một lần chót. Đoàn phu nhân vác cùng với lính tráng thập

thò ở cổng dinh cùng với người nhà, kẻ sụt sịt khóc lóc, kẻ vội vàng mua và gói thêm cho một gói trầu cau, kẻ dặn dò đi ngang qua quê nhà thì cố lần về thăm bà con một lát, kẻ lúi lo dặn mua dùm thứ này thứ khác đem về. Người nào cũng vội vàng cả. Nhất là khi quan Phó sứ đã phi ngựa tới giao cho lính hầu giữ giấy cương, rồi vào thẳng tư dinh quan Chánh sứ. Chỉ còn nói chuyện với nhau được vài ba câu nữa thôi, quan Chánh sứ ra là lên đường ngay tức khắc. Cho nên ai cũng hối hả chạy đăm cả đầu vào nhau. Tiếng cười, tiếng khóc, tiếng gọi nhau ơ ơ.

Chợt một hồi trống vang lên. Tất cả im lặng, đầu đứng vào chỗ đó. Trên thềm quan chánh và phó sứ đã bước ra. Hai ngài chỉ trò nói với nhau một hồi về những nghi tiết đã đầy đủ cùng những cống phẩm đúng như trong bản kê. Rồi hai ngài ra dấu cho lính hầu dắt ngựa tới. Vừa nhẩy lên mình ngựa ra giữa sân, An phủ sứ tướng công quay đầu nhìn lại, đã thấy phu nhân có hai hầu gái đi ra đứng nơi đầu thềm. Phu nhân nhìn chồng, cười mà không nói. Tướng công thấy vậy cũng yên trí ra lệnh cho đoàn người lên đường. Tiếng hò reo chào tướng công phu nhân vang dậy sân dinh. Rồi bắt đầu bụi cát bay mù ngoài cổng. Tướng công quay ngựa lại bên thềm lần chót tươi cười dặn phu nhân đừng quan ngại việc gì, cứ chăm nom cây cảnh trong vườn, để chờ Trung thu về thưởng nguyệt.

Phu nhân cười đưa tay ra dấu giục Tướng công lên đường, kéo đoàn sứ bộ đã bắt đầu ra đến cổng ngoài. Tướng công quay ngựa ra rồi, đầu còn quay lại nhìn vợ đứng trông theo chồng trên vó ngựa. Chợt có hai ngự lâm quân từ đằng xa phi ngựa tới, giơ roi ra dấu cho đoàn người ngựa dừng lại. Khi tới sân dinh, hai người nói lớn với hai quan chánh phó sứ: « Có thánh thượng giáng lâm ! Ngài chợt nhớ có điều gì cần dặn quan chánh sứ nên ngài vội tới ngay ! »

Vừa nói dứt lời thì ngựa của nhà vua cũng vừa phi tới. Ngài kim cương không kịp, nên vọt một cái, ngựa đã đến bên thềm. Ngài nhẩy xuống ngựa thì vừa vịn chân xuống đầu thềm. Hai quan chánh phó sứ chỉ còn kịp lật đặt xuống ngựa quý tung hô vạn tuế. Và phu nhân Vũ thị không kịp tránh vào nhà trong, cũng quý xuống bên thềm. Ngài tươi cười nói: Trăm miễn lễ cho các khanh; rồi ngài đưa tay ra dấu vẫy quan chánh sứ lại gần mà phủ dụ. Ngài dặn nếu bên thượng quốc có hỏi thăm đến giặc Chiêm thành thì hãy nói là hồi này đương thấy quân Chiêm đóng nhiều chiến thuyền, như có ý muốn vượt biển sang quấy rối bên thượng quốc. Ngài lại dặn khi đi đường cứ nên thông thả mà đi, vì những cống phẩm là những vật không hư hỏng được.

về ngay để tổ chức cuộc tiếp rước sứ cho thêm phần long trọng. Ngài còn dặn thêm năm ba điều lật vạt nữa, rồi mới ra dấu cho hai quan chánh phó sứ lên đường. Hai quan chánh phó sứ cúi đầu làm lễ từ biệt nhà vua, rồi nhảy lên mình ngựa và giơ cao ngọn roi ra hiệu cho đoàn người tiến lên.

Nhà vua còn quay sang phủ dụ phu nhân Vũ thị là : « chuyến này đi sứ chừng sáu tháng thì quan An phủ sứ sẽ về tới, phu nhân không nên quan ngại việc gì ». Sau đó, ngài nghiêng đầu chào phu nhân rồi nhảy lên mình ngựa ra roi cho ngựa phi trở về đường cũ.



Bụi bay mù trên đường thiên lý. Xa xa trông chỉ thấy mấy ngọn cờ bay. Đoàn sứ bộ đi bợc hậu đường sau đền Ma La cho được gần hơn một quãng.

Qua bụi cây rậm rạp sau đền, một con chim lợn bị động cánh bay vụt ra nhìn đoàn người đi, đến khi không thấy hút mới quay về đậu nơi nóc đền, rúc lên một tiếng ghê rợn.

Rồi chim bay vào biến mất trong bóng tối trong đền.



An phủ sứ Tương công phu nhân ngồi trong phòng thấy cảnh vật đều im lặng. Những giọt đồng hồ chảy ở thư phòng mà nghe rõ như ở bên tai. Phu nhân lấy thêm áo rét bận vào mình. Khay trà con hầu dâng khi nãy đã nguội mà phu nhân không uống. Khung thêu phu nhân giở ra, căng lụa cũng mới thêu được vài mũi kim, thì bỏ dở mà đứng lên. Phu nhân đi lại trong phòng hết ngắm chậu thủy tiên lại màn mề bông cúc vàng không chớp mắt. Con hầu vào mời dùng cơm, phu nhân cũng truyền không muốn ăn hãy dẹp đi để bữa sau sẽ ăn.

Thoảng một cái mà bóng chiều đã ngã.

Con hầu vào đốt đèn rồi ren rén lui ra. Phu nhân ngồi một mình lấy giấy bút chép bài thơ vừa ngẫu hứng. Chợt đâu xịch cửa, tướng công tươi cười bước vào. Phu nhân ngạc nhiên nhưng không dấu nổi vẻ vui mừng, vội đứng dậy đón chồng ngồi xuống ghế. Bao nhiêu những buồn não bận ngày, thế là được rũ sạch khi thấy chồng về. Bao nhiêu những nỗi ủ ể tưởng phải chịu đựng rất nhiều ngày tháng nữa thì giờ đây yên trí là không có nữa.

Phu nhân gọi hầu dọn tiệc, nhưng tướng công gạt đi, nói là vừa dự tiệc trong nội vệ. Và sự đi về đây chỉ là lên vua mà về, vì ngài sai người khác đi sứ thay mà giữ mình ở lại hầu cờ trong nội. Nếu tiết lộ cho bọn quân hầu đầy tớ biết, e chẳng khỏi mắc tội khi quân.

bén nhau ». Nền giờ đây đương phải hầu hạ quân vương mà ta cũng phải lên về với nàng trong chốc lát. Thi giờ ngán ngủ lắm, đến mờ sáng ta đã lại phải vào chầu. Vậy khuyên nàng đừng làm rộn chuyện chi, để chúng ta hằng đêm sẽ chung vui cho bỏ lúc ban ngày xa cách.

Phu nhân thấy mình nhẹ hẫng, như trong cơn say, đắm đuối nhìn chồng hết cười lại hát. Ngọn đèn dần dần nhỏ lại, chập chờn như muốn tắt. Tiếng gió rit ngoài song xen lẫn tiếng giọt đồng hồ rơi tí tách. Thỉnh thoảng có một vài tiếng chó sủa ma. Rồi là tấm màn the lay động...

Đoàn sứ bộ hôm nay trở về tới Kinh thành.

Sau khi đã vào triều giao nộp các lễ vật cùng thư tin, chánh sứ An phủ sứ tướng công vội một người một ngựa chạy bay về dinh. Lính hầu không kịp thông báo cho phu nhân, tướng công đã bước vào đến tư thất. Phu nhân như người vừa tỉnh cơn mê, rụi mắt nhìn tướng công như không tin là người về thực. Tướng công chạy lại ôm chầm lấy phu nhân, thì hết sức kinh ngạc thấy phu nhân đẩy ra, bảo : « Ban ngày về đây' lẽ nhà vua biết thì khốn ».

Tướng công nói cho phu nhân nghe mình đi sứ vất vả thế nào.

Phu nhân trách : « Chẳng sao đối thiếp làm chi, nhà vua đã sai người khác đi sứ thay cho chàng rồi mà !

— Ủa ! sao lại có sự lạ ? Vậy thì ta tỉnh hay ta mê ?

— Chàng mê hẳn hoi chứ còn tỉnh sao cho được ?

— Thực chẳng ?

— Không thực thì ai vừa mới ở phòng này ra hồi gà gáy rạng đông ?

— Gà gáy rạng đông ta mới bắt đầu sai ngựa từ Kinh Bắc về.

— Thế ai phải hàng ngày hầu cớ Hoàng thượng ?

— Ta nhất định không rồi. Để phu nhân chẳng ?

Phu nhân vội đứng dậy bưng miệng tướng công, xin chớ nói bậy mà bay đầu, tướng công nhìn thấy bụng phu nhân gần đến ngày ở cữ thì chợt hiểu. Ngai giận lắm, đập bàn thét mắng một hồi, rồi làm trượng cho người đưa vào tàu vua.

Một lát có lính ngự lâm tới bắt Vũ thị mà hạ ngục.

TRONG CUNG VUA

Nhà vua nghị với mấy quan đại thần :

— Việc Vũ thị thật là khó xử. Làm tội người đàn bà thì người chồng cũng chẳng sung sướng gì. Mà không làm tội thì sau này còn ai muốn đi sứ nữa ? Việc này chắc chỉ có một trong mấy đứa hầu cận đã dùng thuốc mê lừa gạt thị, nếu thị quả là người chính đính, hoặc

chẳng có thuốc mê thì chính thị là con người trắc nết nhưng đã giảo quyết mà bày đặt ra chuyện thực thực hư hư ấy. Bây giờ cho bắt mấy đứa mà chớ trong dinh đã quen, đề tra, thì chắc sẽ ra manh mối.

Mấy quan đại thần đã hội ý với nhau từ trước, nên khi nghe lời vua ban, thì tâu :

— Tâu Bệ hạ, nhưng ra manh mối cũng chẳng có lợi gì. Bởi kẻ đây tở tâm phúc mà đã loạn được đến như thế thì còn gì là cương thường luân lý ? Xấu kẻ ấy, thì thầy nó cũng chẳng tránh khỏi xấu nào ? Mà triều đình cũng chẳng tránh khỏi xấu.

— Vâng, việc này khơi ra, thì xa là thượng quốc sẽ cười ta man rợ. Mỗi khi có sứ qua, người ta lại hỏi kháy một câu, thì khó mà chôn được cái nhục vào đâu. Mà gần thì là dân chúng đối với triều đình, sẽ không khỏi có điều dị nghị. Vậy tốt hơn hết là im chuyện đi.

— Nhưng im cách nào ?

— Tâu Bệ hạ, nhân chuyện thực thực hư hư mà Vũ thị bày ra, ta nên gán cho thần Ma La là hơn cả. Thần chang biết đâu mà cãi, và biết cãi với ai ? Còn người thì ai nấy đều không bị xúc phạm thanh giá, sẽ sống yên vui với nhau trong sự lừa dối, trong một lúc đã qua.

— Vậy trăm ban sắc chỉ là có thần đến kêu trong mộng, thì con sẽ trả cho thần Ma La mà vợ sẽ trả về cho họ Đặng.

— Muốn chắc ý nữa, sẽ đồ chàm vào cho đứa trẻ từ đầu đến chân cho nó đen ngòm không ai nhận biết là con cái nhà ai.

TẠI ĐỀN MA LA

Ít ngày sau, người ta thấy nơi sân đền thờ thần Ma La, một bọc vải đen ngòm trong có đứa con trai, cũng đen suốt từ đầu đến cuối. Ông từ giữ đền ấy lo săn sóc nuôi nấng đứa trẻ. Và người ta cũng quên dần đi không nhận đến cái hoang thai ấy nữa.

Mười sáu năm qua, đứa nhỏ lớn lên trong tiếng nhạc sớm chiều của đồng ruộng. Nó trèo cây bứt trái nhanh như một con vượn rừng. Nó bắt chước tiếng gió, tiếng chim, tiếng trâu bò, gà lợn thực y như hệt. Nó không biết sợ một người nào bởi mọi người bị nó trêu chọc đều sợ nó là con thần Ma La. Những người đến đền si sụp lễ bái, chợt trong bóng tối, nghe nó bắt chước giọng thần truyền phán thì rợn cả tóc gáy lên. Những người đi chợ về ghé ngồi dưới gốc đa, thấy nó thả cái rễ cây ngoằn ngoèo xuống, vừa bắt chước tiếng rắn phun, thì hết cả hồn cả vía. Nó tinh nghịch nhiều khi lấy bùn chát vào người rồi đứng sát vào gốc đa, để khi kẻ vô tình đến ngồi bên cạnh, nó mới cựa quậy mà nắm tóc kéo vào, khiến kẻ ấy kêu vỡ cả làng nước.

Một hôm nhà vua, một mình một ngựa, ăn mặc giả dạng làm thường dân đến ngồi dưới gốc đa ấy. Vua đương bực vì ở dinh quận chúa Kim Liên ra, vua bị quận chúa dùng những lời danh thép đề từ chối không chịu chiều theo ý ngài và xin ngài giữ lễ vua tôi.

Vua đã đến dinh quận chúa vào hồi mặt trời mới lên khỏi con sao. Vì kẻ thù môn đã được biết long nhan, nên ngài truyền cho hần không phải thông báo, đề ngựa của ngài đi thẳng vào dinh. Ngài buộc ngựa nơi hoa viên rồi bước vào nhà. Quận chúa thấy động nhìn ra, sợ thất sắc, vội gõ vào cái đỉnh giữa nhà mấy tiếng, gọi gia nhân, rồi truyền : « Có thánh thượng giáng lâm, hết thầy mọi người phải bện triều phục đề triều kiến thiên tử ». Quận chúa lại quay sang hai vệ sĩ, lúc ấy đương tập võ nghệ ngoài sân vừa vào tới, bảo hai người hãy mời Hoàng thượng ngự trên ngài, đề ngài kịp vào trong thay áo ra bái yết.

Thế là tất cả nhà trong, riu rít lên vì đi tìm áo, mũ, đai, hốt, hia, ủng, đề diễn ra một cảnh rối bời, vừa nực cười lại vừa sợ hãi.

Còn ở nhà ngoài, hai thằng vệ sĩ lỗ mãng, cứ thiên lời chỉ đầu đánh đấy, nhất định không chịu đề cho nhà vua được đứng, được đi lại tự do, mà cứ nâng nặc bắt vua ngồi lên ngài cho kỷ được. Vua đã truyền : « Trẫm miễn lễ cho hai khanh, trẫm không muốn làm vua ngày hôm nay, trẫm không có quần, áo, hia, mũ, đề làm vua, trẫm không thích ngồi ngài ấy, chán lắm rồi ! » Ấy thế mà chúng đưa những cẳng tay xăm đầy hình thú, béo tròn như những cánh tay hộ pháp ra, đề cứ lắc đầu bai bai : « Xin mời Bệ hạ phải ngồi lên ngài cho, vì quận chúa đã có lời truyền. Nếu Bệ hạ không ngồi thì chúng thần bắt buộc phải ôm ngài mà đặt lên ». Rồi chúng nháy nhau, sửa soạn ôm ngài đề đặt lên ngài. Thấy thế sợ quá, ngài vội lại phải truyền : « ừ thôi, hai khanh cứ đứng đấy, đề trẫm ngồi lên ngài vậy ».

Ngài sơn son thiếp vàng lộng lẫy, dưới chân là một tấm da cạp nuốt nà, trên đầu là tán, tán, thêu rồng bay phượng múa. Vậy mà hôm nay vua mặc có cái áo the thâm, đầu quấn mấy vòng nhiễu tím, như kiểu mấy ông xã trong làng, tay chẳng có hốt, chân chẳng có hia, trông không có gì nghi vệ thiên tử cả. Ngài tự lấy làm một sự buồn cười. Buồn cười hơn nữa là hai thằng vệ sĩ nghiêm chỉnh chia nhau đứng sang hai bên, như những pho tượng gỗ.

Cho đến lúc tiếng nhạc trời vang lên, quận chúa bước ra làm lễ triều kiến, cùng với hết thầy mọi người trong nhà lục tục ra làm lễ và đứng sang hai bên, thì hai thằng vệ sĩ mới lui vào mặc áo đề ra làm lễ. Lần này hai đứa ăn mặc quần áo giáp của võ tướng, đủ cả gươm giáo, cung tên, trông thật là đĩnh đĩnh sát khí. Chúng đứng vòng tay

trước sân rồng hét lên một tiếng, khiến ai cũng phải giật mình. Nhà vua ghé tai quận chúa nhờ truyền cho hai thằng bữa nay được phép làm theo lễ đại, đại, đại triều, nghĩa là gấp bốn mọi người, đáng người ta được lễ bốn lễ, thì vua ban cho hai thằng được lễ $4 \times 4 \times 4 = 64$ lễ. Thật là một đặc ân mà suốt đời làm vua, ngài chưa từng ban cho ai vậy.

Ngài ngồi dưới gốc đa, nghĩ lại chuyện ấy, thì lại cười lên sảng sặc.

Trong lúc mọi người trong nhà đã được ban búi trào đề rút vào hết rồi, chỉ còn vua có quận chúa đứng hầu bên cạnh, thì hai thằng cứ hí hục làm lễ ngoài sân.

Vua nói với quận chúa :

— Tại chúng nhất định bắt trăm phải ngồi đây làm vua, thì trăm cũng phải cho chúng hiểu lẽ trăm làm vua thì chúng phải theo lệnh trăm.

Quận chúa cười không dám thêm một lời gì. Vua lại nói :

— Mà đó là ý quận chúa tai ác, đã làm rộn cả nhà lên. Trăm vì hành đến đây chỉ là để được nói chuyện riêng với quận chúa mà không cho ai hay biết.

Quận chúa vòng tay thưa :

— Tàu Bộ hạ, dẫu cho trong vòng tôn thất, Ngài ngự tới nhà, thiếp cũng phải giữ đủ nghĩa vua tôi.

Vua ngắt lời :

— Chắc Quận chúa đã thấu rõ lòng Trăm cảm mến tài sắc của Quận chúa thế nào. Trăm biết Quận công lộ hầu là người không thọ, nên đã khuyên Quận chúa từ hôn. Chẳng dè Quận chúa khẳng khẳng một mực, đề đến chừng góa bụa, mới 23 cái xuân xanh, mà cứ chịu cảnh cô phòng lẻ bóng.

— Tàu Bộ hạ dẫu sao, đó cũng là số trời đã định.

— Thì số trời định một lần rồi, sau đó cũng còn định thêm một lần nữa. Quận chúa ưng chăng! Đề Trăm nạp vào Tây cung?

— Tàu Bộ hạ, xin Ngài ban cho thiếp được giữ tiết thờ chồng. Việc đời, vinh hoa phú quý, lòng thiếp đã lạnh cả. Cầu trước bắc đã lở lảng, đời thiếp không muốn bắc thêm một cầu thứ hai nữa. Bộ hạ rủ lòng thương phận thiếp, thiếp xin cần cõ ngậm vành đa tạ. Nhưng xin ngài thương cho, đề thiếp được trọn niềm chung thủy với người đã khuất.

— Quận chúa nên suy nghĩ kỹ.

— Vâng, thiếp đã nghĩ kỹ ngày đêm. Dẫu cho ai cười là đại cũng chịu. Ai thương là khốn cũng xin vâng. Trong tam cung lục viện, Bộ hạ

chẳng thiếu gì người tài sắc. Có thiếp hay không có thiếp cũng chẳng can gì. Nhưng trước ban thờ chồng thiếp, không có thiếp thì đau đớn cho lòng người đã khuất.

Nói xong, Quận chúa khóc lên rưng rức. Nhà vua vội xua tay :

— Nếu vậy thôi, xin Quận chúa đừng phiền lòng. Để Trẫm lai cung cho nàng được hoàn toàn thông thả mà thủ tiết đến trọn đời.

Nói rồi, Ngài đứng dậy đi ra. Trong khi hai vệ sĩ vẫn chưa lễ đến lễ thứ sáu mươi bốn. Quận chúa theo tiễn Ngài ra đến hoa viên nơi cột ngựa. Ngài đưa tay định cầm tay Quận chúa để nói thêm một vài lời. Nhưng nàng lùi lại ba bước phủ phục làm lễ tiễn Ngài lên ngựa ra về. Ngài đành gật đầu chào, nhảy lên mình ngựa, rồi sai thẳng một mạch đến đền thờ thần Ma La ngồi nghỉ.

Con ngựa buộc giây cương nơi cạnh đa, đương nhìn ra phía trời xa, hí lên một tiếng rồi dậm hai chân sau xuống đất.

Nhà vua ngồi dưới gốc cây cũng nghiêng rặng, dậm mạnh chân xuống đất. Ngài buồn bực quá. Ngài dựa lưng vào gốc cây, hai tay bó gối rồi thiu thiu ngủ.

Thằng bé con thần Ma La vừa đi chơi xa về, thấy tiếng ngựa hí, lại thấy người ngồi ngủ, thì quen thói tính nghịch, nó nhảy vọt lên cành cây, thả một cái rẽ cây vào nằm gọn lỏn trong lòng người ấy. Rồi nó bắt chước tiếng gà gáy để đánh thức người dậy, và bắt chước tiếng chó sủa.

Vua đương thiu thiu trong giấc ngủ, nghe thấy tiếng gà gáy, Ngài nghĩ đến An phủ sứ Đặng sĩ Dinh, từ giã Vũ thị chớm dậy, mặc quần áo để vào chầu. Họ Đặng đi qua bụi cây, thì có con chó nhảy ra sủa. Chợt chó nhảy xõ tới ngoạm vào chân họ Đặng. Ngài quay đầu nhìn lại, Họ Đặng đã đầu mất, còn tay Ngài đơ ra, không đuổi nổi con chó cứ cắn chặt bụng chân Ngài mà nhay và kéo. Ngài định kêu cứu ầm ĩ, nhưng nghĩ thế nào lại thôi.

Ngài giật mình thức dậy. Vừa mở mắt thấy con rắn nằm gọn lỏn trong lòng, thì Ngài hết cả hồn vía, vội đứng phắt dậy mà hét ra. Chẳng dè đó là một cái rẽ cây. Ngài chưa hoàn hồn thì đã có tiếng cười vang lên trên cành cây. Nhìn lên thấy một khối đen ngòm với hai hàm răng trắng hếu. Ngài giận lắm rút lưới kiếm giấu ở sau lưng ra, chỉ lên cây gọi nó :

— Mày là con cái nhà ai, mà tính nghịch như vậy ? Xuống đây ngay không ta chém bay đầu bây giờ !

Tưởng nói thế thì nó xuống, chẳng dè nó cười rồi nó truyền

cành cây chạy biến đi mất. Vua tức lắm, xục vào sau đèn gọi : ai giữ từ ở đèn này ?

Ông từ dương lui húi trong nhà hậu, nhô đầu ra, còn dương ngơ ngác chưa hiểu truyện gì. Ngài vỗ kiểm nói : Ta là Hoàng đế đương triều, vì hành đi xem xét dân tình thế nước. Ta đến đây, sao lại có thằng bé đen như cột nhà cháy trêu trọc ta. Nó là đứa nào ? Sao người lại nuôi nó ?

Ông từ vội khoác áo dài chạy ra sân sụp quì lạy lễ triều kiến, rồi tâu :

— Muôn tâu Bệ hạ, đó là thằng bé con trai của thần Ma La. Nó không biết sợ ai, và trêu trọc hết mọi người. Không ai có thể bắt nổi nó, bởi nó truyền cành cây đi như vượn và đêm tối thì mắt nó sáng như đèn. Tiều thần từ ngày nuôi nó đến nay, là mười sáu năm, cũng chỉ có thể dịu ngọt mà dạy dỗ nó, chứ không dám đánh đập. Sự thần quả. Bởi vậy, mà ngày hôm nay nó đã dám phạm tới Thánh thượng. Thật tội nó đáng chết.

— Người hãy đi tìm nó về đây.

— Tâu Bệ hạ bây giờ thì nó đã truyền cây đi xa lắm rồi. Khó mà tìm được. Nhưng thần có cái sáo này, chỉ thổi lên một tiếng, đâu nó ở xa tới đâu nghe thấy cũng sẽ phải mò về.

— Vậy người thổi ngay !

Ông từ rút trong túi áo trong ra, một cái sáo bằng trúc, rồi ngồ xuống tảng đá giữa sân mà thổi. Tiếng sáo thánh thót, trước còn nhỏ sau lớn dần và vút theo gió bay đi khắp mọi nơi. Quả nhiên thằng bé con thần Ma La từ rất xa, truyền cành cây mò về, rồi đến gần ngay ông từ, quì xuống, chắp tay nơi ngực, lìm đim mắt, như đề cổ lắng tai nghe tiếng nhạc trong ống sáo bay ra. Dứt tiếng sáo, ông từ mắng nó :

— Chết mày thôi ! Mày không biết đây là Hoàng đế đương triều vì hành đi xem xét dân tình trong nước làm ăn, sinh sống ra sao. Cả nước yên vui sung sướng là nhờ Ngài. Ngồi đèn này, cả thần nữa, cả tao, cả mày, cũng nhờ Ngài mà có. Ngài ban một lệnh xuống thì bay đâu tất cả. Thế mà mày dám xúc phạm đến Ngài, có cúi đầu lạy Ngài ngay đi đề xin Ngài sinh phúc tha cho không !

Thằng bé vội vàng cúi lạy nhà vua lia lịa, trong khi ông từ tâu với vua :

— Tâu Bệ hạ nó nhiều tài lắm, nó bắt chước được đủ mọi giọng người và vật, nó hát được đủ mọi điệu thật khó và thật hay. Không rõ Thần đã dạy dỗ nó lúc nào mà thật là tài hoa đủ vẻ. Chỉ phải mỗi tội đen ngòm và tính nghịch.

Nhà vua lòng đã dịu lại khi nghe tiếng sáo của ông từ, nay lại

thấy thằng bé si sụp lạy thì bớt giận, trở lại vui vẻ mà truyền :

— Người hãy hát lên một bài cho Trẫm nghe. Bất cứ là bài gì.

Nó bèn đứng dậy bắt chước đúng giọng ông từ nói : « Tàu Bệ hạ, nó nhiều tài lắm, nó bắt chước được đủ mọi giọng người và vật, nó hát đủ mọi điệu thật khó và thật hay ».

Rồi nó lại chuyển giọng bắt chước luôn giọng nhà vua : Người hãy hát lên một bài cho Trẫm nghe. Bất cứ là bài gì.

Nhà vua thấy tức cười. Thì nó lại cười theo đúng tiếng cười của nhà vua.

Rồi nó mới kể lè : « Mới sáng tinh sương hôm nay, có mấy chị gà mái vừa nhảy xuống sân, thì có một anh gà trống chạy đến xoe một bên cánh xuống đất và nghiêng đầu mà chạy vòng quanh. Chị gà mái nói : Mới sáng đã lục đục ! Mới sáng đã lục đục !

Nhưng anh vẫn không chịu buông tha. Chị chạy ra ngoài xa mà kêu và chửi rủa : Người thể mà ác ! Người thể mà ác !

Mấy con chó nghe thấy chạy lại hỏi : Đâu ! Đâu ! Mấy con gà con thì giờ hai cánh lên trời chạy mà kêu : Khiếp ! Khiếp !

Anh gà trống, để chữa thẹn, vội đập cánh vào hông mà nói : Ở đời chỉ có thể mà thôi ! »

Vừa hát tới đó, thì ông từ vác gậy đuổi đánh nó : « Tao giết chết mày ! » Nó vội chạy vòng trong sân nhe răng cười. Còn nhà vua thì cười rũ rượi.

Một lát Ngài hỏi :

— Tên nó là gì :

— Tàu Bệ hạ từ ngày sinh nó ra chưa có tên. Mà cũng chưa đặt tên cho nó. Vậy tiện đây xin Bệ hạ ban cho nó một cái tên để tiện gọi cái thằng quỷ sứ ấy.

Nhà vua nghĩ một lát rồi ban :

— Từ nay gọi tên nó là thằng Ô Lôi, họ Hà.

Ông từ vái lạy rồi quay ra bảo nó : « Nghe chưa ! Từ nay mày tên là Hà Ô Lôi. Hễ gọi đến thì phải dạ nghe chưa ? Mà phải bỏ những cái tính nghịch đi không thì mất mạng ».

Vua lại quay ra bảo ông từ : « Trẫm muốn đem nó về cung hầu hạ cho vui. Vậy lát nữa, Trẫm cho lính ra đón nó. Chớ trái ý Trẫm ».

Nói xong, Ngài trở ra cỡi giầy cưỡi ngựa và nhẩy lên mình ngựa về cung. Ông từ và Ô Lôi tiễn Ngài, rồi đứng lại giữa sân. Ông di ngón tay trên trán Ô Lôi mà bảo : « đấy, rồi mày vào cung mà cứ hỗn láo, nghịch ngợm thì mất đầu con ạ ».

Nó lại vỗ hai tay vào hông, bắt chước tiếng gà gáy : ở đời, chỉ có thể mà thôi :

Ông từ bật cười, lại vác gậy đuổi nó quanh sân. Cho đến lúc có linh đất nó đi.

TRONG CUNG VUA

Kể từ ngày có Hà Ô Lôi, không khí trong cung cấm tự nhiên đổi khác hẳn. Trước kia người ta nghiêm trang, sợ sệt, khúm núm, thì bây giờ người ta nô giỡn, tươi tỉnh. Những ông quan đại thần đương làm nghiêm chỉnh trọng bước vào cung nội, gặp Ô Lôi, không nói gì cả, nhưng mới trông thấy mặt cũng đã phải bật cười. Hoàng hậu và Hoàng Thái hậu, đến các Hoàng tử, Công chúa các cung nga thê nữ, người nào thấy vắng mặt Ô Lôi cũng chạy đi tìm, đề cho không khí đỡ tẻ lạnh. Ô Lôi chơi nghịch không từ một trò gì. Một hôm đang ở trong phòng nói chuyện vui với Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa và các cung nữ, Ô Lôi thoáng thấy một anh lính già lễ mễ bưng một tráp hoa quả gì đó, sắp tới nơi, nó bèn hô lớn : Hoàng đế giáng lâm ! Thế là tất cả quý xuống một lượt để đón anh lính già bước chân vào, đứng ngơ ngác, chẳng hiểu chuyện gì cả. Nó lại bắt chước giọng nhà vua nói : Trăm miễn lễ cho các khanh ! Đề mọi người ngẩng đầu lên không thấy ai, mới xô lại cười mà đám lưng nó thùm thụp.

Một lần nó dám thả cái rẽ cây lăm con rắn vào hần long sàng, để nhà vua chợt thức giấc thì sợ hết hồn hết vía.

Một lần nó vào phòng các thê nữ từ chấp tối ngồi ngay giữa bàn ngậm quả núc nắc lại bôi phàm đỏ, để giả làm ma. Các thê nữ vừa liu liu bước vào đốt đèn lên thì dẫm lên nhau mà chạy.

Người ta tức. Nhưng rồi người ta lại buồn cười, và tưởng tượng nếu không có nó thì trong cung buồn tẻ biết bao nhiêu.

Cũng có khi nó hát lên khiến ai nấy đều như trong giấc mơ tiên huyền diệu. Nhất là đàn bà con gái, ai cũng yêu nó mà muốn được gần nó luôn luôn.

Nhà vua xem xét thấy thế thì tủm tỉm cười, mưu một việc. Ngài gọi nó tới gần và truyền cho nó tới dinh quận chúa Kim Liên để nhất định làm cho Quận chúa phải say mê, mà chiếm đoạt lấy Quận chúa rồi đem cho được cái mũ tiến triều của quận chúa về cho Ngài.

Nó cúi lạy xin tuân theo chỉ dạy và trong một năm, nó sẽ làm vua được như ý, còn quá một năm không thấy nó về thì là mưu không thành chắc là nó đã chết.

TRONG DINH QUẬN CHÚA KIM LIÊN

Hà Ô Lôi ăn mặc giả làm thằng bé cắt cỏ ngựa tay cầm liềm, vai đeo sọt, rẽ bụi chuối vào vườn quận chúa Kim Liên để cắt cỏ. Những cây cỏ cao bị nó đưa lưỡi liềm cắt hết, cho đến những cây hoa sỏi, hoa

nhài, hoa hồng, mọc cao tròn cổ cũng bị nó cắt mà cho vào sọt. Nó vừa cắt vừa vang tiếng hát lên, coi như đây là một cánh vườn hoang ai muốn hoành hành thế nào cũng được. Trước nó còn ở ngoài xa, sau nó tiến dần vào đến hoa viên. Những bông cỏ chi, cỏ lan, cũng bị nó cắt cho vào đầy sọt. Cho đến những bông hoa phong lan nó cũng toan cắt luôn.

Vừa lúc ấy, hai thị nữ rất đẹp đi hái hoa cho Quận chúa bắt được. Hai thị nữ nạt nộ rầm lên. Thì hai chàng vệ sĩ lực lưỡng nhẩy xô tới bóp cổ nó lè lưỡi và đánh tới tấp lên người nó. Nó lay van, nói là không biết gì hết. Nó chỉ là người đi cắt cỏ thuê cho một ông quan, buộc ngựa ở cửa Nam thành. Ngựa đói không có cỏ ăn, nên ông quan ấy đã thuê nó 5 tiền đi cắt cỏ. Nó không biết đã tưởng hoa kia cũng là cỏ cả nên cắt hết. Nay chẳng có gì mà bồi thường, nó xin làm đầy tớ để đền nợ vậy.

Người ta bèn cho nó ở cửa ngoài để giúp việc cho thủ môn quan. Nó ăn uống đã chẳng được thỏa mãn, lỡ tay lỡ chân thì bị đánh đập, ngày đêm bất kỳ lúc nào gọi mà chậm đến cũng bị đòn, và ăn nói hỗn hào, trêu chọc bắt chước người thì còn bị cùm kẹp là khác nữa. Nó đã hết sức cực khổ. Nhìn vào phía dinh trong, nó thấy dinh xa với nó nhiều quá. Bởi thủ môn quan lúc nào cũng đứng trên chòi cao, thấy nó vừa len khỏi vòng rào thì gọi lại đánh. Đã thế mỗi ngày trong dinh nuôi cả đàn bò ngựa, nó phải cắt đủ cả chục sọt cỏ cho ăn. Thiếu thì lại roi vọt quát lên đầu lên cổ.

Nó phải làm việc đầu tắt mặt tối từ sáng sớm đến lặn mặt trời, mồ hôi mồ kê nhễ nhại.

Thỉnh thoảng có những bóng thị nữ rất đẹp đi ra đi về, nó chỉ còn kịp ngàng đầu lên trông một cái rồi lại cúi cái mà cắt cỏ. Từ lâu lắm nó cũng chẳng hát một tiếng nào, bởi lòng nó đương hậm hực buồn, những tính chuyện trốn khỏi đây một lần cho đỡ cực. Nó tự bảo cái thân nó thật là cái thân con chó. Ai xui đi nhận lấy một việc khốn nạn này, để bây giờ nằm trong cũi không sao ra thoát. Nó tức lắm sữa lên mấy tiếng. Trong khi ấy một thị nữ vừa đi chợ về đến đấy, nghe tiếng chó sữa thì giật mình không biết chó nhà nào lạc vào vườn. Thị nữ cúi nhặt cục đá định để ném. Thì một hồi sữa nữa vang lên, nhìn kỹ lại là Hà Ô Lôi đương ngồi cắt cỏ. Thị nữ cười không nhìn được, về nói cho các bạn nghe.

Một lát, hai ba cô nữa rủ nhau đến chỗ Hà Ô Lôi cắt cỏ để bảo nó sữa lên cho nghe. Nó lại bắt chước tiếng trâu, bò, gà, lợn, kêu làm

cho các cô cười như nắc nẻ. Các cô bắt đầu lấy bánh trái ra ném cho nó ăn. Lắm cô cầm cái bánh giơ lên, bắt nó làm trò rồi mới ném cho, (y như người ta chơi với một con thú trong sở thú vậy).

Ca sĩ Hà Ô Lôi rất lấy làm sung sướng đã được người ta đề ý tới. Nhưng nó vẫn còn lắm lét sợ thủ môn quan và sợ đến chiều không cất đủ cổ thì lại rừ xương ra với ông ấy. Tuy vậy, nó cũng rất lấy làm thú để hát lên, hy vọng các cô yêu tiếng hát ấy, thì sẽ nói giùm với thủ môn quan nới tay cho nó một chút.

Nó đã đoán đúng tâm lý, bởi bắt đầu từ đó, cứ chiều chiều mãi việc trong dinh là các cô rủ nhau tới bên bãi cỏ cho Hà Ô Lôi ăn uống, để nó hát cho nghe. Khi nó cất chưa đủ cổ, thì các cô ra nói với thủ môn quan, từ nay bắt nó cất ít cổ thôi, để nó được có thì giờ ca hát làm vui cho tất cả. Dần dần để cho tiện nghe lời quận chúa gọi ở nhà trong mà vẫn vừa kịp chạy vào khi đương nghe hát, các cô lại điều đình với hai vệ sĩ và thủ môn quan cho Hà Ô Lôi được vào vòng trong hàng rào làm việc. Các cô được toại nguyện. Hà Ô Lôi cũng thấy cuộc đời bắt đầu sáng sủa hẳn ra.

Một hôm Ô Lôi cố ý ca hát đến tối xẩm, cho các thị nữ và quân hầu đầy tớ trong nhà mê mải nghe không biết chán. Đến nỗi quận chúa trong nhà phải ngồi mò, gọi tả hữu đốt đèn thì không có một ai ứng tiếng. Quận chúa giận quá, một lát, khi họ kéo nhau về, quận chúa toan cho nọc xuống đánh. Họ lấy tạ mà rằng : « Có đưa cất cổ hát hay quá, chúng con mải nghe quên hết cả việc đốt đèn, đến nỗi như vậy, chúa nọc đánh cũng cam chịu tội ».

Quận chúa làm ngơ cho bọn ấy.

Một đêm mùa hè trời nóng bức, chúa cùng các thị ti ngồi ngoài sân hóng gió trông trăng, bỗng nghe cách bức tường có tiếng hát của Ô Lôi như khúc nhạc ở trên trời đưa xuống. Hát rằng :

Nhớ gió xưa ở trong trái đất,
Từ hang sâu phôi phất bay ra
Ngày xuân lãng quên la đà
Ấy ai đưa lại lân la chốn này
Vào song bắc vui ngày thái cổ
Sang đài hè mừng rỡ Tương Vương
Đưa dương liễu đón hải dương
Sầu này gỡ hộ cô nương này đây.

Bao nhiêu tâm sự u uất của quận chúa Kim Liên, như muốn theo tiếng hát mà bay đi và tan ra với gió. Quận chúa thấy người nhẹ lâng lâng, hồn như phiêu diêu trên làn mây bạc. Trước mắt quận chúa như không còn lũ thị ti hầu hạ, quận chúa buột miệng khen ;

hay quá! Thi chợt một tiếng hát nữa lại vang lên, trong trẻo như tiếng sáo thiên thai, thánh thót như rỏ nước mát vào lòng người cô phụ:

*Tựa bàn ngọc âm tình là chất
Mảnh trăng này vốn thật đa đoan
Đông tây lưỡng nhĩng bàn hoàn
Khi đầy khi thiếu chẳng toàn in nhau
Mượn ánh sáng bóng cầu rực rỡ
Yêu chị Hằng mà ở trên cao
Vời trời đất mãi sống lâu
Long lanh một dạ khi nào có nguôi.*

Quận chúa dõi theo mãi âm vang trong lòng, cố nhớ mà hát theo:

*Vời trời đất mãi sống lâu
Long lanh một dạ khi nào có nguôi.*

Rồi quận chúa nhìn trăng, thấy trăng lạnh quá, và sao lòng mình cũng lạnh quá, Nhất là khi tiếng hát ngừng bật. Quận chúa thở dài đứng dậy vào nhà.



Sáng hôm sau, quận chúa ban lệnh cho thẳng cất cổ được vào hầu việc nhà trong. Các thị nữ mừng như bắt được vàng. Ô Lôi cũng vui mừng không xiết kể. Nó cười hát suốt ngày, khiến không khí tịch của một dinh thự cô liêu từng bừng hẳn lên, kẻ chạy ra, người chạy vào, ăn ăn uống uống, cười cười nói nói, riu rít như nhà có hội. Ô Lôi không nề hà một việc gì. Từ lau chén, quét nhà, buồng màn, mở cửa; đến bưng cơm, rót nước, thắp đèn, quạt hầu cho quận chúa, dầu chẳng ai sai nó cũng làm. Mà nó vừa làm, vừa nói, vừa cười, vừa pha trò khiến ai cũng phải vui.

Những lúc trưa hè oi ả, nó vừa quạt hầu cho quận chúa vừa hát, êm tiếng như ru, để quận chúa thả hồn trong giấc điệp. Những khi canh dài thao thức, quận chúa cũng dậy nó quỳ bên giường mà hát cho nghe. Sau dần thiếu tiếng hát ấy, quận chúa không thể nào chịu được.

Quận chúa bảo nó dậy cho mình hát và dậy luôn đoàn thị nữ hát cho vui. Ngồi bên nó, nghe những thanh âm từ từ bay ra ở cửa miệng uyển chuyển nhịp nhàng của nó, quận chúa thấy trong vẻ đen đỏi xấu xa, có một cái duyên phượng phất như tiên đồng giáng thế. Và quận chúa yêu. Say đắm.

Những lúc vắng vẻ, quận chúa muốn ghi chặt nó vào lòng, thì nó biết ý lại lánh xa ra. Nhiều lần như thế, chẳng biết thổ lộ với ai, quận chúa đành ôm mối sầu tư, rồi đắm hoảng hốt, bệnh triền miên suốt ngày đêm, càng ngày càng nặng. Các thị tì hầu hạ thuốc thang đã lâu mệt nhọc quá, một lần đêm khuya ngủ mê, quận chúa

gọi không dậy, chỉ có một mình Ô Lôi ứng chực vào hầu. Cái u tình của quận chúa nhân đó mà không ngăn cấm được...



Thế là Ô Lôi đã được thỏa nguyện. Quận chúa ban cho nó vàng bạc, muốn gì có nấy. Quận chúa lại ban tậu ruộng làm nhà cho nó. Nó lúc đầu nói không thiết tha gì những thứ ấy. Mà bình sinh trong đời, nó chỉ thích ca hát nhầy mùa mà thôi.

Điều ca vũ « Quần tiên hội âm » do nó huấn luyện cho quận chúa và thị tì đã mấy tháng nay, tốn kém rất nhiều, công phu rất nhiều, nó chỉ muốn được thấy hoàn hảo là đủ vui thích rồi. Quận chúa cũng chỉ ao ước như vậy. Nhân hỏi :

— Trong điều ca vũ, thị tì bay lượn chung quanh, còn chàng và thiếp từ trong nhà bước ra, sẽ ăn mặc thế nào cho đẹp ?

Ô Lôi trả lời :

— Xin lấy cho cái mũ tiến triều của quận chúa để đội lên đầu mình, còn quận chúa thì cái hoa muôn sắc quanh người, để nhịp nhàng dật tay nhau nhầy theo điệu nhạc.



Tối hôm ấy, tất cả mọi người trong cung điện của quận chúa Kim Liên đã được dịp mê ly với khúc nhạc bay hồn, với điệu nhầy mùa thướt tha như tiên giáng thế. Thị tì kẻ nào cũng được mặc bộ áo mới, may riêng cho dịp ấy, toàn bằng thứ hàng đắt tiền, thêu đủ màu, óng ánh trước ánh đèn, để uốn lượn như hình các tiên nữ trong mây chiều. Quận chúa như một nàng chúa tiên, cài trên áo trên tóc, các thứ hoa quý rực rỡ muôn màu, do chính tay Ô Lôi đi hái về và trang sức cho. Nàng từ trong bước ra theo nhịp đàn mà hát, tay dật tay Ô Lôi mình trần trụi trụi, đen bóng như một cục than, chỉ có cái mũ giắt vàng ngọc trên đầu, một cái khố bằng gấm thất thê và một đôi giày bằng lụa mỏng.

Không khí ca vũ lúc đó làm người ta say ngây ngất. Ai cũng đem hết tài nghệ đã được huấn luyện ra để biểu diễn cho thực là đẹp mắt. Nhất là quận chúa Kim Liên, nàng vui trong dạ, nên mùa và hát hết sức hay, đến độ tưởng như khúc nghệ thường trên cung trăng cũng không tài nào hơn được.



Đến quá canh ba thì hội ca vũ mới tàn. Đèn dần dần tắt hết. Người, tất cả đều mệt nhoài, lăn ra ngủ như chết. Quận chúa được Ô Lôi đưa vào đến giường cũng bận luôn cả quần áo ấy mà ngủ.

Ô Lôi gói cái mũ vào một gói, rồi thay quần áo ra cổng ngoài,

TRONG CUNG VUA

Hôm nay là ngày lễ tiến triều của các ông Hoàng bà Chúa trong hàng tôn thất. Mỗi năm chỉ có một lần, tổ chức theo lệ đã có từ thời đức Cao Hoàng. Ai ở xa, bận việc, hay đau yếu, cũng phải vào triều kiến Thiên tử, trước là để tỏ dấu kính trọng ngôi trời, sau là để cho thêm đầm ấm tình ruột thịt.

Sáng nay, quận chúa Kim Liên đã hết sức bối-rối. Bởi vì sau buổi ca vũ, Hà Ô Lôi đi mất và mang theo luôn cả cái mũ tiến triều của quận chúa. Cái mũ, Quận chúa chẳng tiếc lắm gì khi cả tấm lòng trinh bạch, dễ tin, cả tấm lòng ngày thơ và cả sắc đẹp nhất đời, quận chúa cũng chẳng tiếc, Ô Lôi. Quận chúa chỉ phiền vì không có mũ thì thiếu lễ nghi đối với quân vương.

Nhưng sau cùng, nghĩ đi nghĩ lại, quận chúa đành chít khăn lớn để vào triều kiến.

Khi kiệu của quận chúa đổ xuống, người vén rèm bước vào, phủ phục trước ngai vàng, tung hô câu vạn tuế, nhà vua cười mà hỏi:

— Chẳng hay mũ tiến triều của quận chúa để đâu, mà bữa nay lại chít khăn vào chầu?

Quận chúa chưa kịp trả lời, Ngài lại chỉ Hà Ô Lôi đứng bên cạnh đầu đội mũ tiến triều của Quận chúa, mà hỏi thêm:

— Chẳng hay Quận chúa có biết người này là ai không?

Rồi Ngài cười. Hà Ô Lôi cũng cười.

Quận chúa ngược mắt lên trông thấy thì uất lên, máu tươi hộc ra, và ngã lăn trước bệ. Trong khi ấy, tiếng cười đắc thắng của nhà vua và tiếng cười ngạo nghễ của Ô Lôi vẫn vang lên chưa dứt.

LÊ VĂN SIÊU

NHỮNG TIẾNG GIÀY

Ta mãi ngồi chờ đợi
Màn chiều đã buông rơi
Ta lặng nhìn chiều xuống
Lòng nặng những u buồn
Bỗng ta nghe vang dội
Tiếng giày em trên đường
Em đã về đó nhé!
Ta cảm nhẹ mùi phấn hương
Phải chăng em trở lại
Cho ta chút tình thương
Thắm đượm trên môi hương
Trong đôi mắt vấn vương
Ta nhìn em mới lạ
Ta nhìn em cao cả
Tình ái vẫn bao la
Tình yêu vẫn xa lạ
Rồi hững hờ em đi qua
Ta cũng không còn chờ đợi
Bước theo em chơi với
Nhịp giày em đi xa
Vội vàng ta lao đảo
Tiếng giày em xa xa
Ta theo về cuối mộng ảo
Ngỡ ngàng lạc lối trăng sao...

QUÁCH THOẠI

ÁNH MẮT

Xuân ngập ý thơ chứa đầy ánh mắt
Màu ngả tình say rượu khát men nồng
Hoa nắng đường đi lối nhỏ về không
Xanh biếc tình thương gửi tìm lạc hướng
Khép chặt đôi môi nụ cười nở gương
Chua chát tình đời thừ trắng say tư
Nghĩa sống hôm nay biết đến bao giờ?
Hoa nở chân đi vàng son ngợp lối

Nem nếp u hoài mi cong tóc rối
 Chứa đựng tình hờ nước mắt về đêm
 Sương đọng tâm tư lá rụng qua thềm
 Nghe lạnh vào tim in sâu man rợ
 Thao thức buồn giăng ngập ngừng hơi thở
 Đêm vào đêm trắng mộng khép tình suông
 Gửi tâm tư vào ánh mắt phố phường
 Đường ngập lối hoa cười buồn ngõ hẹp
 Mây trắng không về màu đen ngọt nghệt
 Bao trùm lên màu hoang dại đầu đây
 Chưa sót làm sao nức nở vơi đầy
 Ánh mắt chiều hôm dằng về hoang lạnh
 Ngõ tối ánh đèn lu mờ hia quạnh
 Đèn đỏ đèn xanh hun hút đối chán
 Bóng ngả thâu đêm cánh khép chập chờn
 Ánh mắt đêm đêm vọng chìm đen tối
 Hoa nở ngày nao ? hết màu cần cỗi
 Sóng lòng không trời dậy một chua cay
 Đón ý xuân sang hương ngát men say
 Cho ánh mắt đêm đêm vào ngực trĩ
 – Và lạnh lùng không còn vào xương tủy...

TUẤN GIANG

NGẬM NGÙI

Mưa về sông ngã chân đi
 Giấc say hoa cỏ đen mi nghẹn ngào
 Mai xuân ước hẹn chiêm bao
 Sông hoang bến lạnh trăng sao ngậm ngùi
 Buông tay yêu mãi tuổi đời
 Cỏ xanh hồn sôi lòng người bơ vơ
 Mưa về reo trắng vãn thơ
 Hoang vư tiết điệu ngập bờ nhớ thương
 Mắt chưa gặp sắc đại dương
 Tim chưa đập nhịp quê hương ngút sâu
 Ai ngồi ngó kìn canh thâu
 Trăng ơi viễn xứ linh cầu đời ngói

Mưa về cho đẹp điệu cười
 Xóm buồn chợt thức nhớ người phương nao
 Đêm rồi mai sáng đêm nào
 Thương nhau riêng ngó trời cao ngử ngàng.

THẠCH TRẦN

CẦU NGUYỆN

Tôi sẽ la rất to
 Đề Thượng đế nghe tiếng
 Tôi sẽ la rất to
 Đề Thượng đế thấy hình tượng
 Nhỏ bé của tôi
 Hơn một vì sao chưa biết trên trời
 Đề tôi cầu nguyện
 Đề tôi van nài
 Xin cho tôi có thì giờ
 Đề tôi xây đắp những mảnh hình hài
 Đề tôi làm thơ
 Đề tôi cười
 Đề tôi mơ những giấc mơ
 Đẹp tươi !
 Hơn loài hoa hoang đang khắc khoải trông chờ
 Đề tôi nhìn non sông đất nước
 Tôi yêu !
 Mặc ai muốn đi lên tìm tôi
 Xin thượng đế xóa vết chân cho phai mờ
 Mặc ai muốn đi lên xác tôi
 Xin thượng đế xóa bỏ những tư tưởng nhớp nhơ
 Xin cho nhân loại hòa bình
 Đề tôi làm thơ
 Xin cho nhân loại hòa bình
 Thượng đế là đấng tôi tôn thờ !

ĐOÀN ĐÌNH QUỲNH

YÊU

anh ngồi viết lên trang giấy trắng
 những lời này em tự mỗi thuở nào

cỏ buồn chỉ bằng những đêm không một vì sao
 mà gió thổi nhẹ nhàng khe liếp lá
 những đêm rờn lạnh như băng giá
 gác hẹp tiêu điều anh lại nhớ về em
 nhớ bóng khuôn trong giấc ngủ mềm
 hay thao thức nghe máy về vạn ngã
 cảm giác ấy điên cuồng mệt lả
 bóng hình em vào áo trắng đơn sơ
 bóng hình em vào những nét ngày thơ
 ngọn nến tắt bóng đêm sẫm ngả tối
 anh lão đảo tóc mềm buông rã rơi
 cúi đầu vắng ngoan ngoan cũng nhiều
 bởi vì em, bởi vì anh đã trót bước vào yêu
 yêu thì vẫn đáng buồn, em đã biết
 yêu mà chẳng nói, yêu tha thiết
 hoặc anh còn e ngại lắm, nghe em
 nên đêm đêm anh vẫn ngủ mềm
 chỉ sợ nửa giấc mai về quá sớm
 yêu em đắm đuối một lần là lạ
 anh mê man trong khúc nhạc lân cận
 cánh thời gian vội vã chấp lần đi
 nghe linh cảm tương tư vừa gục ngã.

SAO BĂNG

DÙ SAO

Tôi kiếm mà e gặp
 Cuộc đời biệt tăm hơi
 Như một người đã khuất
 Gọi những kẻ thân yêu
 Nhưng hoài hoài lạnh mặt
 Tôi trở dậy sáng nay
 Nhan sắc trời lộng lẫy
 Bên ngoài ai ngắm nga
 Bài ca dao cũ kỹ
 Tôi nhận ra niềm đau đớn nọ
 Và tiếng hát như bàn chân trần
 Khuấy động ao tù yên lặng xanh.

PHÍA MẶT TRỜI MỘC

LỜI TAM

L I Ê M yêu người con gái ấy trong thời gian chàng đang viết một tác phẩm dài. Nhà pàng ở ngay trước cửa sổ nhà Liêm. Hai căn nhà cách nhau bởi một bức thành thấp, dưới chân bức thành, vài cây hoa tím dại mọc lặng lẽ và cô đơn. Trong bức thư gửi cho một người bạn hôm đầu tiên mới dọn đến ở đây, Liêm viết :

« Nhà mới của Liêm khá sạch sẽ và vắng vẻ, bên kia rào lại có giai nhân. Ấy là cũng nghe nói thế chứ chưa được diện kiến dung nhan lần nào. Bức thành ranh giới tuy thấp nhưng có giá trị ngăn cách ngang một Hy-Mã Lạp-Sơn ».

Ngồi ở bàn viết nhìn qua song cửa, Liêm có thể thấy rõ chiếc cửa sổ nhà người con gái. Chiếc cửa sổ hơi chếch với tầm mắt chàng một tí và thường khép kín một cánh. Bên trong cánh đề gỗ, bóng tối tràn đầy thăm thẳm.

Hôm thấy người con gái lần đầu tiên, không hiểu một linh cảm nào đã khiến Liêm nghĩ rằng nàng là một người con gái yên lặng. Hôm ấy, nắng không nhiều lắm, bóng nhà làm khuôn mặt nàng hơi tối xuống. Nàng rón rén ra gần bức thành ngất mấy cành hoa tím và khi ngừng lên thấy có người đang nhìn mình, nàng then thùng quay vội vào nhà. Liêm hơi bàng hoàng, chàng chỉ còn giữ lại trong trí nhớ đôi mắt đen láy và một màu áo trắng thuần khiết của nàng. Hình ảnh nàng đã thu gọn lại thành những nét cô đọng và cao quý một cách tuyệt đối. Cảm tình len vào trong Liêm như một luồng gió mát lạnh. Chàng đưa mắt nhìn lên tường, một bức tranh Tàu — dáng chừng của người chủ trọ cũ — vẽ một mỹ nhân ngồi ngấm trăng, nét vẽ cổ kính và sắc cạnh. Liêm bỗng có một ý tưởng lạ. Chàng thấy như mình được sống lùi về thuở ngàn năm trước và người con gái trong căn nhà trước mặt có đủ phong thái của một tiểu thư khuê các, tuyết sạch giá trong. Sáng hôm ấy, Liêm vứt trọn những giòng vừa viết được vào sọt rác. Chàng bắt đầu xây dựng lại những nhân vật với một màu sắc mới, yên lặng và đậm thắm hơn.

Từ lúc đến ở đây, Liêm thường viết vào nửa đêm về sáng. Trong cái thời khắc đầu tiên của một ngày, không gian thật hoàn toàn hoang

vắng. Liêm bắt đầu viết từ lúc giữa đêm và đến lúc trời hửng sáng chàng tắt đèn trong phòng để theo dõi buổi mai đang dâng lên. Đạo còn ở trong thành phố, Liêm không bao giờ được hưởng cái thời khắc này.

Thành phố đã biến đêm làm ngày, đã xóa mất của Liêm hoàng hôn và bình minh.

Nhà người con gái ở về phía mặt trời mọc. Lúc Liêm tắt đèn và mở toang hai cánh cửa sổ thì nhà nàng vẫn im lìm, chiếc cửa sổ vẫn khép kín, Liêm lặng lẽ ngồi như thế. Chàng có cảm tưởng như ánh nắng từ dưới chân bức tường bên kia căn nhà nàng men dần lên mái ngói, vươn lên nóc rồi đổ sang phía nhà chàng. Liêm thấy ánh nắng ấm hơn. Liêm nghĩ đến mảnh sân nhỏ phía trước nhà nàng có ánh nắng trước chàng một tí. Chàng ngồi chờ cho đến lúc ở chiếc cửa sổ bên kia, một cánh tay áo trắng nhỏ nhắn đưa ra mở hé một cánh cửa. Liêm chỉ thấy có hơn một nửa cánh tay vì bên trong bóng tối nhiều quá.

Thời gian chờ đợi ấy không lâu lắm nhưng vẫn giữ trọn vẹn cảm giác chờ trong Liêm. Sáng nào cũng thế, đều đặn. Cuộc sống an bình của xung quanh đã giúp Liêm tìm lại được sự an bình cho tâm hồn. Liêm có cái cảm giác thoải mái của một người sau nhiều ngày vất vả được về nằm trong màu trắng của một an dưỡng đường. Chàng bắt đầu xây dựng lại những tình cảm bên trong đã khô cạn đi. Người con gái trong căn nhà trước mặt đã chiếm gần trọn vẹn những tình cảm mới tái lập ấy.

Đến nay, Liêm vẫn chưa biết rõ tên nàng. Một hôm, Liêm thấy nàng đi qua vườn, nàng đi nhanh và đầu hơi cúi xuống. Bỗng từ trong nhà có tiếng gọi nhỏ, nàng ngừng lên nhìn về phía ấy rồi bước vội hơn. Liêm đoán có lẽ người gọi là mẹ nàng. Tiếng gọi nhỏ quá khiến Liêm không nghe rõ, nhưng vì giọng hơi trầm xuống, Liêm cho đó là một tiếng có dấu huyền và chàng nghĩ đến chữ Hòa. Từ đấy, người con gái trong Liêm đã mang tên đó.

Mấy hôm gần đây gió nhiều, cây sấu-đông ở bên ngoài đã bắt đầu rụng lá. Những chiếc lá khô nhỏ, đen lặng lẽ vương lên song cửa sổ làm Liêm nghĩ đến những cánh chè Huế xinh nhỏ, thơm dịu. Sự liên tưởng đã làm sống dậy trong Liêm một kỷ niệm của ngày còn đi học. Đạo ấy Liêm trọ ở nhà một người bạn của cha chàng. Ông cụ thích uống chè vào buổi sáng và thường gọi Liêm cùng uống. Lúc đầu, Liêm thấy hơi khó chịu nhưng dần dần quen đi, Liêm bắt đầu đam ra nghiện chè Huế như ông cụ. Đến bây giờ Liêm vẫn còn nhớ rõ mùi thơm dịu của chén nước bốc hơi và hình ảnh những cánh chè đen mà ông cụ

nhón từng dùm nhỏ trong chiếc thùng thiếc ra. Những lúc nhìn ông cụ đưa tay đỡ lấy chiếc thùng thiếc mà lớp giấy nhẵn bên ngoài đã bị rỉ làm cho vàng đi, Liêm cảm thấy như đang nhìn một ông vua thất quốc nâng niu hòn ngọc ẩn của mình.

Bằng đi mấy năm xa ông cụ, Liêm cũng bỏ mất thói quen uống chè Huế vào buổi sáng. Cũng có đôi lần, chàng mua chè về tự pha uống nhưng Liêm không sao tìm được hết cái thú vị của ngày xưa. Trong chàng một cái gì đã nghiêng xuống, lắng vào dĩ vãng. Liêm nghĩ đến những ngày êm đẹp mà chàng đang sống ở đây, căn nhà trước mặt, người con gái... tất cả rồi cũng sẽ mờ đi như hình ảnh ông cụ và chén nước chè Huế. Chàng nhặt một chiếc lá sầu-đông, cẩn thận đặt vào giữa lòng một cuốn sách dày rồi yên lặng nhìn sang nhà trước mặt. Vẫn chiếc cửa sổ khép kín một cánh. Đã nhiều lần Liêm tò mò cố nhìn vào nhưng chàng không thể thấy gì bên trong những song cửa tranh sáng tranh tối. Ban đêm, bao giờ chiếc cửa sổ cũng khép kín rồi Liêm mới thấy bên trong lấp loáng ánh đèn. Từng vệt ánh sáng theo kẽ hở của cánh cửa chiếu nghiêng nghiêng trên bức thành thấp như những giải lụa trắng.

Sáng nay Liêm dậy trễ hơn mọi hôm. Đêm qua chàng đã phải thức khuya viết một chuyện ngắn đề sáng nay kịp đưa cho nhà báo. Lúc Liêm thức dậy thì ánh sáng đã vào đầy trong phòng, chàng dụi mắt bước lại cửa sổ. Chiếc cửa sổ nhà bên kia đã mở một cánh. Liêm lầm bầm :

— Khỉ thật, ngủ nhiều quá !

Bỗng chàng thấy cánh cửa bên kia hé thêm một tí, một khuôn mặt hiện ra bên trong với đôi mắt đen láy nhìn sang phía chàng rồi thụt vào ngay. Liêm thấy lòng ấm lên một niềm vui dịu nhẹ. Cái vui của kẻ đang yêu nghĩ rằng mình được yêu. Chàng pha cà-phê rồi đến bàn viết chầm một điếu thuốc. Khói thuốc và hơi nước làm mờ cả khung cửa, Liêm mơ màng nghĩ đến cảnh sống êm đẹp của những đôi vợ chồng trẻ. Chàng nghĩ đến người con gái, cánh tay áo trắng, đôi mắt đen trầm buồn của nàng, một căn nhà vắng vẻ, yên lặng như căn nhà chàng đang ở hay căn nhà trước mặt. Cuộc sống sẽ êm thấm biết mấy. Liêm yên lặng, người con gái yên lặng. Hai người ở bên trong hai cánh cửa sổ, ngăn cách như hai bên bờ một con sông nhỏ nhưng sâu. Liêm nghĩ đến một nhịp cầu kết nối. Công việc giản đơn ấy chỉ còn chờ sự quyết định của chàng. Liêm xé một mảnh giấy trong tập bản thảo, hít một hơi thuốc thật dài rồi cầm quill bút. Thói quen của nghề nghiệp đã giúp Liêm viết kín một trang giấy. Chàng đặt bút xuống, lầm nhảm đọc lại. Những giòng chữ xa lạ như trong những bức thư của một tác

phầm tình cảm. Liêm thấy ý mình lạc đi. Bức thư mang nặng một tình cảm gương gáo, rời rạc. Chàng vò nát mảnh giấy ném vào sọt rác rồi xé một mảnh giấy khác. Bên ngoài lá rụng nhiều hơn, một cánh lá sầu đông rơi xuống trên bậc cửa làm thành một tiếng động khẽ. Liêm đưa tay nhặt cánh lá. Mặt lá trơn láng gây trên các đầu ngón tay chàng một cảm giác dịu dàng nhỏ nhắn. Bóng nắng tràn qua khung cửa sổ đổ đầy một nửa bàn viết, vài tia nhỏ nhầy nhót trên trang giấy trắng. Những vệt trắng mong manh gây trong Liêm một hình ảnh đồ vỡ, tan biến. Liêm nghĩ đến người con gái và bức thư Liêm sắp gửi cho Nàng. Bức thư có thể làm cho nàng trở nên hoàn toàn thuộc về Liêm nhưng biết đâu sẽ phá mất cái yên lặng đáng quý đang có ở nàng. Có lẽ hai người đã hiểu lòng nhau, Liêm sẽ được gặp nàng nhiều hơn, cánh cửa sổ nhà nàng sẽ mở rộng hơn. Liêm không muốn như thế. Chàng không muốn hình ảnh người con gái thay đổi trong lòng chàng. Liêm vò nát mảnh giấy thứ hai, đứng lên. Chiếc cửa sổ nhà nàng vẫn kín một cánh, nguyên vẹn.

Đã gần một tuần, Liêm không thấy người con gái ra vườn hái hoa. Suốt mấy hôm, cánh cửa sổ nhà nàng đóng kín, lặng lẽ. Liêm thấy nhớ người con gái vô cùng. Cuộc sống đều đặn, thoải mái của chàng khuyết đi một góc cạnh. Sáng nào cũng thế, Liêm ngồi ở bàn viết cho đến lúc mặt trời lên cao, chàng đợi cánh tay áo trắng đưa ra đầy cánh cửa sổ. Đạo này Liêm viết ít. Hình ảnh người con gái với đôi mắt đen trầm buồn đã chiếm gần hết cuộc sống bên trong của chàng. Liêm đoán người con gái bị ốm và bỗng dưng chàng thấy tha thiết muốn được gặp nàng lúc này. Liêm nghĩ đến nàng mặt xanh lướt đang nằm trong màn trắng hiền hòa của Bệnh viện. Liêm thấy tiếc đã không quen nàng từ trước. Chàng nhớ đến bức thư chàng định viết cho người con gái. Lúc ấy, nhịp sống đều đặn. Liêm chỉ sợ nhịp sống ấy tan biến nhưng bây giờ thì khác, sự nhớ thương đã làm tình cảm Liêm sôi nổi, bùng bột hơn. Lòng chàng trở nên mở rộng, khao khát khi cánh cửa sổ phía bên kia khép kín.

Thế rồi đến buổi chiều ngày thứ sáu, lúc ở tòa soạn về, Liêm thấy chiếc cửa sổ nhà nàng mở tung cả hai cánh. Một triệu chứng tốt đẹp. Liêm để nguyên quần áo ngồi xuống bàn viết hồi hộp đợi chờ. Chàng có cái tâm trạng của một kẻ đứng trên sân ga chờ bóng người yêu hiện ra ở cửa xe.

Một lát sau, quả nhiên Liêm thấy người con gái ra vườn nhưng bên cạnh nàng có một người đàn ông trẻ tuổi. Hai người đi gần nhau

và đầu nàng hơi ngã vào vai người đàn ông ấy, Liêm nghe tiếng nàng nói, giọng thanh và êm.

— Đã mấy hôm không hái, hoa nở nhiều. Để hôm nay em hái tặng anh một bó.

Nói xong nàng ngược nhìn người đàn ông, mỉm cười, — lần đầu tiên Liêm thấy nàng cười — cái cười làm giảm bớt vẻ trầm buồn của đôi mắt. Người đàn ông nhìn nàng một cách triu mến. Hai người tiến về phía những cây hoa tím đại mộc ở chân bức thành. Liêm kéo vội chiếc màn cửa. Chiếc màn hơi dày và sẫm màu nên chàng không thể thấy rõ hai người. Chàng chỉ thấy hai bóng trắng mờ mờ cúi xuống ở bên kia bức thành rồi đứng thẳng lên, yên lặng một lát, Liêm nghe giọng người đàn ông trầm trầm :

— Sáng mai anh phải đi Nha-trang để thu xếp công việc. Chỉ còn một tuần nữa là đến ngày cưới của chúng ta !

— Vâng ạ !

Giọng người con gái dịu dàng.

Rồi hai bóng trắng quay vào. Họ đi sát vào nhau và nói những gì Liêm không nghe rõ. Chàng cảm thấy một cảm giác nhói nhói ở ngực. Liêm như người đứng trước một nhịp cầu gục xuống ở bên kia. Kéo tấm màn, Liêm đưa mắt nhìn chiếc cửa sổ nhà nàng mở rộng, bên trong bóng tối ứa ra, lênh láng, tràn đầy. Nàng đã lắng xuống gần hết. Vài đám mây trắng lênh đênh trên màu tím của nền trời.

Hôm đám cưới người con gái, Liêm đi vắng suốt cả ngày. Lúc chàng về thì căn nhà trước mặt đã đóng cửa. Một không khí hoang vắng, trống trải lan đầy. Liêm tắt đèn trong phòng rồi gục xuống bàn viết...

Từ hôm ấy, cánh cửa sổ nhà người con gái thường đóng kín duy chỉ có mấy cánh hoa tím bên kia bức thành vẫn còn nở hoa.

LỜI TAM

MỘT NỮ SĨ MIỀN NAM

THÁI BẠCH

NHẮC đến văn học sử toàn quốc nói chung và miền Nam nói riêng, chúng ta ngày nay không thể không biết đến Sương nguyệt Anh, con gái cụ Nguyễn đình Chiểu, tác giả Lục Vân Tiên, một thi hào ở Đồng Nai, Bến Nghé. Bà là một nữ sĩ, trước đây đã một thời nổi tiếng là Đoàn thị Điểm ở miền Nam với bài thơ chữ Hán, nhan đề : « Chính phụ thi » đăng trong Nữ Giới Chung vào khoảng năm 1916 :

*Đình thảo thành sào, liễu hựu ti,
Chính phu hà nhật thị quy kỳ ?
Ban liêm tàn nguyệt thương tâm dạ,
Nhất chầm đề quyền lạc lệ thì,
Tái bắc vấn trường có nhận ảnh ;
Giang nam xuân tận lão nga mi.
Tạc lai kỷ độ tương tư mộng;
Tằng đảo quân hiền tri bất tri ?*

Em ruột bà, ông Nguyễn đình Chiêm có dịch ra như sau :

*Cỏ rạp sân thềm liễu rủ hoa,
Chàng đi bao thuở lại quê nhà ?
Nửa rèm trăng xế lòng ngao ngán.
Chiếc gối quyền gào lệ nhỏ sa.
Ái Bắc mấy giăng che bóng nhận;
Vườn xuân nắng tắt ủ mây nga.
Nhớ nhau mấy lúc chiêm bao thấy;
Ngàn dặm lang quân biết chăng là ?*

Về giá trị kỹ thuật, bài này có thể đặt vào địa vị ngang bằng với bài « Khuê phụ oán » của Tuy lý Vương, nhà thơ trứ danh miền sông Hương núi Ngự :

*Song tương lưỡng liễu dân tiền kê,
Bách trượng du li cửu mạch tề.
Thiên lý âm thư không ức nhận ;
Bán xoang tình tự quyền văn kê.*

Thất chương cầm lự tài thù kỹ ?
 Lục bức châu liềm quyền vị tề.
 Nhị thệp từ kiều tam ngũ dạ,
 Nhất thanh xích bát vạn hàng đề.

Xin tạm dịch :

Đôi giòng nước chảy, đôi hàng liễu ;
 Trăm thức tơ vò, chín khúc nhôi.
 Ngàn dặm đường xa tin nhận vắng,
 Nửa canh tình lự tiếng gà oi.
 Bảy trang chữ gấm cùng ai gởi ;
 Sáu bức rèm châu cuộn chứa rồi.
 Nghĩ lại đêm rằm cầu hăm bốn ;
 Càng nghe sáo thổi lệ càng rơi.

Chẳng những thế, nội dung « Chính phụ thi » của bà còn có tính chất thời đại.

Với tám câu thôi, nhưng nữ sĩ đã bộc lộ ra được cách kín đáo nỗi buồn man mác của một chính phụ, nhưng không biết người chồng phải ra đi vì mục đích gì : vì ai phải xa xôi cách trở nước non, để người thoi sớm thoi hôm những sầu ?

Bà Sương nguyệt Anh viết bài này khi đứng trên lầu Nữ Giới Chung nhìn đoàn thanh niên Việt đang kéo đi xuống tàu sang Pháp cho trận giặc 1914—1918. Quả thật, bà là một nữ sĩ tài cao học rộng, xứng đáng là con cụ đồ Ba Tri, vì đã giữ được và làm rạng thêm cho truyền thống tiết tháo và kiên trung, di sản tinh thần quý báu của thân phụ để lại.

Bà sinh ngày hai mươi bốn tháng chạp năm Quý Hợi (1863) giữa lúc quân Pháp đang tràn lên xứ này ; và tạ thế ngày mười hai tháng chạp năm Canh Thân (4-1-1921) trong lúc phong trào giải phóng dân tộc đang ngấm ngấm hoạt động khắp nơi, kẻ thì bí mật gây dựng cơ sở trong nước, người thì bốn ba nơi hải ngoại đề hồ hào cổ vũ.

Bà chính tên là Nguyễn thị Khuê, con gái thứ tư của tác giả Lục vân Tiên (trong Nam gọi là thứ năm, vì con đầu lòng không gọi là cả như ngoài Bắc, mà gọi là thứ hai).

Tương người mảnh mai, bầm tính thông minh, lại nhờ sự giáo dục của thân phụ, nên sớm được nổi danh cả về tài lẫn sắc. Nhưng nếu cuộc đời của thân phụ bà bị lao đao vất vả vì hoàn cảnh gia đình và đất nước bao nhiêu, thì cuộc đời của bà cũng tang thương và đau khổ bấy nhiêu trong thời đại nhiễu nhương bấy giờ.

Bởi gia đình bà là một gia đình nặng chữ hiếu — trung, nên đối với vấn đề hôn nhân, bà cũng rất kén chọn kỹ càng. Cho đến năm 25 tuổi, khi thân phụ đã qua đời rồi mà bà vẫn chưa gả nghĩa nơi nào.

Năm 1888, cụ Nguyễn đình Chiêu mất, bà ở với anh ruột là ông Nguyễn đình Chúc, tục gọi thầy ba Sang. Gia đình bà, khi đó, anh em đều ở tại Ba Tri. Nhưng sau, một tên phủ, thứ « dân chi phụ mẫu » do người Pháp dựng lên, cho người làm mai đến hỏi bà. Bị từ khước, tên phủ nọ đem lòng oán ghét, cứ cách ít hôm, ý lại cho trát đòi anh ruột bà lên, kiếm chuyện làm khó dễ. Gặp hoàn cảnh ấy, gia đình bà phải rời sang Cái-Nửa (Mỹ-Tho). Tên phủ nọ theo đuổi, gia đình bà lại phải một lần nữa di cư đến ở nhà ông nghề Trương văn Mân ở Rạch-Miễu (Mỹ-Tho). Ở đây ít lâu, bà sánh duyên cùng một ông phó tổng góa vợ, ăn ở hiền lành được dân chúng thương mến là ông Nguyễn công Tinh, con một ông Huyện, nhà ở cầu Rạch ông (Mỹ tho).

Có chồng rồi, nhưng một thời gian khá lâu, bà mới sanh được một gái tên là Vinh (cô này sau có chồng là ông Mai Lương Ngọc, sanh được một gái là chị Mai Huyền Hoa, tức bà quả phụ Phan văn Hùm hiện nay). Cô Vinh được 2 tuổi, đang lúc gia đình đầm ấm thì ông Tinh từ trần. Bà trở thành quả phụ, quyết bề giữ tiết, và lấy hiệu là Sương nguyệt Anh. Một thời gian sau, gặp cảnh gia đình eo hẹp, bà phải đi dạy học chữ Nho, rồi lên Saigon kiếm kế sinh nhai bằng ngòi bút.

Bà làm thơ, viết bài đăng báo Nữ Giới Chung do ông Trần văn Chim làm chủ nhiệm, rồi sau bà làm chủ bút tờ này. Ít lâu, bà bị bệnh đau mắt, phải về làng Mỹ Chánh Hòa ở với em ruột là ông Chiêm, rồi tạ thế ở đây, hưởng thọ được 58 tuổi. Bà Âu dương Lâm, cháu gọi bà bằng cô ruột, làm mười bài thơ điệu, trong có hai câu :

Trong trảng lâu lâu gương nữ sĩ ;

Trăm năm danh rọi chói vầng ó.

Thật vậy, sinh thời bà Sương nguyệt Anh đã xứng đáng là người được cái danh thơm ấy. Bà là một phụ nữ đầu tiên làm chủ bút một tờ báo đầu tiên ở nước ta, và cũng là một người đàn bà Nho học uyên thâm, văn chương xuất chúng cuối cùng của đất nước trong thời đại bút lông đã phải thay bằng bút sắt bút chì.

Cùng thời với bà có các nữ sĩ Trần ngọc Lầu, Trần kim Phụng, nhưng bà Sương nguyệt Anh hơn được cả về tài lẫn đức. Việc này đã được thể hiện bằng bài « Chính phu thi » trên và sau đây là những bài :

Bài tức cảnh hoa Bạch-mai ở trên chùa Bà Đen (Tây-Ninh) :

Non linh dất phước trở hoa thần,

Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.

Tuyết dươm nhành tiên in sắc trắng,
Sương sa bóng nguyệt ánh màu ngàn.
Mây lành gió tịnh nường hơi chánh,
Vóc ngọc minh băng bất khỏi trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến ;
Non linh đất phước trở hoa thần.

Bài tặng một ni-cô :

Vắng vợi xa gần liếng pháp chung ;
Tinh đời ấm lạnh dễ nguôi lòng.
Ấm thanh thâm thắm trần ai lặng ;
Các linh lâu lâu ngọc giả trong.
Cánh cửa từ bi nường phận bạc ;
Mảnh gương lễ độ nhuộm màu hồng,
Trời Tây biển khờ thêm ngao ngán ;
Tinh giấc hoàng lương nguyệt nửa vòng.

Và giá trị nhất là bài « tức sự » trong dịp vua Thành Thái vào Saigon ngự yến năm 1899 :

Ngàn thu may gặp hội minh lang,
Thiên hạ ngày nay chỉ mở mang.
Tắc cỏ ngọn rau tràn dưới đất ;
Đài côm bầu nước chật ven dàng
Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa ;
Xót dạ thần dân chốn lửa than.
Nước mắt cỏ cùng trời đất biết ;
Biên đầu một cuộc nghĩ mà thương.

Tác phẩm của bà có nhiều. Song những bài trên đây là đặc sắc hơn hết. Thật là đoan trang tao nhã, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu, rõ rệt tâm hồn của một trang tài sắc trứ danh và đúng như lời bà đã đáp lại ông Trần Khải Sơn cũng một sĩ tử đương thời :

Chẳng phải tiên cô cũng đạo cô.

Bà chuyên làm thơ Đường luật với một giọng thanh tao, nên cũng có người gọi : bà Huyện Thanh Quan miền Nam. Tài đức của bà Sương nguyệt Anh ngoài cái sự nghiệp thi văn trên, còn chứng minh trong những trường hợp sau đây, đáng kể là những giai thoại trong văn sử nước nhà.

Tương truyền, sau khi chồng bà ông phó tổng Nguyễn công Tĩnh tạ thế, bà đã quyết trọn đời thủ tiết. Ấy thế mà không biết tại sao một nhà nho ở Mỹ-Tho là ông cử nhân Phạm đình Chi lại muốn phá ý định của bà bằng cách đến thăm đề giở trò văn chương ra làm mối

ông bướm, yêu cầu cho ra câu đối để kết duyên văn tự.

Bà từ khước, không được, phải ra cho ông Chi :

— *Đình làng tôi không dám phạm, thưa ông, tôi phạm đình chi ?*

Nói theo văn xuôi, tôi không dám xâm phạm tới đình của làng, vậy thưa ông, tôi phạm vào đình gì bây giờ ? Mới nghe cũng thường thôi. Nhưng cả tên ông Cử bị gói vào trong đó. Như thế, ông Cử biết lấy cảnh gì để ứng khẩu mà đối lại cho chỉnh, cho hay hơn được bà. Thế là ông phải rút lui một mạch, rút lui cả người và lẫn cả tà tâm. Chuyện này thật không khác nào chuyện bà Đoàn thị Diễm xưa lấy câu : « *Đình tiền thiếu nữ động lân lang* » đề ra cho cha con ông Công Hoàn và Bá Lân, khi đến chơi đề thử xem tài bộ.

Sau ông Cử Phạm đình Chi, một nhà Nho khác, ông Hồ bá Xuyên ở làng Vĩnh-Kim, quận Chợ Giữa, (Mỹ-Tho) cũng gửi đến một bài thơ, ngỏ ý muốn chấp mối tơ duyên :

*Trời đất ghen chỉ chữ sắc tài,
Vườn xuân vội ủa bầy phần mai ;
Gương loan sáng suốt càng ngư ngắc ;
Phấn vẽ giới mai lúc kém phai.
Lặng lẽ duyên hồng tơ tóc vẫn ;
Vấn vương phận liễu tháng ngày dài.
Bông đào ba thuở thay đổi lứa ;
Nữ đề trăng thu xế bóng Đoài.*

Nhưng thái độ cợt nhả ấy đã bị bà phản đối bằng một bài họa lại :

*Tài không sắc, sắc không tài,
Lả ủa nhành khô cũng tiếng mai.
Ngọc ánh chi nài son phấn diễm,
Vàng ròng há sợ sắc màu phai.
Ba giếng trước đã xe tơ vẫn,
Bốn đức nay tua nổi tiếng dài.
Dầu khiến duyên này ra đến thế ;
Trăng thu dầu xế rạng non Đoài*

Nhà nho Hồ bá Xuyên thất bại, một người nữa là ông Phủ Học cũng đưa đến một bài thơ, đầy những lời lẽ xô xát và xuyên tạc :

*Phải gần với nguyệt lúc lưng vơi ;
Đặng hỏi Hằng Nga nổi sự đời.
Ở Hạ mây mưa còn kém sắc ;
Về Thu non nước tỏ cùng nơi.
Hay trông Dữu Lượng xây lầu trước,
Hoặc đợi Thanh Liên cất chén mời.
Vóc ngọc há sỡn cơn gió bụi ;
Tài tình rõ mặt khá đua bơi,*

Ông Phủ thả lời ong bướm bằng văn chương để lung lạc tinh thần giới quần vận yếm mang. Nhưng con gái của cụ Nguyễn đình Chiêu đâu phải hạng nữ lưu tầm thường, nên bà đã đồn cho một lúc bằng hai bài thơ họa lại :

Đường xa vói vói dặm vói vói ;
Nghĩ nổi mây xanh ngán sự đời.
Biền ái nguồn ân còn lắm lúc ;
Mấy ngàn hạc nội biết đâu nơi.
Một dây oan trái rồi vay trả ;
Mấy cuộc tang thương há đổi đời.
Chước quý mưu thần đâu những kẻ ;
Gặp cơn nguy hiểm khó đua bơi.

Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi ;
Đình hư trong cuộc phải coi đời.
Ven mây bản thổ xa ngàn dặm ;
Đáy nước cung thêm lợ khắp nơi.
Nột trí dứa gian hiểm vẻ rặng ;
Vui lòng người triết thú đua bơi.
Khởi dòng hồi thực ung ra mặt
Đứng giữa trời xanh tiết chẳng rời.

Với hai bài thơ trên, bà Sương nguyệt Anh chẳng những đã đánh mạnh vào lòng bất chánh của ông Phủ, mà cũng là đề cảnh cáo thẳng thắn những thói đời xấu xa khác nữa.

Cho nên, nếu Nguyễn đình Chiêu tiên sinh, thân phụ bà đã để lại cho đời gương sáng suốt của con người mù lòa, gương chiến đấu của con người tàn tật, gương cao quý của con người bần bạc, gương sự nghiệp tinh thần trường cửu, thì ở đây, với nữ sĩ Sương nguyệt Anh, chúng ta phải nói rằng bà đã thừa hưởng được cái gia sản tinh thần ấy, nhất là bà đã để lại cho nữ giới nước nhà, một tấm gương trung-đức-hạnh của người đàn bà ở trong cảnh nước nhà ly loạn.

Cho nên, nếu các nữ sĩ Đoàn-thị-Điễm, Hồ-xuân-Hương, Bà Huyện Thanh Quan v.v... được ghi tên tuổi và sự nghiệp vào trong văn học sử nước nhà, trong chương trình giáo dục hiện nay, mà chúng ta không sắp cho bà Sương nguyệt Anh, ở trong đó, một chỗ ngồi xứng đáng thì thiết nghĩ là một việc sơ sót lắm vậy.

THÁI BẠCH

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

DOÃN QUỐC SỸ

IV

XA CÁCH

DẠ Y học ở Hà nội Thiệu thấy mình còn là « trẻ con », nhưng vào đến Huế, từ trên bậc cao nhìn bốn mươi học sinh ngồi nghiêm trang phía trước bên dưới, Thiệu cảm thấy quả mình đã khôn lớn, đã đứng đắn rồi.

— Thế này — Thiệu nghĩ thầm — cũng đúng là một kiểu « tha phương cầu thực » đây. Như vậy không đứng đắn sao được và không khôn lớn sao làm nổi ?

Khi mới ra đi Thiệu định sẽ chỉ ở Huế chừng hai hay ba năm là cùng, không ngờ chàng đã phải ở đó tới mười năm. Hai năm đầu chàng dạy học như thường nhưng tình hình chính trị trong nước đã khác. Thiệu có bi mật gia nhập Mặt trận cứu quốc, đi quyền tiền mua khí giới chuyển từ mặt Lào sang.

Trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, Thiệu bỏ kinh thành vào chiến khu. Chiến khu khi đó là làng La Chữ, cách Huế mười hai cây về phía núi. Ba ngày trước cuộc tổng khởi nghĩa nhân dân đã tự động nổi lên chiếm Bao Vinh, một địa điểm ngoại ô Huế. Cờ, truyền đơn được thả tung ra như bướm bướm. Dân trong thành phố bắt đầu đi cả khuya và ầu ẩu với lính Nhật ở ngoài đường. Chập tối ngày 19 tháng 8 một cuộc biểu tình đông hàng ngàn người, dẫn đầu là hai lá cờ đỏ sao vàng, từ Bao Vinh tiến lên qua Hàng Bè, vào đường Gia Long, lên đường Trần hưng Đạo. Trong số những người đi đầu này có Thiệu.

Khi đoàn biểu tình đến cầu Tràng Tiền lính Nhật bên kia cầu chặn lại. Đoàn người hò hét, hô khẩu hiệu. Một lát sau lính Nhật rút lui. Lúc đó vào mười giờ khuya.

Sau ngày khởi nghĩa kinh thành Huế được chính thức đổi tên là Thành Nguyễn Tri Phương. Tại khắp khu phố đồng bào các giới thành lập đoàn thể cứu quốc. Thiệu mê mải điều khiển các anh em trong đoàn Tuyên Truyền Xung Phong, đi khắp các chợ, đi khắp các bến đò

tác động tinh thần. Sau đó Thiệu phụ trách một đoàn Kịch lưu động hoạt động dọc theo đường xe lửa Bình Trị Thiên.

Rồi đoàn quân của Lư Hán tới giải giới quân đội Nhật vào tận Đà Nẵng.

Rồi sau hiệp định sơ bộ tháng 3 quân đội Pháp đến thay thế quân Lư Hán được quyền đóng ở ba địa điểm: trường Thiên Hựu, trường Khải Định và đồn Săng Đá ngay sát bên kia cầu Tràng Tiền.

Lính Pháp tích cực khiêu khích, tình hình ngày một gay go khẩn cấp. Trước ngày khởi hấn (19-12-1946) chừng nửa tháng dân quân đã đào hầm cùng đắp chướng ngại vật tại khắp các ngã đường. Ba giờ sáng đêm 19 rạng ngày 20 tháng 12 Thiệu cùng một số bạn phụ trách đặt mìn phá cầu Tràng Tiền đồng thời với tiếng nổ ở khắp nơi đó là các cầu An Cựu, Bến Ngự, Kho Rèn v. v...

Ngoài ba vị trí cũ, quân Pháp xuất hiện đột nhiên ở trường Pellerin và chiếm thêm nhà hàng Morin.

Tuy quân nhà có mua được một số súng chuyển lậu từ Lào sang nhưng ít quá chẳng thấm tháp vào đâu. Có những đoàn quân đánh dùng chiến thuật đánh kiếm: họ phải hành động nhanh chóng lắm hoặc là quân địch một loạt bị tiêu diệt trọn vẹn, hoặc là họ bị ngã gục trước làn tên thanh: kiếm không thể gạt được đường đạn!

Dân chúng lũ lượt tản cư ra các làng hậu phương. Dân quân địa phương tự động tổ chức phòng vệ làng. Máy bay Pháp ngày ngày nối đuôi nhau đi bắn phá lờng lộn.

Đói rách!

Tang tóc!

Đầu đầu cũng chỉ thấy có những người dân tự động lẫn lộn nuôi nhau, tự động chống giặc. Hầu hết các cán bộ « Đảng chính cống » hình như đã chuồn ra Thanh, Nghệ, Tĩnh từ lâu rồi. Điều này mãi về sau Thiệu mới biết, còn chính lúc đó thì « thanh niên cứu quốc » Thiệu đương mê mải làm công tác trong đoàn trình sát tinh báo. Trụ sở của đoàn ở dưới Hầm Một trong tòa Khâm.

Tình trạng cầm cự đó kéo dài được một năm thì mặt trận khắp nơi hoàn toàn vỡ.

Dân chúng quá kiệt quệ vì đói rét đành phải hồi cư. Từ 1947 đến 1950 hoạt động của Đảng hầu như không có gì. Trong khoảng thời gian này Thiệu trở lại với hội họa.

Qua một thời gian sóng gió, tâm hồn Thiệu có phong phú hơn nhiều khiến chàng đã có thể làm chủ được các đường nét ở mọi trường hợp. Tuy nhiên về cách xử dụng màu, chàng còn phải dùng trực giác nhiều hơn là trí xét đoán vững chắc, mặc dầu chàng đã nghiên cứu đi

nghiên cứu lại rất kỹ những sách chàng gửi mua từ Pháp về.

Đầu năm 1951 Thiệu được tin Đảng đã lập lại chiến khu tại La Chũ. Lòng náo nức hoạt động, Thiệu bắt ngay được liên lạc với « ngoài đó » để tiếp tục công tác bí mật nội thành. Các anh em văn nghệ sĩ khác tìm cách ra chiến khu. Nhưng sao họ lẽ tẻ trở lại? Và kẻ nào trở lại cũng có thái độ công phần. Thiệu dò hỏi một người trong bọn được biết Đảng lãnh đạo tỏ thái độ rất khinh khi tội « nghệ sĩ tiểu tư sản ». Thiệu cho đó chẳng qua là một sự hiểu nhầm giữa đôi bên.

Cuối năm 1953 Thiệu định đích thân ra Khu nhưng rồi bị ốm liệt giường, mãi đến tháng 4 năm sau (1954) chàng mới thực hiện được ý đó. Ra khu chàng được sung vào làm nhân viên Ban Nghiên Cứu Tình Hình Địch. Thiệu giữ thái độ vô cùng bình tĩnh để quan sát.

Thái độ các đảng viên vô sản đối với thành phần tiểu tư sản quả như lời những người đã chán Khu trở vào thành nội trùm chăn. Thiệu không quên một cuộc cãi nhau điển hình thời đó :

— Pasteur là một tên phản động.

Thiệu giật mình nghĩ : Quái đêm khuya thế này mà tiểu ban nghiên cứu kinh tế địch ở gian bên vẫn chưa kiểm thảo xong.

Lời nói vừa rồi Thiệu nhận ngay ra là lời của « đồng chí » trưởng tiểu ban.

Giọng « đồng chí » dần mạnh hơn :

— Xin đồng chí nhớ : Pasteur là một tên phản động.

Một giọng nói dễ dàng hỏi lại mà Thiệu nhận ngay là giọng của anh cựu sinh viên năm thứ hai trường thuốc, nhân viên trong ban :

— Đồng chí cho biết vì sao mà Pasteur là một tên phản động kia chứ và như thế cả Koch cũng là một tên phản động sao ?

— Phải cả Pasteur cả Koch đều phản động !

— Vì sao vậy ?

— Vì tài của họ là do tư bản đế quốc nâng đỡ huấn luyện, và họ đã đem tài đó ra để phục vụ tư bản đế quốc. Pasteur và Koch đều có tội với nhân dân.

— Thưa đồng chí tôi chỉ thấy rằng Pasteur có tội với vi trùng nói chung và Koch có tội với vi trùng bệnh lao nói riêng, vì họ đã phát minh ra cách diệt chúng để tất cả chúng ta ngày nay đều được hưởng kết quả đó.

— Đồng chí nên nhớ Pasteur và Koch là người của tư bản đế quốc !

— Nhưng lúc bấy giờ chưa có Đảng để lãnh đạo Pasteur và Koch thì lỗi đặt ở Pasteur và Koch ?

— Đồng chí không bao giờ được phép quên rằng : Pasteur và Koch là người của tư bản đế quốc !

Thiệu trở mình quay mặt vào tường nghĩ thầm : Anh « đồng chí » này còn biết Pasteur và Koch là ai, lại không lý luận rằng : « Pasteur là người Pháp, vậy đồng chí bệnh Pasteur là bệnh giặc Pháp » kẻ cũng còn là khá lắm.

Thiệu đã quen quá rồi với những cảnh thảo luận, với những đề tài thảo luận đó. Lần nào nghe người của Đảng thảo luận như vậy Thiệu lại nghĩ đến truyện « Thế giới người mù » của Herbert George Wells, hoặc sở sảng hơn chàng nghĩ rằng mình đang sống trong một thế giới những trâu, bò, lừa, ngựa, la, chó săn... con nào con nấy đều được che hai bên mắt. Cuộc đời hai bên chúng không biết, cuộc đời phía sau chúng không hay, chúng chỉ biết chăm chăm nhìn về phía trước mà tiến theo đường roi. Trái đất thì tròn, chủ chúng có giỏi lắm cũng chỉ đến dẫn chúng đi trọn một vòng mà trở về điểm cũ, nhưng chúng ca hát — trâu, bò, lừa, ngựa, la, chó săn... cũng biết ca hát chứ sao — chúng ca hát rằng chủ chúng đang đưa chúng đến Thiên đường.

Phải có một tâm hồn nghệ sĩ coi tình cảm là một cái gì tối thiêng liêng yếu và hoạt động say mê với cả tấm lòng chân thành trọn vẹn để rồi đích thân tai nghe mắt thấy sự thực ta mới thông cảm nỗi hết cảnh chua xót độc thấu xương tủy, lạnh lẽo tràn ngập tâm hồn Thiệu lúc đó.

Vắt tay lên trán Thiệu nghĩ chun chặt hơn rằng : có thể trong một trường hợp nào vì ngu mà can đảm nhưng trong trường hợp đó kẻ cầm đầu vẫn là cười lên lưng một con vật mù, một khi con vật kiệt quệ không còn sức chiến đấu nữa thì cả con vật lẫn người cười cùng chết. Có thể Đảng cố huấn luyện cho đảng viên và nhân dân ngu để dễ kích thích thù tính mà dùng chiến thuật biến người trong các trận xung kích lớn, nhưng ở thời kỹ thuật chiến tranh nguyên tử này chiến thuật biến người mất hiệu lực rồi. Phải tỉnh táo và sáng suốt ! Chỉ có dạy nhau, giúp nhau tỉnh táo và sáng suốt nhân loại mới ra khỏi thế cờ bí do chính nhân loại bày.

Tin Điện biên Phủ ngoài Bắc thất thủ. Hiệp định Genève.

Các « đồng chí » để tùy Thiệu lựa chọn hoặc theo tập kết ra Bắc hoặc ở lại lĩnh công tác « nằm vùng ». Cái hèn hạ, cái phản trắc đáng ghê tởm là Đảng trở mặt lại ve vuốt tiểu tư sản, đề cao tiểu tư sản và khuyến khích các phần tử tiểu tư sản lĩnh công tác « nằm vùng ».

Chẳng còn ai mắc mưu. Khi đã một lần mắc mưu mùa, một lần mắc dịch tả... thì suốt đời người ta không mắc những chứng bệnh đó

lần thứ hai nữa. Đây cũng là một cách « miễn dịch tâm hồn ».

Thiệu lẳng lẳng trở về thành. Sau ba tháng đụng chạm với sự thật, trở lại căn phòng cũ, nhìn những nét croquis phác dờ, nhìn những khung vải nhện trắng gián nhảm, Thiệu cảm thấy hồn mình cũng ô chề cũng siêu vẹo như vậy. Chàng tự nguyện rửa mình đã tình phụ, đã phản bội Nghệ Thuật mặc dầu trong thâm tâm chàng vẫn biết mình không thể hành động khác thế.

Sau cùng chàng tự an ủi :

— Đau khổ tự nó vô trách nhiệm, vấn đề phải đặt là : người đã học được những gì trong đau khổ của mình và của đời ?

Và cũng kể từ đấy Thiệu hay suy tư về ý nghĩa cuộc đời.

Ài mà chẳng yêu tổ quốc, yêu nhân loại vô điều kiện ? Nghệ thuật chân chính mặc nhiên phải vô tư, chính trị chân chính mặc nhiên phải vươn tới chỗ vô tư. Nghệ thuật không xa chính trị vì nghệ thuật bắt nguồn ở cuộc sống. Chính trị không xa nghệ thuật vì chính trị gia chính là người nghệ sĩ phụng sự cái Đẹp trong hành động. Nếu đừng quá căn cứ vào góc cạnh của tiếng nói nhân loại thì Thiệu có thể cả quyết rằng : Chân, Thiện, Mỹ là một. Người dân là những nghệ sĩ hồn nhiên, các nhà hiền triết là những nghệ sĩ điêu luyện, rồi các chính trị gia, rồi các văn nghệ sĩ... mỗi người ở địa vị riêng mà hoạt động với cả tấm lòng chí thành thì mỗi địa vị là một khía cạnh của một chân lý toàn diện : đó là lòng hướng về Chân, Thiện, Mỹ, đó là những nỗ lực thường xuyên của con người để nâng cao mức sống tinh thần của con người.

Đau khổ, lầm lẫn không đáng kể, điều cốt yếu : hãy lớn mạnh !

V

HAI NHÁNH SÔNG GẶP GỠ

Tuy Thiệu thấy lòng bớt thắc mắc vì chàng đã biết tự an ủi : « đau khổ tự nó vô trách nhiệm, điều cần là liệu mình có trưởng thành trong đau khổ không ? » nhưng suốt bốn tháng trời liền Thiệu không dám cầm đến bút sơn. Chàng thêm một cuộc sống hồn nhiên có ý thức mà chưa đạt được.

Bỗng một ngày kia, phải ngày đó Thiệu nhớ lại, ngày 15 tháng 9 năm 1954, Lũy — bạn Thiệu — mang lại cho chàng một lá thư. Phong thư này đề theo địa chỉ trường cũ. Trường đã giải tán từ lâu chỉ còn Lũy — ông hiệu trưởng cũ — ở lại, vì một lẽ giản dị trường sở là nhà của Lũy. Nhìn tên người gửi mắt Thiệu sáng lên. Trời ơi thư của chị Hoa,

Saigon, ngày 12 tháng 9 - 1954

Em Thiệu yêu quý của chị,

Chị chẳng hiểu em có còn ở địa chỉ cũ không, hay đã lang bạt đi đâu rồi, hay đã... nhưng thôi chị cứ gửi thư này theo địa chỉ cũ. Chị chưa muốn viết gì hơn vì chưa biết số phận lá thư này ra sao. Nếu cầu Trời, cầu cha mẹ phù hộ mà thư này đến tay em thì em trả lời chị ngay theo địa chỉ kèm đây. Chị hiện mở hiệu bán sách.

Chị của em

Hoa

Số Đường 20 — Saigon

Đã từ bốn tháng nay Thiệu thấy tâm hồn héo hắt, chàng nghĩ đến màu úa vàng của ruộng mạ gặp kỳ đại hạn. Thiệu chờ mưa, cơn mưa từ đâu tới, cơn mưa như thế nào, chàng không rõ. Lá thư của chị Hoa, người chị ưu tư, hiền hậu của Thiệu đã là cơn mưa chờ đợi. Cơn mưa đã đến, cây cỏ phải hồi sinh.

Và đây là lời nói của một tâm hồn hồi sinh :

Huế, ngày 15 tháng 9 năm 1954

Chị Hoa yêu quý của em,

Nhận được thư của chị em quên tuổi chị ạ, em tưởng như ngày nào còn bé đại ham ra bến phà, ham leo lên để chơi đùa về chị phải giặt quần áo bé bết dất cát của em. Nhận được thư này chị đừng viết thư cho em nữa, em đang thu xếp mọi công việc để về Saigon ở gần chị.

Có lẽ em về gặp chị trước khi thư này đến nơi.

Em của chị

Thiệu

Cùng với lá thư gửi cho chị Hoa, Thiệu viết một lá thư cho Tạo.

Tạo là người bạn duy nhất của Thiệu ở Saigon mà chàng vẫn thường liên lạc bằng thư. Thiệu quen thân với Tạo từ thuở chàng trình bày tờ tuần báo của Tạo ở Hà nội trước thời kháng chiến. Thiệu quý Tạo ở chỗ Tạo có tâm hồn phóng khoáng nghệ sĩ. Tạo còn chơi dương cầm khá giỏi mà Thiệu vốn ưa nghe dương cầm.

Thiệu còn nhớ chiếc « thia khóa nghệ thuật » đã mở tình thân cao quý cho đôi bạn là bản Simple aveu của Francis Thomé. Hôm đó, lần đầu tiên tới nhà Tạo, Thiệu yêu cầu Tạo đàn cho nghe. Tạo liền giới thiệu một bản mà Tạo thích lắm : bản Simple aveu ; Tạo cho mở đĩa hát bản Tình ca không lời đó (Roman sans parole) rồi ngồi vào piano rạo theo. Ý Tạo muốn dùng tiếng violon và tiếng violoncelle trong đĩa hát làm cho nỗi giai điệu để Thiệu cảm thấy hết cái đẹp uyển

chuyển của nét nhạc. Quả nhiên Thiệu đồng ý với Tạo và mê ngay bản nhạc.

Simple avecu — chàng nghĩ thầm — lời thú thật đơn giản, đây hẳn là lời thú thật tình yêu.

Chàng yêu bản nhạc đến nỗi lần nào đến thăm Tạo, chàng cũng bắt Tạo đàn bài đó cho nghe ít nhất là một lần, rồi chàng nhâm thuộc, rồi chàng làm lời ca cho bản nhạc — mặc dầu nguyên tác là bản « Tình ca không lời » ! Lời ca cũng âm thầm cũng réo rắt như đường nhạc :

*Ánh trăng muôn trùng xa... mờ
Ngân cây cùng lên tiếng chơi vơi
Khiến lòng xao xuyến bằng khoảng
Hồi tưởng nhớ bao năm... thời thơ ấu
Êm đềm biết bao nhiều tình thương... buồn...*

Làm lời xong, hát đi hát lại Thiệu mới giật mình thấy rằng chàng hoàn toàn viết theo tiếng nói của mối tình lỡ dở với Yến :

*...Khiến lòng xao xuyến bằng khoảng
Hồi tưởng nhớ bao năm... thời thơ ấu
Êm đềm biết bao nhiều tình thương... buồn...*

Và mỗi khi ngậm ngùi nhớ đến Yến, Thiệu hát khẽ để tự xoa dịu, tự an ủi, tự vỗ về chính mình. Chàng thấy như chàng vừa là kẻ chèo thuyền vừa là kẻ nằm giữa khoang thuyền để nghe thấy mình trôi nổi bnh bồng trên từng lớp sóng... từng lớp sóng xô rồn của biển cả mệnh mông.

Có lần Tạo bảo Thiệu :

— Hay là nếu họa sĩ thích nhạc thì tôi xin dạy.

Thiệu lắc đầu :

— Nghe anh chơi rồi giữ lấy âm thanh đó trong lòng, như thế đẹp hơn nhiều. Anh có biết chuyện người Nhật tấu nhạc tế thần ? Họ cầm ống tiêu làm điệu thổi nhưng không thổi thành tiếng vì họ e tiếng tiêu thật không thanh khiết bằng tiếng tiêu phát lên tự tâm hồn.

Tạo lắc đầu :

— Anh lãng mạn quá lắm !

Lần này cùng với lá thư gửi cho chị Hoa, Thiệu viết cho Tạo một lá thư yêu cầu bạn tìm ngay công việc cho mình ở Saigon.

Chị Hoa nhận thư được hai hôm thì Thiệu lủ lủ tới.

Chị Hoa khóc — thì bao giờ chị chẳng hay khóc — chị vừa khóc vừa nắm lấy tay Thiệu :

— Giờ ơi, em tôi !

Biền, ông anh rề, đã ra bắt tay Thiệu ăn cần hỏi han mấy câu về việc đi đường.

Hai cháu, một gái, một trai còn đứng ngơ ngác trên thềm : Trang đã mười hai, năm nay bắt đầu học đệ thất, Thụy lên bảy mới học vỡ lòng.

Chị Hoa cố giữ giọng bình tĩnh, kể tiếp cho Thiệu hay chủ thím Hai có tuổi rồi không đi cư, chủ thím bảo chẳng lẽ đi cả nên tình nguyện ở lại trông nom mồ mả tổ tiên.

Chị bỗng chăm chú nhìn Thiệu hơn, yên lặng giây lâu mới nói :

— Em tôi đã hơn ba mươi tuổi đầu rồi mà... ừ kể ra cũng có già đi một chút nhưng trông về người thì còn y như ngày nào...

Thiệu cười :

— Tại em còn độc thân, chẳng lo lắng gì nên trẻ thôi.

Chị Hoa lờm :

— Đều rồi chuyện này tôi phải bắt cậu lấy vợ, không thể lỏng lỏng mãi thế được, hư người ra.

— Vàng thì anh chị cưới vợ cho em. Bây giờ em chẳng còn đồng xu nào. Tiền máy bay đến đây là em vay của bạn...

Chị Hoa ngắt lời :

— Cậu không phải lo điều đó.

Anh Biền hỏi :

— Cậu năm nay bao nhiêu tuổi rồi nhỉ ?

— Em ba mươi hai.

— Phải — lời chị Hoa — cậu ấy băm hai, tôi băm bảy, tôi hơn cậu ấy năm tuổi mà.

Thiệu được chị Hoa cho biết tiểu gia đình anh chị Tín hiện được chia ruộng ở Cái Sắn. Ngay hôm sau Thiệu cùng chị Hoa đi Cái Sắn. Tiểu gia đình anh Tín đông người hơn. Anh chị Tín đã có bốn cháu cứ một trai lại một gái và tên theo thứ tự như sau : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Anh chị Tín đều khen Thiệu còn trẻ. Riêng Thiệu, chàng nhận thấy cả anh Tín lẫn chị Tín, cả chị Hoa lẫn anh Biền đều già đi nhiều.

Ngay chiều hôm ấy chị Hoa trở về Saigon nhưng Thiệu còn ở lại với anh chị Tín đến một tuần sau. Trở về Saigon, Thiệu vừa đặt chân vào hiệu sách chị Hoa đã nói rối rít :

— Không biết có nhà ông nào đến đây tìm cậu mấy bận, đáng bần khoản lắm, có để lại bức thư này.

Thiệu đọc thư, thư của Tạo :

Thiệu thân,

Nhận được thư cậu đề ngày 15-9-54 ở Huế có trả lời ngay, nhưng thư quay về với dòng địa chỉ mới của cậu tại Saigon ghi ở góc phong

bì. Chắc là ông chủ nhà mách giúp. Tôi đã đến đây ba lần mà cậu chưa về. Có việc cần tới cậu lắm đấy.

Thân ái

Tạo

Ngay chiều hôm đó Tạo đến. Đôi bạn chỉ thiết gặp nhau nói cười bô bô coi như trong nhà chẳng có ai. Tạo kéo Thiệu đi ăn ở Chợ Lớn. Chiếc xe của Tạo kiểu Fiat, Millecento chỗ ngồi thì rộng mà đáng thì xinh. Trong lúc ăn Tạo kể chuyện vừa xin được giấy phép ra tờ tuần báo « Nguồn Việt », hiện đã có trụ sở riêng cho tờ báo. Tạo muốn Thiệu không những trông nom trình bày tờ báo mà còn giữ luôn chân tổng thư ký tòa soạn. Có chiếc xe 2 chevaux để Thiệu toàn quyền sử dụng.

Thiệu nhận lời và đến ở tòa báo ngay. Nguồn Việt số đầu đã kịp ra mắt đúng kỳ hẹn vào nửa tháng sau.

Tính ham giao du của Thiệu sau 10 năm bị đứt quãng nay được dịp « chồm » dậy. Báo vẫn ra đúng hẹn, trình bày đẹp, nhưng Tạo chỉ có thể « bắt » được Thiệu ở nhà in mà chẳng bao giờ gặp được Thiệu ở tòa báo. Hình như Thiệu chỉ tạt về để thu nhặt những thư từ, bản thảo các nơi gửi tới mà người đưa thư đã quăng bữa bãi qua cửa sắt. Tạo biết xe 2 chevaux của Thiệu nhiều khi ngồi len tới năm sáu « văn nghệ sĩ » để hoặc đi rong phố, hoặc ra tiệm trà đường Catinat, hoặc ra khỏi thành phố tiến về bất cứ một vùng quê nào, một tỉnh nhỏ nào. Vì tiền ét-săng nhất định Thiệu đòi trả lấy nên Tạo chịu không thể ước lượng số ki-lô-mét Thiệu đi hàng tháng.

Một ngày hạn hữu kia, Tạo cùng mấy anh bạn qua tòa soạn thấy cánh cửa sắt ngổ.

Bước qua ngưỡng cửa Tạo gọi :

— Thiệu có nhà không ?

Thiệu đương gội đầu trong buồng tắm, mắt còn nhắm nghiền vì sợ bọt sà phòng lọt vào mà cũng nghe cồ lên đáp liền :

— Ở được, chờ một tí rồi đi. Xong rồi đây !

Mọi người cười ồ ; Tạo lắc đầu :

— Minh đến thăm nó chứ có đến rủ đi chơi đâu mà nó đã nghiêm nhiên ra lệnh : chờ một tí rồi đi.

Nhưng khi Thiệu ra thì cả bọn quyết định đi chơi thật.

Vừa lái xe Tạo vừa nói :

— Chính sách của Pháp bắt đầu thay đổi ở đây.

Thiệu hỏi :

— Thay đổi gì ?

— Khá lắm — Tào đáp — hiện tòa Đại Sứ Pháp công bố sẵn sàng cấp học bổng cho một số sinh viên Việt qua Pháp học về đủ các ngành: sư phạm, khoa học, âm nhạc, hội họa...

Thiệu ngắt lời:

— Cả hội họa nữa à?

Tào gật đầu:

— Chỉ phải nộp cho tòa Đại Sứ Pháp hai bức tranh sơn dầu của mình.

— Sao phải nộp thế?

— Đề họ gửi về Pháp; một hội đồng giám khảo sẽ quyết định sinh viên đó được nhập học không và nếu có thì vào năm thứ mấy.

Thiệu vỗ vào thành xe cuống quýt:

— Cậu cho tôi về!

— Về làm gì, về lấy hai bức tranh à?

— Không, về vẽ hai bức tranh.

Cả xe cười ầm. Tào điềm nhiên dận ga, cho xe đi nhanh hơn:

— Thôi hãy đi chơi đã, chẳng mấy khi được gặp cậu thế này.

Thiệu đánh nén sự nóng lòng sốt ruột và ngồi điềm nhiên như không. Thiệu biết chỉ có cách ấy mới khỏi bị Tào trêu trả thù. Nhưng sau buổi đi chơi, chỉ ba ngày sau Thiệu đã đem đến tòa Đại Sứ Pháp hai tác phẩm sơn dầu của mình. Khi trở về, yên trí rồi, Thiệu đỗ xe ở góc đường Bonard, vào một tiệm trà giải khát. Lúc trở ra ánh nắng vừa tắt, đường phố về chiều hầu như rộng thêm và hiền hòa chào đón. Thiệu chưa ra xe vội, chàng rẽ theo hè phố. Phía trước và bên trong các cửa hàng đã bật điện. Thiệu qua một vùng ánh sáng nhấp nháy chàng ngẩng lên thì thấy giữa khoảng đèn xanh, trắng nhấp nháy đó là hình chữ thập đỏ: một hiệu báo chế! Thiệu đưa mắt nhìn vào phía trong: ngồi ở quầy hàng là một người đàn bà đẹp. Đôi mắt chàng thoát dừng lại như đã từng dừng lại ở bất cứ khuôn mặt đẹp nào.

Người đàn bà trả tiền lẻ cho khách xong cũng vừa ngẩng lên nhìn ra. Hai đôi mắt gặp nhau, Thiệu có cảm tưởng chàng vừa bị gáo nước lạnh dội lên người và chảy nhanh theo dọc xương sống.

Chàng thốt gọn như reo:

— Yến!

— Anh Thiệu!

Nỗi vui mừng đến bất ngờ quá làm Thiệu lúng túng. Giây lâu Thiệu mới hỏi:

— Cửa hàng này của chị Yến?

Yến gật đầu :

— Vâng, mới khai trương được ba hôm nay. Tôi di cư vào đây đã hai tháng rồi, mất một tháng đi tìm nhà, may mà thuê được căn này.

— Thế là giỏi lắm đấy. Chị còn lạ gì hiện giờ Saigon khan nhà đến mức nào.

— Vâng quả có thế.

Thiệu nhìn quanh lăm lăm như ngẫm ngợi, sự thực chàng chẳng ngẫm gì cả, rồi nói :

— Rộng đấy chứ chị ? Rộng lắm !

Tiếng Yến :

— Chả rộng đâu anh ạ, mở « pharmacie » mà thế này gọi là tạm đủ thôi.

Thẻ xã giao vẫn đáp đó còn kéo dài thêm mấy câu nữa. Buồn tẻ vì bàng hoàng hay vì bàng hoàng mà buồn tẻ ? Mấy lần Thiệu nhìn Yến chăm chú, khi Yến nhìn lại hai người cứ đề vạ mà « gặp » nhau trong giây lâu rồi hoặc Thiệu quay đi, hoặc Yến quay đi.

Mãi sau Thiệu mới cất lời hỏi câu đáng lẽ chàng đã phải hỏi từ lâu.

— Chị Yến được mấy cháu rồi, anh làm việc ở ngay Saigon hay ở lục tỉnh ?

Yến chợt cúi mặt buồn rầu :

— Cám ơn anh tôi được hai cháu ; nhà tôi mất đã hai năm nay.

Thiệu đứng sững nhìn Yến không nói. Hình như cùng một lúc Thiệu nghĩ đến rất nhiều điều trái ngược và cũng vì rất nhiều điều trái ngược đến cùng một lúc nên Thiệu có cảm tưởng là mình chẳng nghĩ gì cả.

Thấy khách tới quầy trả tiền đông Thiệu cúi chào Yến :

— Xin phép chị tôi đi, để khi khác thông thả...

Yến trở lại vui niềm nở :

— Vâng lần sau anh đến bất cứ lúc nào tôi cũng có nhiều thì giờ. Anh nhớ đây là « pharmacie de garde » nên ngày thường mở cửa từ sáu giờ chiều trở đi còn chủ nhật cùng các ngày lễ thì mở suốt ngày. Đặc biệt chiều nay tôi phải ngồi quầy thay cho cô « caissière » bị rức đầu. Xin lỗi anh nhé.

Ra đến xe, mở cửa vào ngồi trước tay lái rồi, Thiệu mới bứt bàng hoàng và ôn lại hình ảnh Yến. Thiệu thấy rằng Yến hơi đầy hơn trước, Yến không cả xinh lẫn đẹp như xưa, Yến đã là đàn bà, Yến chỉ còn đẹp. Nhưng — có lẽ đấy là điều đáng buồn cho Thiệu — nếu Yến không còn xinh thì Yến lại đẹp quyến rũ lên bội phần.

Thiệu đặt tay lên trán nhắm mắt, suy nghĩ rồi tự nhủ thầm :

— Phải, Yến đẹp quyến rũ lên bội phần thật !

Chàng về ngay tòa báo, khóa trái cửa lại, vào buồng nằm. Tâm trí chàng ngột ngạt hình ảnh Yến. Chàng biết rằng cả đêm hôm đó chàng sẽ chỉ nghĩ về Yến. Thốt nhiên ôn chuyện cũ nhớ việc Yến lấy chồng mà không phải là lấy mình, Thiệu thấy trong cùng thắm tâm hồn còn chút gì hờn giận tuy vô lý nhưng rờn rờn có thực.

Bên ngoài có tiếng cửa xe đóng rồi Tào gọi :

— Thiệu có nhà đấy chứ ?

Thiệu lặng thinh.

Tiếng Tào cầu nhàu :

— Quái, xe để trước cửa mà nó đã đi đâu rồi.

Tiếng một anh bạn khác :

— Chắc hẳn chỉ quanh quẩn gần đây thôi.

Tào càng cầu nhàu :

— Có thánh mà hiểu được nó.

Tiếng máy nổ. Tiếng bánh xe lăn xa dần rồi im lặng. Thiệu nhồm dấy tắt đèn rồi nằm thật thanh thoi để nghĩ đến Yến cùng những kỷ niệm thời thơ ấu bên bờ sông quê hương. Sau cùng Thiệu trở về nghiền ngẫm ý nghĩ : Yến đã là đàn bà, Yến không còn xinh, nhưng Yến lại đẹp quyến rũ lên bội phần.

Thiệu chợt ngủ lúc nào không biết. Trong giấc mơ Thiệu nhớ đến một người đàn bà đẹp trong Đông Chu Liệt Quốc : nàng Túc Vĩ. Nàng Túc Vĩ hình như là vợ ông vua Sở nào thì phải. Mà vua Sở cũng cướp lại nàng tự tay một ông vua nước nhỏ nào thì phải. Nàng đẹp lắm, mà lúc nào cũng đỏ hồng nên vua Sở gọi yêu nàng là « Đào hoa phu nhân ». Vẫn trong giấc mơ Thiệu nhất định « Đào hoa phu nhân » là Yến mà chàng vừa gặp ban chiều, bởi Yến cũng có đôi má ửng hồng đẹp như vậy.

Hôm sau Thiệu ngồi ở bàn giấy tòa báo cả ngày. Cũng là vô tình Tào qua tòa báo hai lần, lần nọ cách lần kia ba tiếng đồng hồ. Tào trợn tròn mắt vì thấy Thiệu vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Khi Tào vào Thiệu nhớ Tào chuyển tập bài đến nhà in cho thợ sắp chữ.

— Cậu ốm đấy à ? — Tào hỏi.

Thiệu lắc đầu :

— Không !

— Không đi chơi à ?

— Không !

Ra đến xe rồi, Tào còn ngoái nhìn Thiệu một lần nữa khẽ chồm môi rồi nhún vai lắc đầu nói thầm :

— Có mà thánh hiểu được thằng này !

Buổi chiều Thiệu lái xe lên đường Bonard đậu chỗ hôm trước, nhưng khi thủng thỉnh tới gần hiệu bảo chế của YẾN thì chàng dừng lại bụng bảo dạ: « mới hôm qua đến, hôm nay lại đến sao tiện ! »

Thiệu trở về xe. Khi xe qua đấy nhìn vào chàng thoáng thấy bóng YẾN ở trong cùng đang xem một đơn thuốc của khách hàng.

Chiều hôm sau đi qua Thiệu thoáng thấy YẾN đương cúi đầu ghi gì trên một đơn thuốc.

Chiều hôm sau nữa Thiệu cũng đi qua. Ô-tô nối đuôi nhau chiếc nọ sau chiếc kia thành dãy dài. Đèn đỏ ngã tư bật lên đúng lúc xe Thiệu vừa tới xế hiệu bảo chế của YẾN. Thiệu chặc lưỡi lái xe vào sát vỉa hè, mở cửa bước ra. YẾN nhận thấy chàng ngay.

Thiệu chào YẾN rồi nói :

— Chị cho tôi một tube Aspirine.

YẾN chăm chú nhìn Thiệu :

— Anh bị rức đầu ?

Thiệu gật đầu liau :

— Vâng, chả hôm qua tôi thức khuya quá.

YẾN chỉ về phía xe 2 chevaux :

— Xe của anh ?

Thiệu cười :

— Của bạn đấy chị ạ.

Rồi Thiệu vui vẻ kể cho YẾN nghe công việc hiện thời chàng làm. Chàng kết luận vui hơn :

— Tôi thực là công chưa thành, danh chưa toại, nghèo rớt mùng tơi, nhưng mà thôi điều đó chẳng đáng kể miễn là nặng tình yêu nghệ thuật và giàu tình cảm là được rồi có phải không chị ?

— Anh nói đúng !

Cả hai cùng cười. Câu chuyện thật đậm đà. Khi đã lên ngồi xe Thiệu mới sực nhớ ra hai điều cùng đáng trách cả. Điều thứ nhất : chàng quên chưa trả tiền tube Aspirine. Điều thứ hai : cách chàng nói chuyện vui vẻ và tinh táo chẳng có vẻ gì là một anh rức đầu sắp phải uống aspirine.

Chiều hôm sau Thiệu đến xin lỗi YẾN để trả tiền. YẾN gạt đi nhưng Thiệu không chịu. Chàng nói :

— Đời tôi còn ốm nhiều, chị làm như vậy từ lần sau tôi không dám đến đây mua thuốc nữa.

Rồi để lấp câu chuyện Thiệu chỉ chiếc xe Consul đậu ngay trước cửa :

— Có phải xe của chị đấy không ?

YẾN gật đầu ;

— Vàng tôi phải có xe để đi lấy hàng cho tiện và còn đưa hai cháu đi học nữa.

— Chị mượn tài xế ?

— Tôi lái lấy anh ạ. Có gì đã có garage ngay gần đây.

Thiệu cười :

— Trông xe của tôi bên xe của chị như cùng một lúc thấy hai vầng trăng: một trăng hạ tuần và một trăng rằm.

Yến nói :

— Ấy thế mà tôi thích đi xe 2 chevaux đấy, ngồi bồng bồng, nhưng êm.

— Nếu vậy mai tôi đến đón chị lại thăm tòa báo của tôi.

— Rất hân hạnh !

— Độ mấy giờ nào ?

— Mười giờ anh nhé.

— Vàng mười giờ. Nhưng chị nhớ là phải ngồi xe 2 chevaux của tôi.

— Nhất định rồi.

Mười giờ hôm sau Thiệu tới đón Yến đến tòa báo, Yến chăm chú xem tranh của Thiệu treo trên tường.

— Chị Yến ạ.

Yến quay lại.

Thiệu tiếp :

— Yến chẳng thể nào hiểu được ngày xưa tôi đã yêu Yến đến mức nào.

Yến cúi xuống mỉm cười xa xôi.

Vẫn lời Thiệu tiếp :

— Cho nên ngày nay gặp Yến tôi có cảm tưởng như gặp lại một người đã nợ mình rất nhiều mà chưa trả gì cả.

Yến cười thành tiếng khẽ :

— Trời ơi, anh còn đòi nợ tôi làm gì ?

Mặt Yến chợt buồn. Thiệu vội vàng chuyển câu chuyện :

— Nếu Yến thông thả tôi đưa Yến đi Thủ-Đầu-Một xem mấy xưởng làm sơn mài.

— Vàng đi.

Suốt dọc đường hai người nói chuyện hiện tại, trao đổi những nhận xét di dỏm. Câu chuyện vui. Nhưng mỗi khi Thiệu nhắc nhở vài nét dĩ vãng Yến chỉ chớp mắt không trả lời.

Sau buổi cùng nhau đi chơi Thiệu được dịp hiểu Yến hơn : ngày nay Yến có cái phóng khoáng của người chịu ảnh hưởng Tây học và giao thiệp rộng, lại có cái tế nhị đặc biệt của người miền Bắc.

Thiệu nhớ đến chuyện « Hắc Nga ngủ trong rừng ». Sau giấc ngủ trăm năm đợi Hoàng tử đến, khi nàng Công chúa tỉnh dậy nàng vẫn tươi đẹp như xưa. Thời gian có trôi nhưng sắc đẹp và tuổi trẻ của nàng chỉ ngưng đọng. Tình của Thiệu đối với Yến cũng chỉ ngưng đọng, nay thì đã bùng tỉnh để cuộn cuộn xô dồn như cơn sóng Đuống vẫn cuộn cuộn xô dồn vào những mùa nước lên.

Cuộc sống của Thiệu tuy hồn nhiên nhưng sự thực bên trong chẳng bao giờ Thiệu quên những vết thương cũ : vết thương tình đầu tiên với Yến, vết thương xa quê hương lang bạt ở miền Trung, vết thương của kẻ bị lừa trên trường chính trị điên đảo... Những vết thương đó trước đây vẫn âm thầm bỏ ngỏ. Kể từ ngày Thiệu nhận được thư của chị Hoa rồi về ở Saigon chàng tự coi như đã được băng bó. Đến nay gặp Yến, tình yêu nồng nàn trở lại, Thiệu chợt cảm thấy được đắm mình trong một dòng suối thần tiên và các vết thương tâm hồn lành lại như chưa hề bao giờ có.

Ba hôm sau, Thiệu đến tìm Yến hỏi Yến có bằng lòng để chàng vẽ portrait cho nàng một bức sơn dầu? Yến vui vẻ ưng thuận. Hình như lúc nào Yến cũng sẵn sàng ưng thuận một cách rất trang nhã theo ý chàng đề nghị.

Thiệu hỏi :

— Yến định hôm nào bắt đầu ?

Yến đáp :

— Anh cho ba ngày nữa, vì mai và mốt hàng về tôi phải cho đi lấy và ghi vào sổ.

Thiệu tần ngần :

— Yến nhỉ.

Vẻ nhìn của Yến cũng bàng hoàng :

— Dạ ?

— Chúng mình xa nhau đến mười năm rồi nhỉ ?

— !

— Ngày nay gặp Yến cái đam mê mười năm trước cháy lại trong lòng tôi Yến ạ. Bắt đền Yến đấy.

Yến mỉm cười buồn rầu. Thiệu tiếp :

— Cũng là cái số tôi không thoát khỏi tay Yến làm khổ.

Yến hỏi khẽ :

— Sao lại khổ ?

— Vì với trạng thái đam mê của tôi thì mỗi khi yêu, dù được yêu lại, tôi vẫn cảm thấy mình mất mát đi nhiều lắm.

Yến giữ nguyên nụ cười xa xôi.

— Đã bao giờ Yến nghĩ đến việc trả món nợ tình cảm như núi

như non của tôi chẳng ?

Yến ngược nhìn Thiệu rồi cúi xuống ngay. Nàng đáp :

— Thôi anh Thiệu ạ !

Thiệu nhìn Yến chăm chú hơn, mỉm cười. Chàng nghĩ đến mười lăm năm trước đây khi trao bức thư tình đầu tiên cho Yến, sap đó Yến trả lời : « Đừng anh Thiệu ạ ! » Đến nay trong cảnh tái ngộ « *hoa xưa ong cũ mấy phần chung tình* » Yến lại đáp : « Thôi anh Thiệu ạ ! »

Nhưng rồi Thiệu quyết định ra về. Chàng nghĩ : dầu sao cũng là một chuyện quan trọng không nên ép Yến trả lời ngay. Còn thừa thì giờ mà !

Trước khi ra về chàng đòi giọng nói đùa để bầu không khí dễ thở :

— Tùy ý Yến đấy, nhưng món nợ đồ không chạy được đâu, chẳng trả kiếp này thì phải trả kiếp sau.

Thấy Yến ngàng nhìn, Thiệu tiếp :

— Thiết tưởng bà nên trả ngay kiếp này đi cho sông phẳng.

Thiệu, Yến nhìn nhau giữ nụ cười im lặng. Cả hai cùng bàng hoàng như đôi trai gái hò hẹn và gặp nhau trong một đêm sáng trăng xuống.

Rồi chia tay.

Ra đến ngoài đường nắng vàng phơ phớt, Thiệu có cảm tưởng quanh mình có hàng ngàn vạn những cánh hoa vàng vô hình rơi rụng. Thiệu cho xe theo đường qua cầu Quay sang Khánh Hội mặc dầu chàng chẳng có việc gì phải sang Khánh Hội. Nhìn con đường nhựa mịn màng chui qua cầu Mống, Thiệu nghĩ đến Yến mai đây cũng sẽ nằm nép dưới cánh tay chàng. Khi xe trở về trung tâm điềm chợ Bến Thành, nhìn các ngã đường song song gặp nhau Thiệu nghĩ đến những dòng sông đã phân ngành rồi những ngành sông chệch tìm được nhau cất tiếng reo vui trước khi lao mình ôm quện lấy nhau để hòa làm một.

(Còn hai kỳ nữa)

DOÃN QUỐC SỸ

HỆ THỐNG ÂM NHẠC NHẬT BẢN

NGUYỄN PHỤNG

HÀU hết lịch sử của nhân-loại đều do sự-nghiệp liêm-tục và bền-bĩ của nhân-tri tạo lập, trước hết đề vượt lên trên mọi mãnh lực của thiên nhiên, sau nữa đề thống trị và biến nó ra thành một việc lợi ích cho chính mình.

Cổ nhân ta khi còn sống trong thời kỳ khỏa thân, ăn-lông ở lỗ, không có một dụng cụ hay một vũ khí nào để tự-vệ đành phải sống dưới sự lệ thuộc, đàn áp tuyệt đối của năm yếu tố thiên nhiên : ngũ hành. Vì thế họ cần phải tìm tòi đề được nhận thấy trong chính bản thân của họ những thế lực bí ẩn đề nhân cách hóa và thần linh hóa các ngoại vật và các hiện tượng thiên nhiên. Kể từ đấy người ta sống với tin tưởng rằng mọi điều lành hay dữ, thiện hay ác đều do các thánh thần ấy mang đến cho họ. Do đó sự biểu lộ dưới mọi hình thức của cổ nhân trong các phạm vi hoạt động tri thức đều có một tính cách thần bí và đều liên kết với quan niệm của họ đối với các vị thần linh nhân từ hay độc ác.

Luật thiên nhiên ngàn thuở thông thường này đã được chứng minh trong chính hệ thống âm nhạc của dân Nhật Bản mà họ đã bảo tồn, duy trì không để phai lạt đi một phần nào từ thời đại sơ thủy đến nay cũng như hệ thống âm nhạc Trung Hoa. Hệ thống âm nhạc Nhật Bản cũng chỉ là một sự đồng hóa của âm nhạc Trung Hoa vậy.

Trong mọi yếu tố điều hòa vũ trụ đều có sự liên kết chặt chẽ giữa thiên lực (Puissances naturelles) thiên hiệu (Signes célestes) với sự phân chia niên kỳ. Ở nước Nhật, các thiên lực và thiên luật của vũ-trụ (Lois de la Nature) đều do con số 5 biểu thị. Có thể nói con số này được xem như là một thần số (nombre sacré) hay là một thần bí hiệu. Bởi thế, hệ thống âm cung của Âm nhạc ở đây chính là hệ thống ngũ cung (système pentatonique). Và đây là hệ thống ngũ cung mà người Nhật gọi với biệt danh là âm giai *Go-in*:

— Âm thanh thứ nhất gọi là *Kiou* (chỉ định Triều đình — Lãnh chúa) tương đối là *Cung* hay *Hò* của Việt Nam, và là nguyên âm (Tonique) của Tây phương.

— Âm thanh thứ nhì gọi là *Schô* (chỉ định Thương nghiệp — Thủ hạ) tương đối là *Thương* hay *Xử* của Việt-Nam, và là thượng nguyên

Âm (Sus-tonique) của Tây phương.

— Âm thanh thứ ba là *Kakou* (chỉ định kèn Tù và — Nông-dân) tương đối với *Giốc* hay *Xằng* của Việt Nam, là Trung âm (Médiate) của Tây phương.

— Âm thanh thứ tư *Tsché* (chỉ định Ký hiệu — Phàm vật) tương đối với *Chủ* hay *Xê* của Việt Nam và là chủ âm (Dominante) của Tây phương.

— Âm thanh thứ năm là *Ou* (chỉ định lông chim — Vật trầu tượng) tương đối với *Vũ* hay *Cống* của Việt Nam và là thượng chủ âm (Sus-dominante) của Tây phương.

Âm thanh *Kiou* quan trọng nhất, còn âm thanh *Ou* được đặt ở hàng cuối cùng. Một điều mà chúng ta cần chú ý trong sự phân hạng này cũng như trong mọi phân loại tương đương khác, mỗi lời nói, giọng nói và do vị trí của nó, mỗi danh hiệu đều ấn định giá trị tương đối của phẩm vật đã được tượng trưng bằng âm thanh và xếp theo trật tự từ trên xuống dưới (Hệ thống giáng cấp).

Năm danh hiệu của âm thanh này không biểu dương cho những âm thanh nhất định; nó chỉ được xem như là tương xứng với các âm hiệu ở trong âm cung lấy âm thanh *Kiou* làm nốt căn bản. Nguyên âm như sau:

— Âm bậc thứ nhất hay nguyên âm (Tonique, tức là *Cung* của Việt Nam;

— Âm bậc thứ nhì hay thượng nguyên âm (Sus-tonique) tức là *Thương* của Việt Nam ;

— Âm bậc thứ ba hay trung âm (Médiate) tức là *Giốc* của Việt-Nam ;

— Âm bậc thứ tư hay chủ âm (Dominante) tức là *Chủ* của Việt Nam ;

— Âm bậc thứ năm hay thượng chủ âm (Sus-dominante) tức là *Vũ* của Việt-Nam.

Ở đây chúng ta không nên căn cứ vào danh từ để lập sự tương xứng giữa hai hệ thống âm thanh Nhật Bản và Tây phương như là: Nhị trình (Seconde), Tam trình (Tierce), Tứ trình (Quarte) và Ngũ trình (Quinte) bởi vì thành phần của âm giai ngũ cung Nhật Bản (ví dụ lấy âm *Do* làm nốt căn bản) chỉ có: *Do*, *Re*, *Mi*, *Sol* *La*, Nếu chúng ta nhìn kỹ theo thể thức cấu tạo âm giai thì hệ thống ngũ cung vẫn có một vài điểm giống như các âm giai Tây phương. Vì vậy trong bài khảo cứu này chúng tôi xin tạm dùng những danh hiệu quen thuộc để giúp cho ta dễ hiểu.

Nguyên âm (Son fondamental hay Tonique) của mỗi âm giai đều đối xứng cho mỗi tháng trong năm, vì người dân Nhật tin tưởng

rằng tiếng gió thổi trong tháng nào sẽ tạo thành những âm thanh độc chiếm đặt ở trong một âm vực (Registre) riêng biệt thuộc về âm cung chủ yếu (Tonalité dominante) của tháng ấy.

Như vậy đối với người Nhật, họ cho sự so sánh này không có gì là quá chủ quan; trái lại nó được xem như là tương hợp với một thực tại chắc chắn và cụ thể.

Và sau đây là danh hiệu của 12 âm cung (Tonalités) Nhật Bản :

Tháng giêng	= Tairiô (Mi)
Tháng hai	= Taisokou (Fa)
Tháng ba	= Kioschô (Sol — <i>bémol</i>)
Tháng tư	= Kossen (Sol — <i>bécarre</i>)
Tháng năm	= Tschourio (La — <i>bémol</i>)
Tháng sáu	= Souischine (La — <i>bécarre</i>)
Tháng bảy	= Ringshô (Si — <i>bémol</i>)
Tháng tám	= Isokou (Si — <i>bécarre</i>)
Tháng chín	= Naurio (Do)
Tháng mười	= Boniki (Re — <i>bémol</i>)
Tháng mười một	= Oshô (Re — <i>bécarre</i>)
Tháng mười hai	= Kôrchô (Mi — <i>bémol</i>)

Mỗi âm cung có nhiều âm thể (Modes) khác nhau và âm giai ngũ cung tượng trưng cho các âm thể ấy được cấu thành do sự thay thế bằng một hay nhiều âm thanh thuộc âm giai thiên văn tự nhiên (Gamme normale astronomique) của Nhật-Bản, trong ấy có một hay nhiều âm thanh bị hóa (sons altérés); những âm-thanh-hóa này đặt cách khoảng độ một bán cung trưởng hay đoản (demi-ton majeur hay mineur) ở dưới âm thanh chính, tức là nguyên âm (tonique) mà nó thay thế. Âm giai thiên văn tự nhiên của Nhật-Bản tương hợp với âm giai ngũ cung Trung Hoa trong ấy gồm có các bậc âm (degrés) y như nguyên âm (Tonique), Thượng nguyên âm (sus-tonique) hay âm bậc thứ nhì, Trung âm (Tierce) hay âm bậc thứ ba, chủ âm (Quinte) hay âm bậc thứ năm, và thượng chủ âm (Sixte) hay âm bậc thứ sáu của âm giai trưởng Tây phương (Gamme majeure occidentale). Một trong những âm thể thông dụng nhất ở nước Nhật là âm thể (mode) tương tự âm giai đoản của Tây phương (Gamme mineure occidentale).

Muốn tìm các âm thanh của một âm cung nhất định, người ta thường áp dụng nguyên tắc sau đây: Viết tên của 12 tháng và 12 âm cung chủ yếu của nó theo cách đối xứng trên một hình tròn. Chia làm sáu đường kính. Mỗi tháng nằm trên một đường bán kính.

Muốn tìm ra âm cung (tonalité) của tháng nào thì phải đặt đề âm thanh *Kiou* vào tháng đó. Ví dụ muốn tìm các âm thanh thuộc âm cung của tháng giêng. Âm cung chủ yếu của tháng giêng là *Tairiô*, ta

lấy đặt nó làm *Kiou* hay nguyên âm. Kế đó ta bắt đầu đếm từ thăng giêng tới thăng tám; thăng này sẽ chỉ định âm cung chủ yếu của nó là *Schô* hay là âm thanh thứ nhì của âm giai. Sau đó phải đếm lùi lại từ thăng giêng cho đến thăng thứ sáu (thăng giêng, thăng chạp, thăng mười một, thăng mười... v... v...) sẽ được âm thanh *Kakou* hay âm thanh thứ ba của âm giai. Và cứ tiếp tục tính như thế (đếm tới tám thăng, rồi đếm lùi lại sáu thăng) chúng ta sẽ lần lượt nhận ra tất cả 5 âm thanh chính và 5 âm thanh bị hóa hay âm hóa (*sons altérés*) để thay thế gọi là hoán âm (*notes de substitution*). Căn cứ theo nguyên tắc vừa trình bày như trên, chúng ta có thể ghi tóm tắt nó lại trên một bảng hệ thống âm thanh của 12 âm cung khác nhau và kèm theo đó có phần phiên dịch ra âm hiệu Tây phương tương đương.

Nhưng nếu muốn chỉ định một cách rõ rệt các nốt Tây phương tương đương ấy, các âm thanh Nhật Bản cần phải được biểu thị theo hệ thống Tây phương bằng những dấu tăng (*dièses*) và những dấu giảm (*bémols*).

Theo nhận xét riêng của chúng tôi đối với lời phê phán chủ yếu của nhạc sĩ gia Fétis nói về hệ thống của âm nhạc Nhật Bản thì ông đã nhận đúng khi ông tuyên bố rằng: Hệ thống của âm nhạc Nhật đã lấy căn bản ở trong âm giai đồng (*Gamme chromatique*). Thật vậy, số 12 âm thanh chính yếu (nguyên âm) của 12 thăng trong năm đã tạo thành hoàn toàn một âm giai đồng vì thành phần của hệ thống âm cung (*système tonal*) cũng như thành phần của các âm giai đều lấy căn bản ở hệ thống kế tiếp theo chiều thượng và chiều hạ của các ngũ trình và tứ trình (*succession de quintes montantes et de quartes descendantes*).

Những âm thanh mà chúng ta vừa gọi là hoán âm (*sons de substitution ou de rechange*) được đem áp dụng trong các đoạn âm điệu với tính cách âm thanh chính đã bị hóa (*altéré*) tức là những âm thanh đồng (*sons chromatiques*) của nhạc Tây phương.

Cũng có lẽ những âm thanh bị hóa này đã làm cho các nhà bác học âm nhạc Tây phương phải rất dè dặt và ngần ngại trong việc xác định rõ rệt hệ thống âm cung của âm nhạc Nhật.

Tất cả 12 âm thanh căn bản (nguyên âm) của Nhật-Bản đều tương hợp với 12 âm thanh Trung-Hoa gọi là *Lữ* hay *Lưu* (ống tre hay quản tre):

NHẬT BẢN	TRUNG HOA	VIỆT NAM	
		cổ	tân
Kiou	Kong	Cung	Hồ
Schô	Chang	Thương	Xử
Kakou	Ko	Giốc	Xàng
Tschj	Tsché	Chủy	Xê
Ou	You	Vũ	Cống

Âm nhạc là một nghệ thuật phát xuất ở tình cảm hơn là ở lý trí. Dân tộc nào cũng có một nền nhạc riêng biệt, chịu ảnh hưởng của khí hậu, tập quán, lễ giáo và phong tục địa phương; nhưng nhờ ở những tác dụng về tâm lý và thẩm mỹ qua không gian và thời gian, không ai có thể phủ nhận tính cách quốc tế vĩnh cửu của âm nhạc. Nếu hẳn hũu có một người Nhật-Bản, hoặc Trung-Hoa hay Việt-Nam nào không cảm xúc những tuyệt phẩm của Mozart hoặc Beethoven nhưng lại xúc động đến rơi lệ khi nghe những điệu nhạc của nước họ thì ta vẫn phải thừa nhận ảnh hưởng đích thực và chính đáng của sự điều hòa âm thanh, mặc dù ta không đủ sức hoặc chưa đủ sức tìm hiểu sự điều hòa ấy.

NGUYỄN PHỤNG

BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI

Quán rượu nửa đêm
 Tìm màu huyết dụ
 Tái tê vài cánh hoa hồng
 Gục đầu bờ lý gờn gợn

Nửa đêm quán vắng
 Những giọt nức lặn hoa lòng đĩa xám
 Những bàn tay thối như những bàn tay
 Những sợi tóc phai dần mùi hương quyến rũ

Còn lại
 Hai đứa chúng mình
 Uống rượu nhìn mưa chạy dài đường lối
 Những con đường chấp nối
 Từ lòng chúng mình vượt qua biên giới
 Nối lại tình thương
 Đã vỡ từ muôn thế kỷ

Đêm nay quán vắng
 Mưa rơi từng giọt đin hieu
 Không đi bên mà sao lòng say sóng
 Tưởng gió về đem nước mặn vào môi

Anh với tôi
 Gặp nhau dễ rồi
 Ngày mai ngày kia
 Có lẽ là sau đây một phút
 Sẽ xa nhau
 Buổi tiễn biệt sẽ buồn như vĩnh biệt
 Khi nghe tin người bạn thơ
 Đã chết một hôm nào
 Trần trường không cơm áo

Uống đi anh
 Ly này là ly thứ mấy
 Buồn này là buồn hôm nao
 Khi già từ đôi tay bé nhỏ

Anh giót cho tôi
 Cả u sầu vạn thuở

Đang đọng trên tóc người vũ nữ
 Có nét mặt yểu tinh
 Qua ly rượu đỏ
 Đỏ như máu dính ở môi
 Đỏ như máu ứ trong tim
 Vũ toang liếng cười pha lê nước nở

Hãy uống đi
 Còn đêm nay nữa
 Mai anh lên đường gối súng
 Tôi về gác nhỏ
 Nhìn mưa rơi trên lối mòn ủa cỏ
 Rượu thôi đầy áo khếp tuổi chia ly

Có buồn không
 Mà sao hơi rượu
 Dáng vào mắt anh
 Thấm vào hồn tôi
 Trút tiếng thở dài đêm khuya úp mặt

Anh nhìn tôi
 Tôi cúi xuống
 Bọt rượu sôi lên trong đáy cốc
 Thoáng ai về trong men đắng đêm nay
 Ghi nết bàn tay
 Lòng thủy tinh lạnh ngắt
 Một tiếng sao rơi
 Nhạc nức u hoài điệp khúc
 Có gái nhỏ gục đầu thồn thức
 Rượu hết rồi mưa trắng đêm nay...

TẠ TÝ

SAO LẠ

Cõi đời có hai người
 Và rất nhiều có độc
 Trên trời mới đôi thay
 Có đôi ngôi sao mọc
 Mọc giữa ban ngày
 Lịch sử bắt đầu mới
 Trang thư nhất từ đây

VƯƠNG TÂN

CHIẾC XE ĐẠP CŨ

MAI THẢO

TRÊN hai chiếc xe đạp không thể cũ hơn, theo một con đường không thể tối hơn, hai người sánh vai nhau thong thả đạp về phía ngoại ô thành phố. Họ vừa rời khỏi phòng triển lãm. Người họa sĩ già—không hiểu theo tuổi—đã vẽ hàng nghìn bức tranh đủ các loại, đã thí nghiệm rất nhiều môn phái, đã sử dụng rất nhiều kỹ thuật, trưng bày tác phẩm đã nhiều lần và đã đứng lại. Người ta liệt anh vào cái số ít đã tới, và đứng vững trên cái vị trí đã tới ấy. Anh chỉ thấy mọi người ngợi khen một sự thất bại. Đã tới là đã hết. Anh không đứng trên một cái đỉnh mà nằm trong một cái vũng, cái vũng của nghệ thuật nằm chết.

Người trẻ tuổi thì mới trưng bày tác phẩm lần đầu. Đột sáng tác thứ nhất triển miên trong một không khí đam mê cuồng nhiệt, người trong cuộc quên cả ăn cả ngủ, hội họa đậu trên tay nằm trong đầu trong mắt, hình ảnh màu sắc đầy tim đầy hồn. Và năm mươi bức tranh đầu tiên đã được đem trưng bày ở phòng đọc sách công cộng duy nhất của thành phố. Lớp người yêu hội họa, những bạn hữu còn đang chăm chú ngó xuống tác phẩm anh, để khám phá một nghệ thuật một con người mới đến, chúng nói gì, con người ấy nghệ thuật ấy đồng tình hay bất mãn với cuộc sống với nghệ thuật nói chung. Những nhà phê bình đang cân nhắc, đang đánh giá, chưa quyết định. Anh chẳng quan tâm đến. Vẽ với anh là đủ và vẽ được là xong. Người bạn già khuyên anh trưng bày. Vì đã tới lúc. Thì anh trưng bày. Cười nói là để khỏi chật nhà mà có đúng như vậy. Sự quan hệ đối với anh ở chỗ muốn vẽ phải vẽ và đã vẽ được ra. Nghệ thuật chưa cần là một thành công hay một thất bại. Nó chỉ là một sự kiện linh động nguyên khối, đầy ắp sự sống, như một mặt nước lũ toé vọt băng băng, trườn đi khắp ngã, chưa khuôn thu vào một hướng một dòng nào. Nó còn đầy bất ngờ và rất mới. Như một cuộc thí nghiệm.

Buổi khai mạc phòng tranh lúc chiều xuống, anh mặc áo mới đến. Đèn sáng chói. Bạn hữu xôn xao các góc phòng, anh nhai kẹo đi đi lại lại trước lũ tranh, cái đầu nghiêng nghiêng. Chính anh cũng tò mò không kém gì cái tò mò của những người thưởng ngoạn. Con người

mới đi vào thế giới nghệ thuật như người miền quê vừa ra tỉnh mà hội họa thì lộng lẫy như một thành phố lớn. Cái gì cũng ngó cũng lạ. Anh ngỡ ngàng với chính những thực hiện của mình. Chưa ai phê bình, anh cũng chẳng tự phê bình. Thấy bằng lòng thấy sung sướng. Nỗi vui thứ nhất toát ra, bốc lên, ngây ngất. Cho mãi tới giờ đóng cửa.

Bây giờ đạp xe theo người bạn già về nhà riêng anh ta ở ngoại ô, anh đi theo bạn nhưng suốt dọc đường không hề nghĩ đến sự đi theo đó. Tới đâu cũng được. Ở đâu cũng là vui. Đi với bạn như đi một mình. Đường phố hẹp tối mà chung quanh không khí phơi phơi như ngoài cánh đồng bao la ánh trăng. Sự sống đầy. Hội họa choáng lên một hơi thở thơm ấm. Năng lực sáng tạo bừng bừng như một trái chín ứa đọng mật ngọt ở trong. Hội họa và con người cười với nhau nụ cười tình yêu thứ nhất. Ngày mai ngày kia anh sẽ vẽ nữa, vẽ mãi mãi. Thân thể anh nhẹ. Chân đạp xe những vòng đều đặn vui. Nghệ thuật vừa trải xong chiếc chiếu mới. Bốn góc chiếu ngay ngắn như một thế giới. Và tất cả thì mới bắt đầu.

Họ im lặng đạp trong im lặng. Bỗng người trẻ vương tay lái vào xe người bạn già, chao đi. Anh cười lớn :

— Suýt ngã. Gờm tối thế. Đây còn xa không ?

— Không, một quãng ngắn nữa thôi.

Người trẻ tuổi huýt sáo ngược mắt nhìn lên những vòm cây thẫm bóng trên đầu, giữa những chùm sao lấp lánh rồi nhìn sang hai bên.

— Đây con đường này có thể đẹp lắm.

— Ừ con đường này đẹp.

— Hôm nào có nắng tôi phải vác giá lại vẽ một buổi mới được.

— Ừ hôm nào vác giá đến mà vẽ.

Lại im lặng. Tiếng bánh xe lăn trên mặt nhựa. Người họa sĩ già bỗng nói tiếp bằng một giọng ngậm ngùi :

— Tôi cũng đã có vẽ một bức về con đường này. Sơn dầu.

— Thế à ? Từ bao giờ ?

— Không nhớ. Lâu lắm rồi.

— Còn giữ không ?

— Không đốt đi rồi và cũng đốt đã lâu lắm.

Người họa sĩ già không nhớ đã đốt bức tranh vẽ con đường có cây đi về cái xóm ngoại ô của anh hôm nào. Chỉ biết là một hôm nào đó hình ảnh con đường ấy cùng với tất cả những con đường khác anh đã sống đã đi qua không còn đúng với cái tâm trạng gây nên bởi những hình ảnh trong bức tranh nữa. Vòng xe đạp tròn quay, những chiếc nan hoa óng ánh, mặt đường mát phẳng như da người, những bóng cây hai phía nghiêng xuống y như những vệt sao sáng trên cao không còn phản

ảnh tâm hồn anh và bức tranh với những màu sắc rực rỡ đã bốc cháy. Anh đốt nó cháy, ngồi nhìn nó cháy. Rồi con đường về ngoại ô mất dần cái đẹp, song song với con đường nghệ thuật của anh mất dần sự sống. Những đoạn đã thuộc lòng—vô nghĩa như một nét vẽ quen tay—hàng ngày anh đi đi về về trên thân chiếc xe cũ, con người còn cũ hơn xe, tâm hồn còn cũ hơn cả người. Tất cả đều đã cũ đã mỏi quá. Một toàn thể nào tan rời thành muôn mảnh nhỏ, mang theo sự hủy hoại, lả tả rơi xuống. Anh nhớ lại lần triển lãm thứ nhất. Giấy phết ngày ngất cũ. Một xưởng họa mới dựng. Tác phẩm chưa ráo sơn, ngọn bút đã phóng lên một khung vải khác. Nhịp sáng tác đi mạnh cái nước rút thần tốc tưởng chừng có những đợt gió thổi trùng trùng ngược lại đến nỗi choáng mặt ù tai, đến nỗi hoa mắt rục đầu. Những lượng sơn những lượng thuốc đỏ xuống mặt vải như không bao giờ ngừng lại.

Nhiều năm tháng qua đi. Nghệ thuật vẫn vậy. Riêng anh thay đổi. Anh có cảm tưởng như đang đạp với chính cái bóng mình những năm hội họa khởi đầu. Anh còn trẻ măng, cái trẻ măng của đầu cành, chưa có nếp răn, chưa có tuổi. Giờ thì đã khác quá, không còn như cũ nữa. Chân đạp xe đã thấy mỏi. Mấy năm nay đi về vùng ngoại ô, chiếc xe cũ lăn trên lối mòn, vai anh siêu gục, đầu cúi xuống, anh đã đánh mất cái thói quen nhìn trời cao nhìn chung quanh như người bạn trẻ đang nhìn. Giờ nhìn xuống bánh xe lăn, nhìn xuống mình. Mỗi buổi chiều lại tối hơn buổi chiều trước, cứ tối thêm mãi. Con đường dài ra cứ dài thêm mãi. Sự mệt mỏi chiều chiều u uất đi sâu vào cái đáy heo hút.

— Tới chưa? Chậm thế! Đạp nhanh lên chứ.

Tiếng người bạn đã đạp vượt lên nói với lại. Người họa sĩ già du cái cổ gầy ra phía trước, ấn mạnh chân xuống bàn đạp, rướn lên. Chân tay anh đều mỏi ròi. Mọi cử động là mọi cố gắng. Thân thể như cuộc sống bây giờ: một cái máy đã long đã gẫy anh cố gắng lắp lại nhưng vẫn sộc sộc không được như cũ. Con đường thì như một hướng núi. Trước đồ dốc nhanh bao nhiêu, bây giờ leo lên nhọc mệt bấy nhiêu. Nghệ thuật như một cánh chim không chờ nó cũng bay đến giờ giữ lại cũng không được. Từng mảnh sống bỏ đi dần dần, nghệ thuật cũng trở gót theo sau, cứ mất cứ vội mãi như phòng triển lãm những ngày sắp đóng cửa. Một cái gì đang ra về. Nó vẫy tay vĩnh biệt. Cũng không có sự hẹn gặp lại.

Người họa sĩ già xuống xe trước cửa nhà mình, một căn nhà gỗ cuối một ngõ hẹp. Đưa con anh đứng chờ trước cửa. Anh cúi xuống xoa đầu nó rồi quay lại mời bạn vào nhà. Đèn bật sáng. Người họa sĩ trẻ đứng trước một căn phòng trống, nền xi-măng trần trỗng. Bốn vì tường thì đầy những dấu đinh, chỉ có một cuốn lịch nhỏ còn mang một

ngày của tuần lễ trước. Một chiếc ghế dài kê sát tường. Mấy ô sách. Trên mặt cái giá cao, một lọ sành đựng bút vẽ và một hộp sơn đầy nắp. Không có dấu vết sáng tác. Không có cái bề bộn nghệ thuật của xưởng họa. Không khí thanh sạch không thoáng gọi một mùi sơn vải quen thuộc. Thật khác với cái buồng ngủ của anh vừa được biến thành xưởng họa từ mấy tháng nay. Chẳng có chỗ mà đi. Đâu đâu cũng ngổn ngang. Chỗ nào cũng chỉ thấy tranh thấy thuốc chồng chất lên nhau. Anh ngạc nhiên hỏi bạn :

— Tranh đâu cả ?

Và khi người bạn già đã rửa mặt xong ra trả lời :

— Không có.

Thì anh không dấu được cảm phục :

— Anh đã thành công đã có tên tuổi cũng khác. Muốn vẽ lúc nào thì vẽ, vẽ ra là ăn chắc. Tôi vẽ ngày vẽ đêm cứ là vẽ bừa đi cũng chưa biết sẽ ra thế nào. Tôi được cái vững vàng bây giờ của anh, tôi được khi mỗi sáng tác là một tác phẩm, tôi còn phải có nhiều thời gian và nhiều kinh nghiệm lắm.

Người họa sĩ già mỉm cười nhìn bạn cũng không muốn đính chính lại nhận xét sai lầm ấy. Nhớ trước kia, ngày mới vẽ, đứng trước xưởng họa trống của một « bệc đàn anh », anh cũng nói một câu tương tự như vậy. Thì ra nghệ thuật không có định luật nhưng giữa con người nghệ thuật và nghệ thuật đã có một quy luật nào đó. Không có tấm kính, cái thước nào phản chiếu và đo lường tâm hồn và sự sống đúng và rõ hơn. Không muốn phản bội, còn chân thành kính yêu nghệ thuật thì nhận thấy quy luật ấy. Một nghệ thuật đã hết không sống được bằng hoa lá nguy trang. Sau lần triển lãm cuối cùng, một mình đạp xe về ngoại ô, anh cảm thấy anh không còn những điều kiện trở lại hội vui. Đã tới lúc chuồng điếm giờ người lui vào hậu trường. Một ngọn lửa tàn. Một đường tơ trùng. Những ngón tay yếu mang một tâm hồn mới. Chiếc xe cũ và con đường dài. Căn nhà ngoại ô với buổi chiều đã xuống. Một ấn tượng tối tăm điển hình.

Ánh sáng lạnh của xưởng họa không họa phàm chiếu xuống bóng hai người đứng im. Mỗi người đuổi theo một ý nghĩ. Bỗng người trẻ cất tiếng hỏi :

— Bạn này anh có xem kỹ tranh tôi không ?

— Tôi có xem kỹ.

— Anh thấy sao ?

— Tôi thấy anh, anh đang sống.

— Anh còn thấy gì nữa không ?

— Có. Kỷ niệm và quá khứ. Một phần cái tôi ngày xưa trong cái anh hôm nay.

— Nghĩa là anh định nói có một cái chung giữa tôi với anh ?

— Đúng. Tôi định nói có một cái gì chung giữa tôi với anh.

Người trẻ tuổi có vẻ sung sướng và bằng lòng câu nói đó. Anh ngẫm nghĩ rồi giơ tay lên ánh sáng, tính đốt ngón.

— Này anh này.

— Gì thế ?

— Tôi định cuối tháng sáu lại trưng bày. Làm một cuộc triển lãm mùa hạ. Độ sáu mươi bức. Giờ đã có ngót hai chục. Mà chỉ còn bốn tháng trước mắt.

— Tôi xem anh vẽ nhanh lắm. Kịp thừa đi.

— Kịp thì vẫn kịp. Nhưng lần này tôi muốn bày chung với anh. Anh nói có một cái gì chung giữa tôi với anh làm tôi nảy ra ý định muốn bày chung với anh lần tới.

Cái chung ấy đang tách rời ra, thành hai thực thể khác biệt, đi xa mãi nhau, mỗi thực thể về riêng một đầu. Không, cái chung ấy không thể đứng với nhau trong một phòng tranh được. Cái đỉnh ấy và cái vũng này không đứng được bên nhau.

Người họa sĩ già nghĩ vậy và lắc đầu :

— Anh vẽ đủ chỗ thiếu đi và anh triển lãm một mình. Bây giờ anh phải triển lãm một mình.

Mâu đối thoại ngừng lại ở đó. Người họa sĩ già tiễn bạn ra ngoài đường lớn và đứng lại ở đầu ngõ. Anh nhìn lên những vì sao trên đầu. Khoảng tối tăm vô tận và những điểm đứng xa nhau. Có một cái gì chung giữa tôi với anh, từ tôi đến anh. Nhìn mãi những vì sao nghĩ mãi về cái chung đó. Cũng thấy buồn rầu nhưng cũng thấy yên tâm.

MAI THẢO

CON NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI

NGUYỄN SA

NHIỀU triết gia đã đề ý một cách đặc biệt đến vấn đề con người. Platon, Aristote, Descartes, Kierkegaard... đã nói về con người. Sự chú ý kể trên là một điều dễ hiểu. Là một sinh vật biết ngạc nhiên, dò hỏi về sự hiện hữu của muôn vật trong vũ trụ tất nhiên người sẽ phải ngạc nhiên, dò hỏi về sự có mặt của mình. Vấn đề con người vì vậy đã chiếm giữ một địa vị quan trọng trong triết học cổ điển cũng như trong triết học hiện đại. Những điểm gặp gỡ của hai nền triết học đó, cũng là điểm phân cách, điểm dị biệt sâu xa. Nếu người ta đã thường lấy những kết quả của khoa học như đồ đồng, đồ đá, điện khí, nguyên tử lực để đánh dấu những thời đại văn minh khác nhau thì trên phạm vi triết học người ta cũng có thể lấy con người làm tiêu chuẩn phân biệt triết học truyền thống cổ điển và triết học hiện đại.

Thật vậy, nhiều người đã nhận định rằng con người xuất hiện trong triết học cổ điển có những điểm dị biệt đến chỗ mâu thuẫn với con người xuất hiện trong tác phẩm triết học hiện đại. Các triết gia cổ điển đã bàn đến vấn đề con người. Nhưng con người được các triết gia đó dù duy tâm hay duy vật khảo sát đến bao giờ cũng là một con người trừu tượng. Tại sao lại trừu tượng? Bởi vì các triết gia cổ điển dù là Platon, Descartes hay Hume, Condillac đã lấy một khía cạnh của con người, làm toàn thể con người... Họ chỉ nhìn thấy một chiều hướng của con người trong khi con người thật sự trên thực tế vốn là một toàn thể phức tạp. Chỉ biết lấy một khía cạnh của nó tức là đã trừu tượng hóa nó, đã dựng nó qua ý tưởng của mình. Tại sao người ta lại có thể bảo được rằng triết gia cổ điển đã trừu tượng hóa con người, đã chỉ nhìn thấy có một khía cạnh nào đó của con người toàn diện mà thôi? Triết học hiện đại đã vạch rõ rằng triết lý cổ điển cô lập con người.

Ở trong triết học duy lý chẳng hạn người ta nhận định rằng người chiếm giữ một chỗ đứng riêng biệt, thấp hơn chỗ đứng của những vị thần linh nhưng lại cao cả hơn địa vị của muôn vật trong vũ trụ. Những sự vật trong vũ trụ đó chỉ là những sự kiện luôn luôn đổi thay biến dịch con người thì trái lại bởi bản chất là một sự kiện cốt yếu, tồn tại. Như vậy con người ở trong vũ trụ có một chỗ

đứng riêng rẽ, không liên quan gì với mọi vật khác trong vũ trụ. Người là một vũ trụ trong vũ trụ. Như vậy tức là triết lý duy lý đã trừu tượng hóa con người bởi vì trên thực tế người sống liên đới với vũ trụ, ở trong vũ trụ.

Triết lý duy vật cũng đã trừu tượng hóa con người bằng một hình thức khác. Họ thường hay dùng lối phân tách để tìm hiểu yếu tố cấu tạo nên con người. Chúng ta có những tư tưởng, tình cảm vui buồn thì một triết gia như Condillac chẳng hạn liền đưa ra một lối giải thích rằng những tình cảm, tư tưởng đó là sự phối hợp của những cảm giác. Cảm giác là những yếu tố đơn giản. Chúng có thể phối hợp với nhau thế này hay thế khác. Và sự phối hợp đó biến đổi nên có khi ta buồn có lúc ta vui. Condillac đã trừu tượng hóa con người bởi vì ông đã xét những hiện tượng tâm linh của con người đó một cách trừu tượng. Xét những sự phối hợp của cảm giác mà luận ra tâm lý con người cũng như xét một ngôi nhà bằng cách đếm tổng số những viên gạch mà không cần biết gì đến kiến trúc mỹ thuật hình thể.

Một con người trừu tượng như vậy đã bị triết học hiện đại lên án loại bỏ. Cần phải trở về với một con người cụ thể toàn diện; các triết gia hiện đại bảo ta như thế.



Nhưng thế nào là một con người cụ thể. Gần đây chúng ta thường được nghe nhắc đến những mệnh đề tương tự như: « con người sống bao giờ cũng ở trong vũ trụ, cõi đời », « Là một loài hữu hạn người không thể không nghĩ đến một đấng siêu việt vô cùng... » Những mệnh đề quen thuộc đó hầu như được quy tụ lại để vạch rõ cho ta một sự thật: người không phải là một sự kiện trừu tượng, cô lập, sống lơ lửng, trên không chẳng dưới không rỗng. Con người thật sự cụ thể là một con người luôn luôn sống ở trong một hoàn cảnh. Hoàn cảnh nào? Có thể là những hoàn cảnh không gian, thời gian hay là những hoàn cảnh siêu việt, hoàn cảnh giới hạn.

Có những triết gia như Jaspers đã nhấn mạnh về những hoàn cảnh giới hạn đó. Con người sống thì phải ốm đau, phải già nua rồi sau cùng sớm hay muộn phải chết. Bệnh tật già yếu, ốm đau, chết chóc như vậy là những hoàn cảnh giới hạn của đời người. Người không thể sống ngoài những điều kiện đó được. Người thì không thể bất tử được.

Có những triết gia khác như Kierkegaard đã nhận với một hoàn

cảnh siêu việt. Là một sinh vật hữu hạn người luôn luôn phải nghĩ đến, phải hướng về một đấng vô cùng. Có thể nói được rằng người bị thu hút bởi cái siêu việt đó. Người không thể hiểu biết được cái siêu việt thể mà vẫn cứ muốn tìm hiểu như một con thiêu thân lao mình vào ánh sáng.

Nhưng những hoàn cảnh bao quanh đời sống con người mà các triết gia hiện đại dù có tín ngưỡng như Jaspers, Gabriel Marcel, vô thần như Sartre hay thuộc phái nhân vị như E. Mounier, J. Lacroix đều nhấn mạnh đến là những hoàn cảnh thuộc về không gian và thời gian.

Hoàn cảnh về thời gian chẳng hạn như con người luôn sống liên đới một lịch sử. Nghiền cứu một con người mà không chú ý tới tính chất liên đới với lịch sử đó tức là đã trừu tượng hóa con người. Người ta có thể hỏi được rằng khái niệm lịch sử mà triết gia hiện đại đề cập tới đó không phải là một sự kiện mới lạ. Lịch sử đã được nghiền cứu bởi những sử gia danh tiếng như: Augustin, Thierry, Michelet... lịch sử đã được kể là một khoa học tinh thần từ thế kỷ thứ 19 hơn nữa không những chỉ có những sử gia mới bàn về lịch sử... Có những triết gia duy lý như Hegel đã đề cập đến một triết học lịch sử, những triết gia duy vật như Marx đã nói về sự tiến triển của lịch sử. Đi sâu hơn nữa vào triết học cổ truyền ta có thể nói được rằng khái niệm lịch sử trong triết học Tây-phương xuất hiện từ khi có đạo Thiên Chúa và sự Giáng sinh. Đạo Thiên Chúa đã phân biệt cho người ta biết con người sẽ được phán xét bởi Thượng Đế về những hành động đang làm và đã làm hoặc sẽ làm. Biết phân biệt được cái đang có, đã có và sẽ có tức là người ta đã phân biệt được dĩ vãng, hiện tại và tương lai. Dĩ vãng một khi đã trôi qua thì không bao giờ trở lại nữa bởi vì một khi được phán xét thì ta không thể nào làm lại cuộc đời được nữa.

Triết gia hiện đại đồng ý rằng khái niệm lịch sử không phải là một điều mới lạ. Nhưng họ phân biệt rằng nói về lịch sử và sống ở trong một hoàn cảnh lịch sử là hai sự kiện khác nhau. Nói về lịch sử thì ta sẽ nói một cách lãnh đạm, rững rưng khi ta nói về cái bản cái ghé, một mặt biển, một ngọn núi. Lịch sử bị biến thành một thực tại ở bên ngoài ta. Vì vậy sử gia đã nói về lịch sử với giọng nói của một người kể chuyện cổ tích, kể chuyện lạ, phiếm luận về những sự kiện đã xảy ra vui có buồn có nhưng không thể làm cho họ vui hoặc buồn bởi vì họ chỉ là những khách bàng quan kể chuyện.

Lịch sử dưới mắt triết gia như Hegel hay Marx cũng được coi như một thực tại ở bên ngoài ta vậy. Lịch sử được hình dung như một bánh xe khổng lồ luân chuyển trên một con đường đi theo một hướng đã được hoạch định sẵn sàng. Nó chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Bánh xe lịch sử đó luôn luôn quay vòng luôn chạy trên

con đường dài. Tốc độ di chuyển của nó là bởi nó sinh ra. Có ta hay không có ta bánh xe lịch sử cũng vẫn cứ luôn luôn biến chuyển theo một luật tắc đã được quy định. Ta chỉ là những hạt bụi hạt cát bám vào cái bánh xe lịch sử đó. Nếu bám chặt thì ta sẽ được tiến cùng với đà quay của bánh xe, ta tiến theo lịch sử. Nếu bám không chặt thì hạt cát hạt bụi đó sẽ bị nghiền nát, sẽ bị bỏ lại lạc lõng trên một đoạn đường. Triết gia hiện đại phản đối quan niệm như vậy. Không thể quan niệm về lịch sử như những sử gia và những triết gia duy tâm duy vật kể trên được. Không thể kể lịch sử là một thực tại riêng rẽ với con người, ở ngoài con người được. Sử gia không thể kể lại truyện lịch sử của một cách lãnh đạm, rùng rùng như một người khách bàng quan được. R. Aron đã nhấn mạnh rằng sử gia không thể khách quan tuyệt đối được. Làm thế nào mà giữ được một thái độ khách quan tuyệt đối một khi ông phải *giải thích* mối tương quan giữa những hiện tượng có trước và có sau trong lịch sử. Sử gia bao giờ cũng thuộc về một đoàn thể nên khi ông *giải thích* thì ảnh hưởng của thời đại ông đã tác động đến lời *giải thích* không phải là ít. Vũ lại *giải thích* lịch sử là gì nếu không thường là một thứ lý luận theo loại suy, suy từ hiện tại sang dĩ vãng. Như vậy kể lịch sử như một thực tại ở bên ngoài ta, một đồ vật mà ta có thể quan sát một cách khách quan được là một điều làm lỗi. Triết gia lịch sử như Hegel cũng đã sai lầm. Có thể con người chỉ là hạt bụi. Nhưng nếu không có người trong hiện tại thì lịch sử cũng theo đó mà tiêu tan. Không có sự ý thức của con người về lịch sử thì làm gì còn lịch sử nữa. Làm gì có lịch sử loài vật? Và ngay như những ý nghĩa của lịch sử cũng do con người hiện tại đem lại cho lịch sử. Họ làm việc để xây dựng tức là họ đã công nhận lịch sử để lại một nền tảng đáng tin cậy. Họ trở nên hỗn loạn, muốn phá đổ vỡ tất cả tức là họ đã buộc cho lịch sử ý nghĩa vu vơ, rối ren, không đáng tin cậy. Lịch sử như vậy không phải là một thực tại ở bên ngoài con người. Sẽ không có lịch sử nếu không có con người hiện tại. Ý nghĩa lịch sử đến từ ta. Nhưng đồng thời cũng không có con người nào tồn tại ở bên ngoài lịch sử, bên ngoài những hoàn cảnh lịch sử. Sống trong hiện tại tôi luôn luôn hướng về tương lai, có những dự định lạc quan hoặc bi quan. Nhưng làm thế nào tôi có được những dự định nếu tôi sống không liên lạc với một dĩ vãng nào cả. Dự định về tương lai đó là gì nếu không phải là những điều tôi muốn làm, tôi cho rằng nên làm, làm để thể hiện được *một cái gì khác những cái đang có và đã có*. Sự khác biệt đó có thể là mâu thuẫn, đối mới, cũng có thể là tiếp tục, kiện toàn. Là một người dạy học tôi có những dự định về tương lai giáo dục, về sự cải tổ chương trình, tổ chức học chính, điều kiện sinh hoạt của giáo chức. Nhưng cải tổ ra

làm sao, thay đổi như thế nào? Những ước vọng về tương lai đó khác với những thực tại hiện nay và trong dĩ vãng ra sao? Vậy thì tôi, người làm giáo dục, không thể có được những dự thảo về tương lai nếu tôi không nằm ở trong một hoàn cảnh lịch sử nào đó. Là một người làm thơ tôi muốn thể hiện những tác phẩm thi ca có giá trị. Tôi có những tình cảm, ý tưởng, hình ảnh nhưng tôi sẽ đúc cốt những ý tưởng, tình cảm và hình ảnh đó ở trong thể thơ nào. Tôi cần phải biết trước khi có tôi, trước khi tôi làm thơ đã có những thể thơ lục bát song thất, thơ đường, thơ mới. Tôi cần phải biết Nguyễn-Du, Tú-Xương, Tản-Đà, Xuân-Điệu đã làm thơ ra làm sao, đã sử dụng những thể thơ kể trên như thế nào. Biết để đừng làm những điều họ đã làm rồi, để có thể sáng tác thật sự. Biết để xem xét tại sao nên chấp nhận những thể thơ đó, tại sao nên từ bỏ chúng để thử thách với một loại thơ khác hơn như thơ tự do, thơ xuôi.

Tóm lại một con người sống trong hiện tại mà luôn luôn hướng về tương lai, luôn luôn có những dự thảo, dự định. Và không thể có những dự định được nếu không liên lạc với một dĩ vãng nào đó, một lịch sử nào đó. Lịch sử như vậy không phải là một thực tại ở bên ngoài cho người. Nó thuộc về thành phần của đời người, bản tính của đời người. Vì vậy B. Croce đã nói về một *sự tính* (historicité) của đời người.

Và con người không phải chỉ ở trong những hoàn cảnh thời gian mà còn ở trong những hoàn cảnh không gian nữa. Người ở trong một cõi đời, một xã hội. Các triết gia hiện đại đã nhấn mạnh như vậy. Heidegger lại còn nói rõ rằng tiếng ở *trong* là một tiếng dùng không được chính. Muốn có trong thì phải có ngoài. Thí dụ như *trong* buồng đối lập với *ngoài* sân. Vậy thì không thể nói được rằng người ở trong vũ trụ, cõi đời, xã hội được. Hẳn *không ở trong* bởi vì hẳn *không thể ở ngoài* vũ trụ, cõi đời và xã hội được. Phải nói rằng *người ở vũ trụ, ở cõi đời, ở xã hội*. Không thể chối bỏ những hoàn cảnh không gian đó được. Và không chỉ những triết gia mới nhắc nhở đến những hoàn cảnh không gian đó, những nhà xã hội học như Gurvitch đã nhấn mạnh về mối tương quan giữa con người và xã hội, những vấn đề tranh chấp, đối lập người và xã hội như hai sự kiện riêng rẽ nhau, mâu thuẫn nhau, chống đối nhau chỉ là một vấn đề đặt sai. Không có vấn đề đó. Người và xã hội đã dính liền vào nhau như anh em liền lưng. Ở trong chúng ta có cái của người, nơi người khác có ít nhiều dấu vết của ta. Xã hội bằng bạc nơi ta và bóng dáng ta bằng bạc nơi xã hội. Không thể có một cá nhân nào tồn tại được bên ngoài xã hội. Hay nói khác đi không có xã hội nếu không có cá nhân, và cũng không có cá nhân nếu không có xã hội. Cũng như ta không thể đứng ngoài

lịch sử được, ta không thể đứng ngoài vũ trụ, cõi đời, xã hội được bởi một lý do dễ hiểu là *không có một chỗ nào ở ngoài để đứng cả*.

Vậy thì con người cụ thể là một con người sống trong hoàn cảnh.

Ta lại phải nhấn mạnh thêm rằng những hoàn cảnh đó biến thiên theo mỗi cá nhân. Kierkegaard sống trong một hoàn cảnh có những điểm tương đối chung với tất cả những người thời đại đó nhưng cũng có những hoàn cảnh riêng rẽ hoàn toàn của ông. Hoàn cảnh của ông là hoàn cảnh của mọi người đứng trước một cuộc tình tan vỡ vì những lý do hết sức riêng tư. Là một người khảo cứu về triết lý tôi cũng lại đứng trong những hoàn cảnh riêng biệt. Hoàn cảnh trong đó tôi khảo cứu triết lý không giống hoàn cảnh của Kierkegaard, Khổng Tử... bởi vì trước tôi đã có Kierkegaard, Heidegger, Jaspers, Sartre; đã có Khổng Tử, Lão Tử, Phùng hữu Lan. Tôi không thể suy nghĩ về triết lý như một người Pháp, người Đức bởi vì tôi đã nhón lên trong những hình ảnh truyền cổ Đông-Phương, bởi vì đa tôi vàng bởi vì danh từ triết học bằng Việt Ngữ đang ở trong thời kỳ soạn thảo, tra cứu, thảo luận. Tôi không thể có một quan niệm về giá trị giống hệt như những người cũng khảo cứu triết lý ở trong xã hội tôi bởi vì tôi phải giầy học ba chục giờ một tuần lễ để sinh sống, tôi phải trông nom con, em ; tôi thích làm thơ viết tiểu thuyết phê bình văn nghệ cũng như khảo cứu triết lý.

Bàn về con người mà bỏ qua những hoàn cảnh đặc biệt của cuộc sống, tính chất cụ thể của đời người tức là trừu tượng hóa con người, tức là dựng nên một mẫu người bằng ý tưởng. Trở về với con người cụ thể, đó là đặc điểm của triết học hiện đại.

NGUYỄN SA

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của: NGUYỄN DẰNG — NGUYỄN TRUNG — MAI THẢO

XÓM NGHÈO của NGUYỄN THỊ VINH — Phụng Giang

Đây 138 trang *Xóm Nghèo* gồm có tám truyện ngắn. Nhân vật: những con người chất phác hiền lành, nhiều tình thương xót, nương vào nhau mà sống. Họ sống thành đôi: một bà cô già với một đứa cháu nhỏ, hai người anh em họ, hai chị em, một bà cô nghèo sống nhờ một người cháu gái v.v... Khung cảnh: ngoài một vài nét sinh hoạt yếu đuối về đời sống thành phố, bối cảnh của truyện thường là cái heo lánh tĩnh mịch của những vùng quê nhiều gió lạnh và nhiều bóng tối. Nguyễn thị Vinh thường tìm thể hiện tâm trạng và đời sống của những con người có ràng buộc với nhau hoặc bằng tình máu mủ ruột thịt hoặc bằng sự chung sống dưới một mái nhà. Không khí gia đình phẳng phất trong hầu hết các truyện. Những tâm trạng chỉ có giữa những người thân thiết sống bên nhau. Nỗi nhớ thương một người mẹ đã khuất, một đứa cháu mồ côi, thảm kịch thời chiến cùng xảy đến cho hai chị em một nhà, Nguyễn thị Vinh đã diễn tả với tâm hồn của một người mẹ, một người chị. Giọng văn đơn hậu, nhiều tình cảm. Những tình cảm tốt của những con người tốt. Có một điều là sự giống nhau của cá tính nhân vật, cái không khí chung bao phủ từ đầu đến cuối tập sách cộng với lối viết đều đặn đã tạo cho người đọc một cảm giác buồn nản, thiếu hào hứng. Nó mâu thuẫn hẳn với lời ghi trên đầu sách. Trích một nhận xét của Edmond Jaloux và Katherine Mansfield nữ văn hào Anh sở trường về lối viết « những

truyện không có truyện », nhà xuất bản đã gián tiếp giới thiệu lối viết ấy ở tác giả *Xóm Nghèo*. *Tả cuộc đời với đủ mọi sự phức tạp mà không làm cho đời thành có vẻ tuồng đời* hỏi một ngôi bút linh động và sắc bén, mà giá trị ngôi bút của Nguyễn thị Vinh thì ở chỗ khác. *Xóm Nghèo* không thể hiện những phức tạp của cuộc đời, mà chỉ phỏ bày một tâm hồn giàu tình cảm nhìn vào cuộc sống một cách chừng mực giản dị. Người đọc cũng không đời hỏi gì thêm. Sau cùng, nếu so sánh tám truyện với nhau, xét về giá trị nghệ thuật của một truyện ngắn, Tinh Luy là truyện hay nhất.

N.Đ.

BỐN TRUYỆN NGẮN ANH VĂN CHỌN LỌC bản dịch của VÕ HẠ LANG — Thời Đại

Tập sách dịch thuộc loại Anh-Việt đối chiếu gồm bốn truyện ngắn: *Nhiệt Hà* của Erskine Caldwell, *Nỗi Niềm Đau Khổ Của Nàng Peggety* của John Hersey, *Bác Nông Dân Miền Thung Lũng* của Edna Ferber, *Hai Người Lính* của William Faulner. Sách trình bày gọn và giản dị. Sự lựa chọn những tác phẩm phiên dịch hàm chứa một dụng ý: phỏ diễn cái khác biệt của mỗi truyện, từ đề tài đến lối viết, nhưng cũng lại để cho người đọc nhận thấy qua sự khác biệt ấy một tính chất chung là lối hành văn mạnh mẽ, lối diễn tả đời sống và tình cảm con người một cách hồn nhiên và linh động điều mà chúng ta vẫn thường tìm thấy trong sáng tác của đa số những nhà văn Mỹ Châu, rõ rệt nhất trong thể truyện ngắn. Ngôi

bút phiên dịch của ông Võ Hà Lang ở đây công phu và thận trọng nhưng có lẽ là loại Anh-Việt đối chiếu, mỗi trang dịch không thể dài ngắn hơn một trang nguyên bản, nên nhiều chỗ dịch giả đã bị khuôn bó trong giới hạn của trang sách. Ta có cảm tưởng như dịch giả chú ý đến việc chọn dịch đúng nghĩa từng chữ hơn là đề ý đến toàn thể câu văn. Bởi vậy bản dịch thiếu chau chuốt, chỉ đúng nghĩa mà không thoát ý. Một khuyết điểm nữa về lối dịch tên người. Lúc thì dịch giả để nguyên tên thật lúc lại đem phiên âm ra Việt ngữ. Thiết tưởng nên chọn một lối thì phải hơn. Về những giòng tiêu sử tác giả ghi trên đầu mỗi truyện, sự sơ lược có thể coi như một thiếu sót nếu chúng ta nghĩ rằng đây là loại Anh-Việt đối chiếu rất hữu ích cho những người muốn học hỏi ngoại ngữ trong các sáng tác văn chương, và như vậy sự nghiệp văn học, cuộc đời của mỗi tác giả cần được trình bày đầy đủ và kỹ lưỡng hơn. Bốn truyện ngắn đều là sáng tác thật hay chứng tỏ dịch giả đã lựa chọn đúng những tác phẩm để dịch.

N.Đ.

GÓP MỘT Ý KIẾN VỀ TRIỂN LÃM DUY THANH

Cuộc Triển lãm sơn dầu và bột màu của Duy Thanh tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội quyến rũ một số đông người xem.

Điều làm người ta cởi mở là tính cách sáng tạo của cuộc triển lãm này. Duy Thanh đang tìm một đường lối mới. Có lẽ họa sĩ đang thí nghiệm vì trong phòng tranh, những tác phẩm không theo một

đường lối duy nhất. Người ta thấy hai lối rõ rệt: một của cá nhân nghệ sĩ tuy có phớt cái « chất Matisse » và một nghiêng về nghệ thuật trừu tượng. Tốt hơn Duy Thanh nên chọn lối ở trên, gần gũi và dễ cảm.

Duy Thanh chú trọng rất nhiều về đường nét và màu sắc. Màu sắc trên tay Duy Thanh khi thì huy hoàng và nhiều tương phản, khi thì mơ màng và hòa hợp. Có nhiều sắc do sự pha trộn rất đẹp, nhất là ở những bức sơn dầu. Cái lối đi dày (empatement) của loại tranh này nếu chuẩn bị kỹ thuật không hoàn toàn dễ đi đến sự hư hỏng về sau. Nếu nhìn kỹ, ta thấy một vết nứt rạn nhỏ trong bức chân dung thiếu nữ. Hình thể đối với Duy Thanh chỉ là phương tiện trang hoàng sắp đặt và được giới hạn bởi những đường nét đậm. Điều này cũng như sự phân phối màu sắc rất hay ở những bức tĩnh vật bằng bột màu khiến ta nghĩ đến Matisse. Như vậy không phủ định giá trị nghệ thuật của tác phẩm Duy Thanh. Chính cái bút pháp phóng túng độc đáo của họa sĩ mới là điều đáng kể.

Đi xem cuộc triển lãm Duy Thanh, một người bạn hỏi tôi: « Sao không thấy đề tài? » Tôi nghĩ có lẽ Họa sĩ muốn dẫn chứng quan niệm « nghệ thuật không có giải thích » của mình (Sáng Tạo số 8 trang 34, « Nói về Hội họa »). Người bạn lại nói: « Duy Thanh lập dị quá ». Tôi không đồng ý mà nghĩ rằng có lẽ Họa sĩ muốn sáng tạo một đường lối cá nhân mình. Hầu hết các tác phẩm là phản ảnh nội tâm nghệ sĩ. Duy Thanh gần như quên lãng cái xã hội quanh mình.

Tác dụng cuộc triển lãm này có lẽ là gây một không khí sáng tạo cho nền hội họa trong nước.

N.T.

Sinh viên Mỹ Thuật

LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA PHONG TRÀO QUỐC GIA VIỆT NAM của NGHIÊM XUÂN HỒNG Quan Điểm

Thiên nghiên cứu chính trị chia làm bốn phần. Chương 1, phác lược những giai đoạn tranh đấu của Phong Trào Quốc Gia V. N. Chương 2, phân tích những tính chất xã hội và ưu khuyết điểm của các phong trào này. Chương 3, những trào lưu chính trị quốc tế ảnh hưởng đến sự chuyển hướng các phong trào tại V.N. Chương 4, Lý luận minh chứng hướng tiến tất yếu của phong trào quốc gia V.N. Một vấn đề hết sức to rộng gói tròn trong ngót 300 trang sách. Điểm đặc biệt nhận thấy ngay ở Nghiêm xuân Hồng trong tập nghiên cứu chính trị này cũng như trong thiên nhận thức luận *Đi tìm một căn bản tư tưởng* là ông không chịu chỉ đề cập tới một mặt của vấn đề mà bao giờ cũng trải lên trên đó một cái nhìn toàn diện. Nghệ thuật là ở chỗ vấn đề được trình bày theo từng chương từng mục nối tiếp rất thú vị khoa học, theo một hệ thống lý luận nhất định. Hệ thống đó là trình bày tất cả mọi hiện tượng, mọi sự kiện đã có, đưa ra ánh sáng những tiêu đề căn yếu đầy đủ để cuối cùng, minh chứng cho quan điểm và lập trường cách mạng của giai cấp tiểu tư sản. Ta có thể mệnh danh đó là lối lý luận Nghiêm xuân Hồng. *Đi tìm một*

căn bản tư tưởng là những hệ thống lý thuyết. Ở đây là những sự kiện lịch sử, những phong trào tranh đấu cách mạng.

Nội dung tập nghiên cứu, cái mà Nghiêm xuân Hồng gọi là *những sự thực lịch sử* chắc sẽ là một đầu đề tranh luận cho tất cả những ai tha thiết với vấn đề. Tôi chỉ xin nêu lên điểm đó tôi cho là quan trọng nhất. Cái nhìn của một lý luận gia, hơn là một sử gia, đã hàm chứa ít nhiều tính chất chủ quan. Và những sự kiện cách mạng theo tôi, có những ý nghĩa độc lập, nhiều khi khác biệt hẳn khi chúng ta sắp đặt nó thành những phong trào chính trị. Làm lịch sử bằng phương thức chính trị, nhưng lịch sử là một sự kiện cách mạng. Tính chất cách mạng cái nghĩa được những sai lầm, đánh giá được những hiện tượng mà một quan niệm chính trị có thể làm sai lạc ý nghĩa nội tại.

Nhưng có điều chúng ta không thể chối cãi được là Nghiêm xuân Hồng đã có một lập trường vững vàng và một lối lý luận khoa học khi ông trình bày những sự thực lịch sử theo quan điểm của ông. Giọng văn đanh thép và những lý lẽ ông đưa ra đều là kết quả của một công trình nghiên cứu công phu và suy tưởng thông minh, khiến cho *Lịch Trình Diễn Tiến Của Phong Trào Quốc Gia V. N.* xứng đáng được xếp hàng đầu trong loại sách lý luận của nhóm Quan Điểm. Tính chất tiến bộ của nó góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng một hệ thống lý thuyết cần thiết cho các phong trào quốc gia đang đi lên.

M.T.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TRIỂN LÃM HỘI HỌA

Một cuộc triển lãm hội họa gồm có tác phẩm của các họa sĩ : Lê thị Quang — Tôn Nữ Thượng Khanh — Đào Sĩ Chu — Ngọc Dũng — Vĩ Ý — Thái Tuấn — Duy Thanh sẽ khai mạc hồi 5 giờ chiều ngày 15-4 tại phòng Thông Tin đường Tự Do Saigon cho tới 30-4-1958 mới bế mạc.

LỚP HƯỚNG DẪN HỘI HỌA

Họa sĩ Thái Tuấn — với sự cộng tác của Duy Thanh — nhận hướng dẫn về hội họa một số bạn trẻ ưa chuộng nghệ thuật.

Hội điều lệ và ghi tên tại tòa soạn tạp chí Sáng Tạo vào buổi sáng thứ ba và thứ sáu.

THƯ NGỎ

Chúng tôi muốn mời 3 nữ diễn viên tuổi từ 20 đến 28 thích đóng kịch, không đòi hỏi quyền lợi vật chất, cộng tác với chúng tôi trong việc dựng hai vở :

- Ba Chị Em của Thanh Tâm Tuyền
- Đêm Ba Mươi của Trần Lê Nguyễn

Liên lạc với tòa báo Sáng Tạo, 133B, đường Kỳ-Con vào những sáng thứ hai (9 giờ — 11 giờ) và những chiều thứ bảy (3 giờ — 5 giờ).

Nhóm Kịch Những Tác Phẩm Chọn Lọc

TUYỂN TẬP THI CA

Đón đọc cuối tháng tư này tập thơ «Những Người Đang Đi Lên» số mở đầu loại tuyển tập thi ca, xuất bản mỗi tháng một kỳ do Nguyễn Sa chủ trương.

HỘP THƯ SÁNG TẠO

Các bạn : Giang Hà, Tô thủy Vân, L. T. A., Thái hồng An, Bích Hoài, Văn Huy, Hữu Nghĩa, Huệ linh, Thương Thương, Thanh Trầm Giang, Tạ Hiền, Lưu hoàng Hoa, Nguyễn hiếu Văn, Hà thế Ruyết, Thanh Cầm, Nguyễn xuân Sơn :

Đã nhận được thư và thơ văn các bạn. Cảm tạ.

Lôi Tam : Truyện ngắn đăng số này. Thơ đã nhận được. Thân ái.

Bạn Nguyễn hồng Sơn : Rất tiếc không đăng được. Mong bạn gửi cho những sáng tác mới, đặc sắc hơn.

Bạn Nguyễn thế Khang : « Saigon ơi nhớ lắm » không đăng. Chờ sáng tác mới. Thân ái.

Thế Viên : Nhận được thư và thơ. Thơ đang xem. Còn thư thì hoàn toàn đồng ý.

Vĩ huyền Hương : Đã nhận được đủ cả. Cần mới lạ, khám phá hơn nữa. Thân ái.

Trường Dzi : Đã nhận được thơ và «Hạnh phúc của Hà». Thân ái.